PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Thông tư số 03/2014/TT-BTNMT ngày 12 tháng 02 năm 2014 ban hành Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ phần đất liền tỉnh Nghệ An

DANH MỤC ĐỊA DANH
DÂN CƯ, SƠN VĂN, THỦY VĂN, KINH TẾ - XÃ HỘI PHỤC VỤ
CÔNG TÁC THÀNH LẬP BẢN ĐỒ PHẦN ĐẤT LIỀN TỈNH NGHỆ AN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 03/2014/TT-BTNMT
ngày 12 tháng 02 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

Phần II
DANH MỤC ĐỊA DANH DÂN CƯ, SƠN VĂN, THỦY VĂN, KINH TẾ - XÃ HỘI PHỤC VỤ
CÔNG TÁC THÀNH LẬP BẢN ĐỒ PHẦN ĐẤT LIỀN TỈNH NGHỆ AN

(Tiếp theo Công báo số 261 + 262)

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
bản Tằm 1	DC	xã Châu Phong	H. Quỳ Châu	19° 29' 09"	104° 59' 54"					E-48-18-B
bản Tằm 2	DC	xã Châu Phong	H. Quỳ Châu	19° 29' 24"	105° 00' 06"					E-48-18-B
bản Tóng 1	DC	xã Châu Phong	H. Quỳ Châu	19° 27' 29"	105° 01' 14"					E-48-19-A
bản Tóng 2	DC	xã Châu Phong	H. Quỳ Châu	19° 27' 45"	105° 00' 52"					E-48-19-A
núi Tổng Khang	SV	xã Châu Phong	H. Quỳ Châu	19° 26' 41"	105° 05' 49"					E-48-19-A
huổi Xám Tang	TV	xã Châu Phong	H. Quỳ Châu			19° 24' 59"	105° 00' 35"	19° 27' 33"	104° 59' 51"	E-48-19-A, E-48-18-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
dãy Xang Tang	SV	xã Châu Phong	H. Quỳ Châu			19° 25' 45"	104° 59' 37"	19° 24' 47"	105° 00' 02"	E-48-18-B
bản Xốp Cam	DC	xã Châu Phong	H. Quỳ Châu	19° 28' 48"	105° 00' 04"					E-48-19-A
quốc lộ 48	KX	xã Châu Thắng	H. Quỳ Châu			19° 51' 31"	104° 50' 04"	19° 05' 04"	105° 35' 10"	E-48-7-C
Bản Bài	DC	xã Châu Thắng	H. Quỳ Châu	19° 34' 33"	105° 02' 10"					E-48-7-C
Bản Cằng	DC	xã Châu Thắng	H. Quỳ Châu	19° 34' 44"	105° 01' 51"					E-48-7-C
Suối Cằng	TV	xã Châu Thắng	H. Quỳ Châu			19° 34' 02"	105° 00' 58"	19° 34' 51"	105° 01' 51"	E-48-7-C
bản Chiềng Ban 1	DC	xã Châu Thắng	H. Quỳ Châu	19° 35' 54"	105° 00' 40"					E-48-7-C
bản Chiềng Ban 2	DC	xã Châu Thắng	H. Quỳ Châu	19° 35' 49"	105° 00' 30"					E-48-7-C
Núi Cò	SV	xã Châu Thắng	H. Quỳ Châu	19° 32' 31"	105° 00' 11"					E-48-7-C
núi Cụt Lá	SV	xã Châu Thắng	H. Quỳ Châu	19° 36' 19"	105° 01' 48"					E-48-7-C
Sông Hiếu	TV	xã Châu Thắng	H. Quỳ Châu			19° 43' 07"	104° 51' 25"	19° 15' 32"	105° 25' 09"	E-48-19-B-d
bản Kẻ Bận	DC	xã Châu Thắng	H. Quỳ Châu	19° 35' 04"	105° 01' 44"					E-48-7-C
suối Nặm Pông	TV	xã Châu Thắng	H. Quỳ Châu			19° 28' 44"	104° 59' 59"	105° 03' 20"	19° 33' 21"	E-48-18-B, E-48-7-C
núi Phá May	SV	xã Châu Thắng	H. Quỳ Châu	19° 32' 32"	105° 00' 40"					E-48-7-C
Sông Quàng	TV	xã Châu Thắng	H. Quỳ Châu			19° 35' 20"	104° 41' 35"	19° 36' 18"	105° 00' 06"	E-48-7-C, E-48-6-D
Núi Tuông	SV	xã Châu Thắng	H. Quỳ Châu	19° 36' 03"	105° 01' 12"					E-48-7-C
bản Xẹt 1	DC	xã Châu Thắng	H. Quỳ Châu	105° 00' 19"	19° 35' 24"					E-48-7-C
bản Xẹt 2	DC	xã Châu Thắng	H. Quỳ Châu	19° 35' 06"	105° 00' 17"					E-48-7-C
bản Xóm Mới	DC	xã Châu Thắng	H. Quỳ Châu	19° 35' 05"	105° 01' 14"					E-48-7-C
Suối Bông	TV	xã Châu Thuận	H. Quỳ Châu			19° 40' 13"	105° 04' 43"	19° 38' 28"	105° 03' 21"	E-48-7-C
bản Bông 1	DC	xã Châu Thuận	H. Quỳ Châu	19° 38' 31"	105° 03' 10"					E-48-7-C
bản Bông 2	DC	xã Châu Thuận	H. Quỳ Châu	19° 38' 38"	105° 03' 47"					E-48-7-C
Núi Chai	SV	xã Châu Thuận	H. Quỳ Châu	19° 38' 55"	105° 07' 57"					E-48-7-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
Suối Chai	TV	xã Châu Thuận	H. Quỳ Châu			19° 38' 29"	105° 05' 16"	19° 38' 24"	105° 01' 11"	E-48-7-C
Bản Chàng	DC	xã Châu Thuận	H. Quỳ Châu	19° 38' 23"	105° 05' 10"					E-48-7-C
Bản Chiềng	DC	xã Châu Thuận	H. Quỳ Châu	19° 38' 31"	105° 05' 24"					E-48-7-C
Khe Cua	TV	xã Châu Thuận	H. Quỳ Châu			19° 39' 11"	105° 06' 12"	19° 38' 29"	105° 05' 16"	E-48-7-C
suối Khún	TV	xã Châu Thuận	H. Quỳ Châu			19° 40' 16"	105° 05' 58"	19° 38' 40"	105° 04' 32"	E-48-7-C
Bản Men	DC	xã Châu Thuận	H. Quỳ Châu	19° 39' 05"	105° 04' 47"					E-48-7-C
Khe Muồng	TV	xã Châu Thuận	H. Quỳ Châu			19° 38' 33"	105° 06' 16"	19° 38' 27"	105° 05' 45"	E-48-7-C
Suối Nghịu	TV	xã Châu Thuận	H. Quỳ Châu			19° 40' 41"	105° 07' 00"	19° 39' 22"	105° 06' 42"	E-48-7-C
Suối Nính	TV	xã Châu Thuận	H. Quỳ Châu			19° 40' 04"	105° 10' 12"	19° 40' 05"	105° 08' 21"	E-48-7-C
Bản Noong	DC	xã Châu Thuận	H. Quỳ Châu	19° 38' 42"	105° 05' 41"					E-48-7-C
bản Noóng Hao	DC	xã Châu Thuận	H. Quỳ Châu	19° 38' 34"	105° 06' 00"					E-48-7-C
núi Phá Đánh	SV	xã Châu Thuận	H. Quỳ Châu	19° 37' 55"	105° 03' 05"					E-48-7-C
Khe Phai	TV	xã Châu Thuận	H. Quỳ Châu			19° 37' 46"	105° 05' 44"	19° 38' 27"	105° 05' 45"	E-48-7-C
Bản Piu	DC	xã Châu Thuận	H. Quỳ Châu	19° 38' 30"	105° 04' 43"					E-48-7-C
núi Pù Quạt	SV	xã Châu Thuận	H. Quỳ Châu	19° 40' 29"	105° 05' 24"					E-48-7-C
núi Pù Sánh	SV	xã Châu Thuận	H. Quỳ Châu	19° 40' 02"	105° 03' 26"					E-48-7-C
Núi Quang	SV	xã Châu Thuận	H. Quỳ Châu	19° 41' 15"	105° 09' 07"					E-48-7-C
dãy Sán Sư	SV	xã Châu Thuận	H. Quỳ Châu			19° 39' 32"	105° 04' 25"	19° 40' 29"	105° 05' 24"	E-48-7-C
bản Thắm 1	DC	xã Châu Thuận	H. Quỳ Châu	19° 38' 54"	105° 04' 28"					E-48-7-C
bản Thắm 2	DC	xã Châu Thuận	H. Quỳ Châu	19° 39' 00"	105° 04' 35"					E-48-7-C
Núi Tôn	SV	xã Châu Thuận	H. Quỳ Châu	19° 41' 04"	105° 09' 50"					E-48-7-C
quốc lộ 48	KX	xã Châu Tiến	H. Quỳ Châu			19° 51' 31"	104° 50' 04"	19° 05' 04"	105° 35' 10"	E-48-7-C, E-48-6-D
bản Bua Lầu	DC	xã Châu Tiến	H. Quỳ Châu	19° 36' 47"	105° 00' 37"					E-48-6-D
cầu Châu Tiến	KX	xã Châu Tiến	H. Quỳ Châu	19° 36' 42"	104° 59' 52"					E-48-6-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
núi Cụt La	SV	xã Châu Tiến	H. Quỳ Châu	19° 36' 19"	105° 01' 48"					E-48-7-C
bản Hạnh Tiến	DC	xã Châu Tiến	H. Quỳ Châu	19° 36' 32"	105° 00' 17"					E-48-7-C
Nậm Hạt	TV	xã Châu Tiến	H. Quỳ Châu			19° 40' 03"	105° 00' 45"	19° 36' 45"	104° 59' 53"	E-48-7-C, E-48-6-D
Sông Hiếu	TV	xã Châu Tiến	H. Quỳ Châu			19° 43' 07"	104° 51' 25"	19° 15' 32"	105° 25' 09"	E-48-7-C, E-48-6-D
bản Hoa Tiến 1	DC	xã Châu Tiến	H. Quỳ Châu	19° 37' 43"	104° 59' 43"					E-48-6-D
bản Hoa Tiến 2	DC	xã Châu Tiến	H. Quỳ Châu	19° 37' 36"	104° 59' 38"					E-48-6-D
bản Hồng Tiến 1	DC	xã Châu Tiến	H. Quỳ Châu	19° 36' 42"	105° 00' 46"					E-48-6-D
bản Hồng Tiến 2	DC	xã Châu Tiến	H. Quỳ Châu	19° 37' 13"	105° 00' 58"					E-48-6-D
bản Hợp Tiến	DC	xã Châu Tiến	H. Quỳ Châu	19° 36' 41"	105° 00' 28"					E-48-7-C
bản Minh Tiến	DC	xã Châu Tiến	H. Quỳ Châu	19° 36' 12"	105° 00' 38"					E-48-7-C
núi Pù Huống	SV	xã Châu Tiến	H. Quỳ Châu	19° 38' 30"	104° 59' 46"					E-48-6-D
núi Hang Pua	SV	xã Châu Tiến	H. Quỳ Châu	19° 37' 21"	105° 01' 51"					E-48-7-C
Núi Tuông	SV	xã Châu Tiến	H. Quỳ Châu	19° 36' 03"	105° 01' 12"					E-48-7-C
Suối Bò	TV	xã Diễn Lãm	H. Quỳ Châu			19° 22' 04"	104° 53' 57"	19° 23' 59"	104° 55' 56"	E-48-18-B
Bản Chao	DC	xã Diễn Lãm	H. Quỳ Châu	19° 26' 30"	104° 58' 12"					E-48-18-B
Huôi Chao	TV	xã Diễn Lãm	H. Quỳ Châu			19° 23' 01"	104° 59' 02"	19° 25' 05"	104° 59' 07"	E-48-18-B
bản Có Hướng	DC	xã Diễn Lãm	H. Quỳ Châu	19° 26' 15"	104° 58' 11"					E-48-18-B
Suối Cua	TV	xã Diễn Lãm	H. Quỳ Châu			19° 20' 26"	104° 55' 55"	19° 24' 01"	104° 57' 20"	E-48-18-B
Bản Cướm	DC	xã Diễn Lãm	H. Quỳ Châu	19° 24' 17"	104° 57' 57"					E-48-18-B
Nậm Cướm	TV	xã Diễn Lãm	H. Quỳ Châu			19° 25' 52"	104° 58' 15"	19° 28' 44"	104° 59' 59"	E-48-18-B
Suối Cướm	TV	xã Diễn Lãm	H. Quỳ Châu			19° 22' 46"	104° 52' 40"	19° 25' 52"	104° 58' 15"	E-48-18-B
Bản Hốc	DC	xã Diễn Lãm	H. Quỳ Châu	19° 27' 12"	104° 57' 43"					E-48-18-B
bản Na Ca	DC	xã Diễn Lãm	H. Quỳ Châu	19° 25' 58"	104° 58' 08"					E-48-18-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
bản Na Lạnh	DC	xã Diễn Lãm	H. Quỳ Châu	19° 25' 03"	104° 58' 07"					E-48-18-B
bản Na Luộc	DC	xã Diễn Lãm	H. Quỳ Châu	19° 24' 20"	104° 58' 12"					E-48-18-B
bản Na Mô	DC	xã Diễn Lãm	H. Quỳ Châu	19° 24' 32"	104° 57' 48"					E-48-18-B
bản Na Môn	DC	xã Diễn Lãm	H. Quỳ Châu	19° 25' 16"	104° 57' 57"					E-48-18-B
bản Na No	DC	xã Diễn Lãm	H. Quỳ Châu	19° 26' 56"	104° 57' 49"					E-48-18-B
bản Na Sơn	DC	xã Diễn Lãm	H. Quỳ Châu	19° 24' 59"	104° 57' 55"					E-48-18-B
Huôi Pá	TV	xã Diễn Lãm	H. Quỳ Châu			19° 25' 05"	104° 59' 07"	19° 25' 52"	104° 58' 15"	E-48-18-B
dãy Xang Tang	SV	xã Diễn Lãm	H. Quỳ Châu			19° 25' 45"	104° 59' 37"	19° 24' 47"	105° 00' 02"	E-48-18-B
bản Xốp Hốc	DC	xã Diễn Lãm	H. Quỳ Châu	19° 26' 37"	104° 58' 22"					E-48-18-B
đường tỉnh 532	KX	TT. Quỳ Hợp	H. Quỳ Hợp			19° 25' 00"	105° 07' 52"	19° 21' 39"	105° 16' 45"	E-48-19-A
quốc lộ 48C	KX	TT. Quỳ Hợp	H. Quỳ Hợp			19° 08' 56"	104° 41' 13"	19° 21' 39"	105° 16' 45"	E-48-19-A
khối Bắc Hồ	DC	TT. Quỳ Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 19' 36"	105° 11' 04"					E-48-19-A
Sông Dinh	TV	TT. Quỳ Hợp	H. Quỳ Hợp			19° 19' 05"	105° 09' 20"	19° 20' 58"	105° 21' 18"	E-48-19-A
khối Đông Hồ	DC	TT. Quỳ Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 19' 26"	105° 11' 05"					E-48-19-A
khối Hợp Bình	DC	TT. Quỳ Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 19' 53"	105° 10' 38"					E-48-19-A
khối Hợp Châu	DC	TT. Quỳ Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 19' 24"	105° 10' 24"					E-48-19-A
khối Hợp Hòa	DC	TT. Quỳ Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 19' 58"	105° 10' 47"					E-48-19-A
khối Hợp Minh	DC	TT. Quỳ Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 18' 57"	105° 10' 39"					E-48-19-A
khối Hợp Nhất	DC	TT. Quỳ Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 19' 28"	105° 11' 18"					E-48-19-A
khối Hợp Quang	DC	TT. Quỳ Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 19' 40"	105° 11' 23"					E-48-19-A
khối Hợp Sơn	DC	TT. Quỳ Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 19' 35"	105° 10' 13"					E-48-19-A
khối Hợp Tâm	DC	TT. Quỳ Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 19' 40"	105° 11' 15"					E-48-19-A
khối Hợp Tân	DC	TT. Quỳ Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 19' 53"	105° 11' 12"					E-48-19-A
khối Hợp Thái	DC	TT. Quỳ Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 19' 41"	105° 10' 27"					E-48-19-A
khối Hợp Thắng	DC	TT. Quỳ Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 19' 20"	105° 10' 43"					E-48-19-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
khối Hợp Thành	DC	TT. Quỳ Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 19' 13"	105° 10' 31"					E-48-19-A
khối Hợp Thịnh	DC	TT. Quỳ Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 19' 54"	105° 11' 21"					E-48-19-A
khối Hợp Tiến	DC	TT. Quỳ Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 19' 46"	105° 10' 46"					E-48-19-A
khối Hợp Trung	DC	TT. Quỳ Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 19' 47"	105° 11' 01"					E-48-19-A
khối Hợp Xuân	DC	TT. Quỳ Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 19' 19"	105° 11' 14"					E-48-19-A
khối Nam Hồ	DC	TT. Quỳ Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 19' 06"	105° 11' 00"					E-48-19-A
cầu Nậm Tôn	KX	TT. Quỳ Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 19' 32"	105° 10' 01"					E-48-19-A
khối Tây Hồ	DC	TT. Quỳ Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 19' 33"	105° 10' 41"					E-48-19-A
hồ Thung Mây	TV	TT. Quỳ Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 19' 27"	105° 10' 57"					E-48-19-A
Nậm Tôn	TV	TT. Quỳ Hợp	H. Quỳ Hợp			19° 20' 54"	105° 09' 22"	19° 19' 24"	105° 10' 12"	E-48-19-A
quốc lộ 48C	KX	xã Bắc Sơn	H. Quỳ Hợp			19° 08' 56"	104° 41' 13"	19° 21' 39"	105° 16' 45"	E-48-19-C
nặm Chung	TV	xã Bắc Sơn	H. Quỳ Hợp			19° 13' 20"	105° 01' 17"	19° 13' 32"	105° 07' 26"	E-48-19-C
núi Còn Cha	SV	xã Bắc Sơn	H. Quỳ Hợp	19° 12' 26"	105° 02' 44"					E-48-19-C
Bản Hiêng	DC	xã Bắc Sơn	H. Quỳ Hợp	19° 13' 04"	105° 04' 35"					E-48-19-C
Bản Mánh	DC	xã Bắc Sơn	H. Quỳ Hợp	19° 12' 13"	105° 03' 51"					E-48-19-C
bản Nậm Huống	DC	xã Bắc Sơn	H. Quỳ Hợp	19° 13' 37"	105° 04' 24"					E-48-19-C
Bản Nguộc	DC	xã Bắc Sơn	H. Quỳ Hợp	19° 12' 34"	105° 04' 28"					E-48-19-C
Bản Nháo	DC	xã Bắc Sơn	H. Quỳ Hợp	19° 13' 39"	105° 05' 28"					E-48-19-C
bản Pạ Pục	DC	xã Bắc Sơn	H. Quỳ Hợp	19° 13' 51"	105° 06' 08"					E-48-19-C
Bản Vạn	DC	xã Bắc Sơn	H. Quỳ Hợp	19° 12' 22"	105° 04' 13"					E-48-19-C
Bản Vi	DC	xã Bắc Sơn	H. Quỳ Hợp	19° 13' 11"	105° 04' 49"					E-48-19-C
đường tỉnh 532	KX	xã Châu Cường	H. Quỳ Hợp			19° 25' 00"	105° 07' 52"	19° 21' 39"	105° 16' 45"	E-48-19-A
Nậm Con	TV	xã Châu Cường	H. Quỳ Hợp			19° 20' 48"	105° 05' 36"	19° 19' 15"	105° 07' 30"	E-48-19-A
Huồi Dên	TV	xã Châu Cường	H. Quỳ Hợp			19° 24' 25"	105° 01' 47"	19° 20' 48"	105° 05' 36"	E-48-19-A
xóm Đồng Tiền	DC	xã Châu Cường	H. Quỳ Hợp	19° 19' 33"	105° 06' 45"					E-48-19-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
xóm Hạ Đông	DC	xã Châu Cường	H. Quỳ Hợp	19° 19' 41"	105° 07' 06"					E-48-19-A
Huồi Khi	TV	xã Châu Cường	H. Quỳ Hợp			19° 18' 13"	104° 59' 50"	19° 20' 48"	105° 05' 36"	E-48-19-A, E-48-18-B
Bản Khì	DC	xã Châu Cường	H. Quỳ Hợp	19° 20' 23"	105° 04' 37"					E-48-19-A
Phu Măng	SV	xã Châu Cường	H. Quỳ Hợp	19° 20' 18"	105° 03' 07"					E-48-19-A
xóm Mường Ham	DC	xã Châu Cường	H. Quỳ Hợp	19° 19' 55"	105° 06' 53"					E-48-19-A
Bản Nạt	DC	xã Châu Cường	H. Quỳ Hợp	19° 21' 20"	105° 05' 54"					E-48-19-A
Suối Nây	TV	xã Châu Cường	H. Quỳ Hợp			19° 21' 29"	104° 59' 05"	19° 19' 56"	105° 00' 34"	E-48-19-A, E-48-18-B
Bản Nguông	DC	xã Châu Cường	H. Quỳ Hợp	19° 21' 12"	105° 06' 36"					E-48-19-A
Bản Nhạ	DC	xã Châu Cường	H. Quỳ Hợp	19° 20' 50"	105° 05' 55"					E-48-19-A
Bản Nhang	DC	xã Châu Cường	H. Quỳ Hợp	19° 20' 02"	105° 07' 16"					E-48-19-A
Huồi Nhanh	TV	xã Châu Cường	H. Quỳ Hợp			19° 22' 47"	105° 06' 22"	19° 21' 12"	105° 05' 42"	E-48-19-A
Bản Nhọi	DC	xã Châu Cường	H. Quỳ Hợp	19° 21' 08"	105° 07' 01"					E-48-19-A
núi Phá Cụm	SV	xã Châu Cường	H. Quỳ Hợp	19° 20' 53"	105° 07' 26"					E-48-19-A
núi Phá Liếng	SV	xã Châu Cường	H. Quỳ Hợp	19° 20' 40"	105° 06' 53"					E-48-19-A
núi Phá May	SV	xã Châu Cường	H. Quỳ Hợp	19° 23' 02"	105° 06' 57"					E-48-19-A
núi Tang Còn	SV	xã Châu Cường	H. Quỳ Hợp	19° 19' 22"	105° 04' 36"					E-48-19-A
Bản Tèo	DC	xã Châu Cường	H. Quỳ Hợp	19° 20' 05"	105° 04' 12"					E-48-19-A
Bản Thắm	DC	xã Châu Cường	H. Quỳ Hợp	19° 20' 41"	105° 07' 04"					E-48-19-A
xóm Bản Bù Sen	DC	xã Châu Đình	H. Quỳ Hợp	19° 18' 16"	105° 11' 56"					E-48-19-A
xóm Bản Cáng	DC	xã Châu Đình	H. Quỳ Hợp	19° 16' 24"	105° 09' 42"					E-48-19-A
xóm Bản Căng	DC	xã Châu Đình	H. Quỳ Hợp	19° 18' 30"	105° 11' 18"					E-48-19-A
xóm Bản Coi	DC	xã Châu Đình	H. Quỳ Hợp	19° 18' 02"	105° 10' 37"					E-48-19-A
xóm Bản Cúng	DC	xã Châu Đình	H. Quỳ Hợp	19° 16' 27"	105° 10' 20"					E-48-19-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
xóm Bản Điểm	DC	xã Châu Đình	H. Quỳ Hợp	19° 19' 00"	105° 11' 19"					E-48-19-A
xóm Bản Hầm	DC	xã Châu Đình	H. Quỳ Hợp	19° 18' 34"	105° 11' 32"					E-48-19-A
xóm Bản Quệ	DC	xã Châu Đình	H. Quỳ Hợp	19° 17' 41"	105° 10' 57"					E-48-19-A
xóm Bản Rốc	DC	xã Châu Đình	H. Quỳ Hợp	19° 19' 09"	105° 11' 53"					E-48-19-A
xóm Bản Thịnh	DC	xã Châu Đình	H. Quỳ Hợp	19° 18' 41"	105° 10' 40"					E-48-19-A
xóm Cáng Điểm	DC	xã Châu Đình	H. Quỳ Hợp	19° 18' 56"	105° 11' 46"					E-48-19-A
xóm Châu Quê	DC	xã Châu Đình	H. Quỳ Hợp	19° 18' 16"	105° 11' 01"					E-48-19-A
núi Chỏm Cúc	SV	xã Châu Đình	H. Quỳ Hợp	19° 18' 18"	105° 09' 59"					E-48-19-A
Nậm Chông	TV	xã Châu Đình	H. Quỳ Hợp			19° 15' 24"	105° 08' 46"	19° 16' 51"	105° 10' 20"	E-48-19-A
Nậm Choòng	TV	xã Châu Đình	H. Quỳ Hợp			19° 16' 51"	105° 10' 20"	19° 18' 51"	105° 10' 55"	E-48-19-A
xóm Hợp Hưng	DC	xã Châu Đình	H. Quỳ Hợp	19° 18' 05"	105° 10' 02"					E-48-19-A
xóm Hợp Nhân	DC	xã Châu Đình	H. Quỳ Hợp	19° 18' 44"	105° 13' 01"					E-48-19-A
xóm Hương Châu	DC	xã Châu Đình	H. Quỳ Hợp	19° 18' 43"	105° 12' 27"					E-48-19-A
Huổi Lìn	TV	xã Châu Đình	H. Quỳ Hợp			19° 15' 49"	105° 11' 45"	19° 19' 24"	105° 12' 22"	E-48-19-A
Xóm Mới	DC	xã Châu Đình	H. Quỳ Hợp	19° 18' 07"	105° 11' 15"					E-48-19-A
xóm Mỹ Đình	DC	xã Châu Đình	H. Quỳ Hợp	19° 19' 01"	105° 12' 24"					E-48-19-A
xóm Mỹ Tân	DC	xã Châu Đình	H. Quỳ Hợp	19° 19' 21"	105° 12' 38"					E-48-19-A
núi Phá Hốc	SV	xã Châu Đình	H. Quỳ Hợp	19° 19' 13"	105° 12' 41"					E-48-19-A
Huổi Thuẩn	TV	xã Châu Đình	H. Quỳ Hợp			19° 17' 39"	105° 11' 35"	19° 18' 08"	105° 12' 07"	E-48-19-A
xóm Tổng Hốc	DC	xã Châu Đình	H. Quỳ Hợp	19° 18' 26"	105° 11' 52"					E-48-19-A
xóm Xuân Đình	DC	xã Châu Đình	H. Quỳ Hợp	19° 17' 23"	105° 12' 38"					E-48-19-A
đường tỉnh 532	KX	xã Châu Hồng	H. Quỳ Hợp			19° 25' 00"	105° 07' 52"	19° 21' 39"	105° 16' 45"	E-48-19-A
núi Bù Má	SV	xã Châu Hồng	H. Quỳ Hợp	19° 27' 05"	105° 06' 51"					E-48-19-A
Bản Chảo	DC	xã Châu Hồng	H. Quỳ Hợp	19° 25' 14"	105° 05' 27"					E-48-19-A
Bản Công	DC	xã Châu Hồng	H. Quỳ Hợp	19° 24' 31"	105° 06' 09"					E-48-19-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
suối Húa Tả	TV	xã Châu Hồng	H. Quỳ Hợp			19° 24' 32"	105° 05' 00"	19° 24' 51"	105° 06' 03"	E-48-19-A
bản Huống	DC	xã Châu Hồng	H. Quỳ Hợp	19° 25' 14"	105° 05' 25"					E-48-19-A
Bản Hy	DC	xã Châu Hồng	H. Quỳ Hợp	19° 24' 42"	105° 05' 29"					E-48-19-A
núi Làn Toong	SV	xã Châu Hồng	H. Quỳ Hợp	19° 23' 38"	105° 04' 43"					E-48-19-A
Bản Muộng	DC	xã Châu Hồng	H. Quỳ Hợp	19° 25' 16"	105° 05' 44"					E-48-19-A
bản Na Hiêng	DC	xã Châu Hồng	H. Quỳ Hợp	19° 24' 51"	105° 05' 48"					E-48-19-A
bản Na Noong	DC	xã Châu Hồng	H. Quỳ Hợp	19° 25' 16"	105° 06' 29"					E-48-19-A
bản Nặm Tịu	DC	xã Châu Hồng	H. Quỳ Hợp	19° 25' 38"	105° 06' 38"					E-48-19-A
Bản Ngọc	DC	xã Châu Hồng	H. Quỳ Hợp	19° 25' 23"	105° 06' 26"					E-48-19-A
núi Nhọt Tỉu	SV	xã Châu Hồng	H. Quỳ Hợp	19° 25' 37"	105° 06' 57"					E-48-19-A
suối Nhọt Tỉu	TV	xã Châu Hồng	H. Quỳ Hợp			19° 26' 00"	105° 06' 50"	19° 24' 43"	105° 06' 14"	E-48-19-A
núi Phá Bàng	SV	xã Châu Hồng	H. Quỳ Hợp	19° 24' 41"	105° 06' 27"					E-48-19-A
núi Phá May	SV	xã Châu Hồng	H. Quỳ Hợp	19° 23' 02"	105° 06' 57"					E-48-19-A
núi Phá Phâng	SV	xã Châu Hồng	H. Quỳ Hợp	19° 24' 15"	105° 06' 13"					E-48-19-A
suối Phái Hom	TV	xã Châu Hồng	H. Quỳ Hợp			19° 26' 05"	105° 04' 41"	19° 24' 39"	105° 06' 14"	E-48-19-A
Bản Phảy	DC	xã Châu Hồng	H. Quỳ Hợp	19° 25' 29"	105° 06' 11"					E-48-19-A
Bản Poòng	DC	xã Châu Hồng	H. Quỳ Hợp	19° 24' 48"	105° 05' 56"					E-48-19-A
Huổi San	TV	xã Châu Hồng	H. Quỳ Hợp			19° 24' 04"	105° 06' 19"	19° 24' 49"	105° 06' 07"	E-48-19-A
núi Tổng Khang	SV	xã Châu Hồng	H. Quỳ Hợp	19° 26' 41"	105° 05' 49"					E-48-19-A
quốc lộ 48C	KX	xã Châu Lộc	H. Quỳ Hợp			19° 08' 56"	104° 41' 13"	19° 21' 39"	105° 16' 45"	E-48-19-A
dốc Bù Tạt	SV	xã Châu Lộc	H. Quỳ Hợp	19° 23' 20"	105° 12' 25"					E-48-19-A
núi Bù Tè	SV	xã Châu Lộc	H. Quỳ Hợp	19° 22' 59"	105° 13' 10"					E-48-19-A
núi Bù Xung	SV	xã Châu Lộc	H. Quỳ Hợp	19° 22' 07"	105° 12' 37"					E-48-19-A
suối Châu Lộc	TV	xã Châu Lộc	H. Quỳ Hợp			19° 22' 29"	105° 13' 33"	19° 20' 23"	105° 14' 44"	E-48-19-A
Bản Chô	DC	xã Châu Lộc	H. Quỳ Hợp	19° 23' 41"	105° 11' 48"					E-48-19-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
Bản Cụt	DC	xã Châu Lộc	H. Quỳ Hợp	19° 23' 01"	105° 12' 39"					E-48-19-A
Suối Cụt	TV	xã Châu Lộc	H. Quỳ Hợp			19° 23' 33"	105° 12' 06"	19° 22' 29"	105° 13' 33"	E-48-19-A
Bản Đan	DC	xã Châu Lộc	H. Quỳ Hợp	19° 22' 25"	105° 14' 29"					E-48-19-A
hồ Đồng Xượng	TV	xã Châu Lộc	H. Quỳ Hợp	19° 23' 05"	105° 14' 57"					E-48-19-A
Bản Ính	DC	xã Châu Lộc	H. Quỳ Hợp	19° 22' 34"	105° 13' 09"					E-48-19-A
Bản Kèn	DC	xã Châu Lộc	H. Quỳ Hợp	19° 23' 26"	105° 12' 12"					E-48-19-A
Bản Khục	DC	xã Châu Lộc	H. Quỳ Hợp	19° 22' 15"	105° 13' 26"					E-48-19-A
Bản Lìn	DC	xã Châu Lộc	H. Quỳ Hợp	19° 22' 55"	105° 14' 03"					E-48-19-A
xóm Na Tỳ	DC	xã Châu Lộc	H. Quỳ Hợp	19° 21' 18"	105° 13' 57"					E-48-19-A
Khe Nồn	TV	xã Châu Lộc	H. Quỳ Hợp			19° 25' 10"	105° 12' 00"	19° 22' 29"	105° 13' 33"	E-48-19-A
núi Phà Đáy	SV	xã Châu Lộc	H. Quỳ Hợp	19° 23' 36"	105° 11' 00"					E-48-19-A
Bản Rồng	DC	xã Châu Lộc	H. Quỳ Hợp	19° 21' 42"	105° 13' 35"					E-48-19-A
xóm Tổng Huống	DC	xã Châu Lộc	H. Quỳ Hợp	19° 21' 01"	105° 14' 04"					E-48-19-A
quốc lộ 48C	KX	xã Châu Lý	H. Quỳ Hợp			19° 08' 56"	104° 41' 13"	19° 21' 39"	105° 16' 45"	E-48-19-A, E-48-19-C
xóm Bản Bàng	DC	xã Châu Lý	H. Quỳ Hợp	19° 15' 10"	105° 09' 25"					E-48-19-A
xóm Bản Bồn	DC	xã Châu Lý	H. Quỳ Hợp	19° 14' 13"	105° 08' 59"					E-48-19-C
xóm Bản Bù Lầu	DC	xã Châu Lý	H. Quỳ Hợp	19° 14' 36"	105° 07' 49"					E-48-19-C
xóm Bản Bùng	DC	xã Châu Lý	H. Quỳ Hợp	19° 13' 33"	105° 07' 22"					E-48-19-C
xóm Bản Chọng	DC	xã Châu Lý	H. Quỳ Hợp	19° 13' 54"	105° 07' 38"					E-48-19-C
xóm Bản Cồn	DC	xã Châu Lý	H. Quỳ Hợp	19° 14' 54"	105° 07' 58"					E-48-19-C
xóm Bản Dền	DC	xã Châu Lý	H. Quỳ Hợp	19° 12' 24"	105° 06' 21"					E-48-19-C
xóm Bản Khúa	DC	xã Châu Lý	H. Quỳ Hợp	19° 15' 28"	105° 08' 33"					E-48-19-A
xóm Bản Lấu	DC	xã Châu Lý	H. Quỳ Hợp	19° 15' 02"	105° 08' 47"					E-48-19-A
xóm Bản Na Lạn	DC	xã Châu Lý	H. Quỳ Hợp	19° 14' 17"	105° 07' 45"					E-48-19-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
xóm Bản Ngọn	DC	xã Châu Lý	H. Quỳ Hợp	19° 15' 13"	105° 08' 08"					E-48-19-A
xóm Bản Pạn	DC	xã Châu Lý	H. Quỳ Hợp	19° 15' 23"	105° 08' 35"					E-48-19-A
xóm Bản Thắm	DC	xã Châu Lý	H. Quỳ Hợp	19° 13' 28"	105° 08' 03"					E-48-19-C
xóm Bản Vực	DC	xã Châu Lý	H. Quỳ Hợp	19° 13' 01"	105° 07' 03"					E-48-19-C
xóm Bản Xáo	DC	xã Châu Lý	H. Quỳ Hợp	19° 15' 08"	105° 07' 05"					E-48-19-A
xóm Bản Xết	DC	xã Châu Lý	H. Quỳ Hợp	19° 14' 01"	105° 08' 28"					E-48-19-C
Núi Chang	SV	xã Châu Lý	H. Quỳ Hợp	19° 12' 00"	105° 07' 44"					E-48-19-C
núi Đen Đin	SV	xã Châu Lý	H. Quỳ Hợp	18° 56' 31"	104° 33' 18"					E-48-30-A
suối Nậm Chọng	TV	xã Châu Lý	H. Quỳ Hợp			19° 13' 32"	105° 07' 26"	19° 15' 24"	105° 08' 46"	E-48-19-A, E-48-19-C
đường tỉnh 532	KX	xã Châu Quang	H. Quỳ Hợp			19° 25' 00"	105° 07' 52"	19° 21' 39"	105° 16' 45"	E-48-19-A
xóm Bản Ạng	DC	xã Châu Quang	H. Quỳ Hợp	19° 18' 37"	105° 09' 01"					E-48-19-A
xóm Bản Bành	DC	xã Châu Quang	H. Quỳ Hợp	19° 19' 56"	105° 08' 40"					E-48-19-A
xóm Bản Cà	DC	xã Châu Quang	H. Quỳ Hợp	19° 20' 25"	105° 09' 06"					E-48-19-A
xóm Bản Còn	DC	xã Châu Quang	H. Quỳ Hợp	19° 19' 59"	105° 09' 59"					E-48-19-A
xóm Bản Cù	DC	xã Châu Quang	H. Quỳ Hợp	19° 18' 58"	105° 08' 19"					E-48-19-A
xóm Bản Lè	DC	xã Châu Quang	H. Quỳ Hợp	19° 19' 12"	105° 09' 57"					E-48-19-A
xóm Bản Mọn	DC	xã Châu Quang	H. Quỳ Hợp	19° 18' 58"	105° 08' 36"					E-48-19-A
xóm Bản Phẩy	DC	xã Châu Quang	H. Quỳ Hợp	19° 19' 33"	105° 08' 41"					E-48-19-A
núi Chỏm Cúc	SV	xã Châu Quang	H. Quỳ Hợp	19° 18' 18"	105° 09' 59"					E-48-19-A
Nậm Con	TV	xã Châu Quang	H. Quỳ Hợp			19° 20' 48"	105° 05' 36"	19° 19' 15"	105° 07' 30"	E-48-19-A
núi Con Đòng	SV	xã Châu Quang	H. Quỳ Hợp	19° 20' 42"	105° 10' 54"					E-48-19-A
xóm Diềm Bày	DC	xã Châu Quang	H. Quỳ Hợp	19° 19' 22"	105° 08' 02"					E-48-19-A
Sông Dinh	TV	xã Châu Quang	H. Quỳ Hợp			19° 19' 05"	105° 09' 20"	19° 20' 58"	105° 21' 18"	E-48-19-A
xóm Đồn Mộng	DC	xã Châu Quang	H. Quỳ Hợp	19° 19' 16"	105° 09' 17"					E-48-19-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
xóm Đồng Huống	DC	xã Châu Quang	H. Quỳ Hợp	19° 19' 56"	105° 07' 46"					E-48-19-A
xóm Đồng Lụm	DC	xã Châu Quang	H. Quỳ Hợp	19° 19' 09"	105° 07' 43"					E-48-19-A
xóm Đồng Nại	DC	xã Châu Quang	H. Quỳ Hợp	19° 19' 27"	105° 09' 39"					E-48-19-A
xóm Đồng Tâm	DC	xã Châu Quang	H. Quỳ Hợp	19° 20' 1.7"	105° 07' 52"					E-48-19-A
xóm Hoa Thành	DC	xã Châu Quang	H. Quỳ Hợp	19° 19' 26"	105° 09' 14"					E-48-19-A
xóm Hộc Mợi	DC	xã Châu Quang	H. Quỳ Hợp	19° 18' 26"	105° 09' 46"					E-48-19-A
xóm Khánh Quang	DC	xã Châu Quang	H. Quỳ Hợp	19° 18' 57"	105° 09' 33"					E-48-19-A
xóm Na Xén	DC	xã Châu Quang	H. Quỳ Hợp	19° 19' 29"	105° 07' 40"					E-48-19-A
Nậm Nọc	TV	xã Châu Quang	H. Quỳ Hợp			19° 19' 15"	105° 07' 30"	19° 19' 24"	105° 10' 12"	E-48-19-A
xóm Phà Mẹt	DC	xã Châu Quang	H. Quỳ Hợp	19° 18' 54"	105° 08' 56"					E-48-19-A
Hang Poòng	SV	xã Châu Quang	H. Quỳ Hợp	19° 20' 54"	105° 09' 53"					E-48-19-A
xóm Quang Hưng	DC	xã Châu Quang	H. Quỳ Hợp	19° 19' 44"	105° 09' 29"					E-48-19-A
xóm Quang Hương	DC	xã Châu Quang	H. Quỳ Hợp	19° 20' 24"	105° 09' 39"					E-48-19-A
xóm Quang Minh	DC	xã Châu Quang	H. Quỳ Hợp	19° 19' 59"	105° 08' 08"					E-48-19-A
xóm Quang Thành	DC	xã Châu Quang	H. Quỳ Hợp	19° 20' 09"	105° 09' 09"					E-48-19-A
xóm Quang Thịnh	DC	xã Châu Quang	H. Quỳ Hợp	19° 20' 18"	105° 08' 35"					E-48-19-A
xóm Quang Vinh	DC	xã Châu Quang	H. Quỳ Hợp	19° 19' 47"	105° 08' 42"					E-48-19-A
Nậm Tôn	TV	xã Châu Quang	H. Quỳ Hợp			19° 20' 54"	105° 09' 22"	19° 19' 24"	105° 10' 12"	E-48-19-A
Huổi Xè	TV	xã Châu Quang	H. Quỳ Hợp			19° 18' 02"	105° 09' 34"	19° 18' 41"	105° 09' 14"	E-48-19-A
xóm Yên Luốm	DC	xã Châu Quang	H. Quỳ Hợp	19° 19' 43"	105° 09' 08"					E-48-19-A
đường tỉnh 532	DC	xã Châu Thái	H. Quỳ Hợp			19° 25' 00"	105° 07' 52"	19° 21' 39"	105° 16' 45"	E-48-19-A
xóm Bản Bom	DC	xã Châu Thái	H. Quỳ Hợp	19° 17' 58"	105° 05' 05"					E-48-19-A
xóm Bản Chảo	DC	xã Châu Thái	H. Quỳ Hợp	19° 17' 49"	105° 08' 30"					E-48-19-A
xóm Bản Cố	DC	xã Châu Thái	H. Quỳ Hợp	19° 18' 05"	105° 04' 49"					E-48-19-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
xóm Bản Hạt	DC	xã Châu Thái	H. Quỳ Hợp	19° 18' 26"	105° 05' 51"					E-48-19-A
xóm Bản La	DC	xã Châu Thái	H. Quỳ Hợp	19° 18' 30"	105° 06' 35"					E-48-19-A
xóm Bản Lòng	DC	xã Châu Thái	H. Quỳ Hợp	19° 18' 29"	105° 08' 08"					E-48-19-A
hồ Bản Muỗng	TV	xã Châu Thái	H. Quỳ Hợp	19° 17' 52"	105° 06' 49"					E-48-19-A
xóm Bản Muộng	DC	xã Châu Thái	H. Quỳ Hợp	19° 18' 03"	105° 08' 01"					E-48-19-A
xóm Bản Phảy	DC	xã Châu Thái	H. Quỳ Hợp	19° 18' 14"	105° 05' 41"					E-48-19-A
xóm Bản Tiềm	DC	xã Châu Thái	H. Quỳ Hợp	19° 18' 30"	105° 06' 45"					E-48-19-A
xóm Bản Tiệng	DC	xã Châu Thái	H. Quỳ Hợp	19° 18' 08"	105° 08' 50"					E-48-19-A
xóm Bù Sành	DC	xã Châu Thái	H. Quỳ Hợp	19° 17' 49"	105° 08' 58"					E-48-19-A
núi Chỏm Cúc	SV	xã Châu Thái	H. Quỳ Hợp	19° 18' 18"	105° 09' 59"					E-48-19-A
xóm Đồng Hin	DC	xã Châu Thái	H. Quỳ Hợp	19° 18' 43"	105° 08' 05"					E-48-19-A
xóm Đồng Minh	DC	xã Châu Thái	H. Quỳ Hợp	19° 18' 23"	105° 05' 56"					E-48-19-A
xóm Hộc Mợi	DC	xã Châu Thái	H. Quỳ Hợp	19° 18' 06"	105° 09' 24"					E-48-19-A
xóm Hưng Long	DC	xã Châu Thái	H. Quỳ Hợp	19° 18' 08"	105° 09' 17"					E-48-19-A
Huổi Huống	TV	xã Châu Thái	H. Quỳ Hợp			19° 16' 02"	105° 01' 56"	19° 17' 54"	105° 06' 00"	E-48-19-A
Suối Lao	TV	xã Châu Thái	H. Quỳ Hợp			19° 16' 53"	105° 06' 10"	19° 19' 04"	105° 09' 20"	E-48-19-A
xóm Na Ca	DC	xã Châu Thái	H. Quỳ Hợp	19° 17' 44"	105° 07' 44"					E-48-19-A
xóm Na Mon	DC	xã Châu Thái	H. Quỳ Hợp	19° 18' 38"	105° 08' 32"					E-48-19-A
xóm Na Toòng	DC	xã Châu Thái	H. Quỳ Hợp	19° 18' 16"	105° 06' 01"					E-48-19-A
xóm Noong Ôn	DC	xã Châu Thái	H. Quỳ Hợp	19° 18' 20"	105° 05' 01"					E-48-19-A
núi Phá Trạng	SV	xã Châu Thái	H. Quỳ Hợp	19° 17' 07"	105° 08' 40"					E-48-19-A
xóm Tam Thành	DC	xã Châu Thái	H. Quỳ Hợp	19° 18' 44"	105° 08' 24"					E-48-19-A
núi Tang Còn	SV	xã Châu Thái	H. Quỳ Hợp	19° 19' 22"	105° 04' 36"					E-48-19-A
xóm Thái Lâm	DC	xã Châu Thái	H. Quỳ Hợp	19° 16' 55"	105° 08' 56"					E-48-19-A
xóm Thái Quang	DC	xã Châu Thái	H. Quỳ Hợp	19° 18' 31"	105° 06' 59"					E-48-19-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
Huổi Thiêm	TV	xã Châu Thái	H. Quỳ Hợp			19° 17' 56"	105° 00' 24"	19° 17' 44"	105° 03' 03"	E-48-19-A
Suối Tiêm	TV	xã Châu Thái	H. Quỳ Hợp			19° 17' 44"	105° 03' 03"	19° 18' 59"	105° 08' 51"	E-48-19-A
núi Vang Sao	SV	xã Châu Thái	H. Quỳ Hợp	19° 16' 21"	105° 05' 36"					E-48-19-A
Xóm Xàn	DC	xã Châu Thái	H. Quỳ Hợp	19° 17' 52"	105° 08' 30"					E-48-19-A
Huổi Xè	TV	xã Châu Thái	H. Quỳ Hợp			19° 18' 02"	105° 09' 34"	19° 18' 41"	105° 09' 14"	E-48-19-A
đường tỉnh 532	KX	xã Châu Thành	H. Quỳ Hợp			19° 25' 00"	105° 07' 52"	19° 21' 39"	105° 16' 45"	E-48-19-A
Suối Bắc	TV	xã Châu Thành	H. Quỳ Hợp			19° 25' 02"	105° 04' 26"	19° 23' 25"	105° 02' 52"	E-48-19-A
xóm Bản Cải	DC	xã Châu Thành	H. Quỳ Hợp	19° 22' 25"	105° 04' 23"					E-48-19-A
xóm Bản Cô	DC	xã Châu Thành	H. Quỳ Hợp	19° 24' 04"	105° 02' 28"					E-48-19-A
xóm Bản Hang	DC	xã Châu Thành	H. Quỳ Hợp	19° 22' 32"	105° 05' 04"					E-48-19-A
núi Bù Câm	SV	xã Châu Thành	H. Quỳ Hợp	19° 22' 44"	105° 02' 30"					E-48-19-A
núi Cha Vang	SV	xã Châu Thành	H. Quỳ Hợp	19° 21' 59"	105° 04' 35"					E-48-19-A
xóm Chăm Hiêng	DC	xã Châu Thành	H. Quỳ Hợp	19° 22' 41"	105° 04' 05"					E-48-19-A
bản Có Báy	DC	xã Châu Thành	H. Quỳ Hợp	19° 22' 35"	105° 04' 21"					E-48-19-A
Suối Dôn	TV	xã Châu Thành	H. Quỳ Hợp			19° 24' 25"	105° 01' 47"	19° 20' 48"	105° 05' 36"	E-48-19-A
Suối Hang	TV	xã Châu Thành	H. Quỳ Hợp			19° 37' 38"	104° 25' 04"	19° 36' 41"	104° 24' 32"	E-48-5-D
núi Keo Lồm	SV	xã Châu Thành	H. Quỳ Hợp	19° 24' 40"	105° 04' 02"					E-48-19-A
núi Làn Toong	SV	xã Châu Thành	H. Quỳ Hợp	19° 23' 38"	105° 04' 43"					E-48-19-A
Suối Lục	TV	xã Châu Thành	H. Quỳ Hợp			19° 21' 24"	105° 01' 17"	19° 22' 44"	105° 03' 37"	E-48-19-A
Suối Mai	TV	xã Châu Thành	H. Quỳ Hợp			19° 09' 24"	105° 19' 22"	19° 11' 53"	105° 21' 04"	E-48-19-D-a
Suối Mán	TV	xã Châu Thành	H. Quỳ Hợp			19° 23' 12"	105° 01' 06"	19° 23' 17"	105° 02' 50"	E-48-19-A
Núi Máy	SV	xã Châu Thành	H. Quỳ Hợp	19° 21' 58"	105° 05' 20"					E-48-19-A
núi Mền Kẹp	SV	xã Châu Thành	H. Quỳ Hợp	19° 23' 41"	105° 01' 41"					E-48-19-A
xóm Na Án	DC	xã Châu Thành	H. Quỳ Hợp	19° 25' 29"	105° 01' 24"					E-48-19-A
xóm Na Bon	DC	xã Châu Thành	H. Quỳ Hợp	19° 25' 03"	105° 01' 45"					E-48-19-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
núi Pa Máy	SV	xã Châu Thành	H. Quỳ Hợp	19° 22' 36"	105° 06' 08"					E-48-19-A
xóm Piêng Căm	DC	xã Châu Thành	H. Quỳ Hợp	19° 22' 16"	105° 05' 12"					E-48-19-A
suối Poòng Can	TV	xã Châu Thành	H. Quỳ Hợp			19° 22' 02"	104° 59' 492"	19° 26' 52"	105° 01' 40"	E-48-19-A, E-48-18B
núi Pù Còi	SV	xã Châu Thành	H. Quỳ Hợp	19° 24' 53"	105° 02' 22"					E-48-19-A
núi Pù Pò	SV	xã Châu Thành	H. Quỳ Hợp	19° 26' 21"	105° 04' 00"					E-48-19-A
Suối Sài	TV	xã Châu Thành	H. Quỳ Hợp			19° 22' 18"	105° 00' 39"	19° 22' 19"	105° 03' 02"	E-48-19-A
xóm Tiến Thành	DC	xã Châu Thành	H. Quỳ Hợp	19° 23' 25"	105° 02' 43"					E-48-19-A
xóm Trung Thành	DC	xã Châu Thành	H. Quỳ Hợp	19° 23' 54"	105° 02' 58"					E-48-19-A
đường tỉnh 532	KX	xã Châu Tiến	H. Quỳ Hợp			19° 25' 00"	105° 07' 52"	19° 21' 39"	105° 16' 45"	E-48-19-A
xóm Bản Cáng	DC	xã Châu Tiến	H. Quỳ Hợp	19° 24' 58"	105° 08' 04"					E-48-19-A
xóm Bản Chiềng	DC	xã Châu Tiến	H. Quỳ Hợp	19° 25' 44"	105° 08' 19"					E-48-19-A
suối Bản Hạt	TV	xã Châu Tiến	H. Quỳ Hợp			19° 26' 33"	105° 08' 59"	19° 24' 57"	105° 07' 59"	E-48-19-A
xóm Bản Lống	DC	xã Châu Tiến	H. Quỳ Hợp	19° 25' 13"	105° 09' 15"					E-48-19-A
xóm Bản Mới	DC	xã Châu Tiến	H. Quỳ Hợp	19° 25' 34"	105° 08' 19"					E-48-19-A
xóm Bản Pật	DC	xã Châu Tiến	H. Quỳ Hợp	19° 25' 40"	105° 07' 31"					E-48-19-A
xóm Bản Phảy	DC	xã Châu Tiến	H. Quỳ Hợp	19° 25' 19"	105° 08' 01"					E-48-19-A
xóm Bản Tèn	DC	xã Châu Tiến	H. Quỳ Hợp	19° 25' 27"	105° 07' 56"					E-48-19-A
núi Con Lô	SV	xã Châu Tiến	H. Quỳ Hợp	19° 28' 14"	105° 07' 23"					E-48-19-A
xóm Na Biêng	DC	xã Châu Tiến	H. Quỳ Hợp	19° 25' 20"	105° 07' 42"					E-48-19-A
xóm Na Buốm	DC	xã Châu Tiến	H. Quỳ Hợp	19° 25' 14"	105° 08' 35"					E-48-19-A
núi Phá Choòng	SV	xã Châu Tiến	H. Quỳ Hợp	19° 24' 13"	105° 08' 05"					E-48-19-A
suối Phà Đánh	TV	xã Châu Tiến	H. Quỳ Hợp			19° 25' 44"	105° 09' 44"	19° 24' 45"	105° 09' 42"	E-48-19-A
núi Phá Lống	SV	xã Châu Tiến	H. Quỳ Hợp	19° 25' 23"	105° 08' 47"					E-48-19-A
núi Phá Nghiếm	SV	xã Châu Tiến	H. Quỳ Hợp	19° 25' 07"	105° 08' 44"					E-48-19-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
núi Phá Thăm	SV	xã Châu Tiến	H. Quỳ Hợp	19° 24' 47"	105° 07' 07"					E-48-19-A
núi Póm Bô	SV	xã Châu Tiến	H. Quỳ Hợp	19° 23' 41"	105° 07' 27"					E-48-19-A
núi Pù Má	SV	xã Châu Tiến	H. Quỳ Hợp	19° 27' 05"	105° 06' 51"					E-48-19-A
núi Sắn Đén Miếng	SV	xã Châu Tiến	H. Quỳ Hợp	19° 27' 09"	105° 09' 12"					E-48-19-A
quốc lộ 48	KX	xã Đồng Hợp	H. Quỳ Hợp			19° 51' 31"	104° 50' 04"	19° 05' 04"	105° 35' 10"	E-48-19-B-a
xóm Bãi Kè	DC	xã Đồng Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 25' 07"	105° 18' 25"					E-48-19-B-a
xóm Bản Mát	DC	xã Đồng Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 24' 15"	105° 15' 12"					E-48-19-B-a
hồ Cây Đa	TV	xã Đồng Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 22' 52"	105° 16' 00"					E-48-19-B-a
Suối Chiềng	TV	xã Đồng Hợp	H. Quỳ Hợp			19° 11' 22"	105° 12' 31"	19° 08' 26"	105° 08' 08"	E-48-19-C
Núi Đòng	SV	xã Đồng Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 22' 46"	105° 15' 40"					E-48-19-B-a
hồ Đồng Ban	TV	xã Đồng Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 25' 18"	105° 16' 30"					E-48-19-B-a
xóm Đồng Ban	DC	xã Đồng Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 25' 16"	105° 16' 51"					E-48-19-B-a
xóm Đồng Bảng	DC	xã Đồng Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 23' 37"	105° 16' 28"					E-48-19-B-a
cầu Đồng Cạn	KX	xã Đồng Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 24' 58"	105° 17' 02"					E-48-19-B-a
xóm Đồng Cạn	DC	xã Đồng Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 25' 06"	105° 16' 59"					E-48-19-B-a
xóm Đồng Chiềng	DC	xã Đồng Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 24' 55"	105° 16' 34"					E-48-19-B-a
xóm Đồng Hưng	DC	xã Đồng Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 24' 02"	105° 16' 00"					E-48-19-B-a
xóm Đồng Sòng	DC	xã Đồng Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 24' 41"	105° 17' 12"					E-48-19-B-a
xóm Đồng Thuận	DC	xã Đồng Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 24' 09"	105° 17' 04"					E-48-19-B-a
hồ Đồng Xượng	TV	xã Đồng Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 23' 05"	105° 14' 57"					E-48-19-A
xóm Đồng Xượng	DC	xã Đồng Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 23' 15"	105° 15' 36"					E-48-19-B-a
núi Hang Hổ	SV	xã Đồng Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 24' 15"	105° 16' 26"					E-48-19-B-a
Sông Hiếu	TV	xã Đồng Hợp	H. Quỳ Hợp			19° 43' 07"	104° 51' 25"	19° 15' 32"	105° 25' 09"	E-48-19-B-d
xóm Hợp Liên	DC	xã Đồng Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 23' 37"	105° 16' 58"					E-48-19-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
xóm Hợp Long	DC	xã Đồng Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 23' 25"	105° 17' 07"					E-48-19-B-a
xóm Hợp Thuận	DC	xã Đồng Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 24' 40"	105° 16' 48"					E-48-19-B-a
hồ Khe Mèn	TV	xã Đồng Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 25' 32"	105° 17' 12"					E-48-19-B-a
suối Khe Mèn	TV	xã Đồng Hợp	H. Quỳ Hợp			19° 25' 26"	105° 17' 13"	19° 25' 12"	105° 17' 29"	E-48-19-B-a
xóm Khe Mèn	DC	xã Đồng Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 25' 27"	105° 16' 55"					E-48-19-B-a
hồ Mò Nừng	TV	xã Đồng Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 24' 26"	105° 17' 29"					E-48-19-B-a
hồ Tân Thắng	TV	xã Đồng Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 23' 42"	105° 15' 45"					E-48-19-B-a
xóm Tân Thắng	DC	xã Đồng Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 23' 00"	105° 16' 08"					E-48-19-B-a
xóm Cồn Sơn	DC	xã Hạ Sơn	H. Quỳ Hợp	19° 13' 20"	105° 17' 01"					E-48-19-D-a
xóm Cồn Tô	DC	xã Hạ Sơn	H. Quỳ Hợp	19° 12' 53"	105° 17' 24"					E-48-19-D-a
núi Con Trâu	SV	xã Hạ Sơn	H. Quỳ Hợp	19° 11' 41"	105° 16' 03"					E-48-19-D
xóm Đồng Nang	DC	xã Hạ Sơn	H. Quỳ Hợp	19° 12' 22"	105° 15' 34"					E-48-19-D-a
Suối Hao	TV	xã Hạ Sơn	H. Quỳ Hợp			19° 12' 46"	105° 16' 56"	19° 10' 50"	105° 17' 07"	E-48-19-D-a
xóm Lộc Sơn	DC	xã Hạ Sơn	H. Quỳ Hợp	19° 13' 33"	105° 15' 03"					E-48-19-D-a
Xóm Long	DC	xã Hạ Sơn	H. Quỳ Hợp	19° 12' 13"	105° 17' 28"					E-48-19-D-a
Xóm Món	DC	xã Hạ Sơn	H. Quỳ Hợp	19° 13' 30"	105° 14' 41"					E-48-19-C
Xóm Sẹt	DC	xã Hạ Sơn	H. Quỳ Hợp	19° 12' 32"	105° 17' 14"					E-48-19-D-a
Xóm Xiểm	DC	xã Hạ Sơn	H. Quỳ Hợp	19° 13' 31"	105° 16' 36"					E-48-19-D-a
xóm Xuân Sơn	DC	xã Hạ Sơn	H. Quỳ Hợp	19° 14' 07"	105° 15' 38"					E-48-19-D-a
dốc Bù Chô	SV	xã Liên Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 24' 09"	105° 11' 05"					E-48-19-A
núi Bù Khàng	SV	xã Liên Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 25' 51"	105° 10' 08"					E-48-19-A
suối Có Đánh	TV	xã Liên Hợp	H. Quỳ Hợp			19° 25' 44"	105° 09' 44"	19° 24' 45"	105° 09' 42"	E-48-19-A
Bản Duộc	DC	xã Liên Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 23' 35"	105° 09' 04"					E-48-19-A
Suối Duộc	TV	xã Liên Hợp	H. Quỳ Hợp			19° 47' 12"	105° 04' 06"	19° 48' 19"	105° 04' 05"	E-48-7-A
suối Huôi Phái	TV	xã Liên Hợp	H. Quỳ Hợp			19° 24' 54"	105° 10' 29"	19° 24' 45"	105° 09' 42"	E-48-19-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
suối Khe Đòi	TV	xã Liên Hợp	H. Quỳ Hợp			19° 23' 16"	105° 07' 59"	19° 22' 37"	105° 08' 29"	E-48-19-A
Bản Khột	DC	xã Liên Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 24' 05"	105° 10' 59"					E-48-19-A
Bản Na	DC	xã Liên Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 24' 22"	105° 10' 13"					E-48-19-A
bản Ná Xài	DC	xã Liên Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 24' 17"	105° 10' 29"					E-48-19-A
núi Phà Đáy	SV	xã Liên Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 23' 36"	105° 11' 00"					E-48-19-A
núi Póm Bô	SV	xã Liên Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 23' 41"	105° 07' 27"					E-48-19-A
Bản Quắn	DC	xã Liên Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 23' 02"	105° 09' 12"					E-48-19-A
Bản Quèn	DC	xã Liên Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 24' 38"	105° 09' 47"					E-48-19-A
xóm Thung Cỏ	SV	xã Liên Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 22' 28"	105° 09' 53"					E-48-19-A
núi Váng Ná	SV	xã Liên Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 23' 01"	105° 08' 40"					E-48-19-A
quốc lộ 48	KX	xã Minh Hợp	H. Quỳ Hợp			19° 51' 31"	104° 50' 04"	19° 05' 04"	105° 35' 10"	E-48-19-A, E-48-19-B-c
đường tỉnh 531	KX	xã Minh Hợp	H. Quỳ Hợp			19° 13' 30"	105° 31' 36"	19° 13' 44"	105° 23' 57"	E-48-19-B-c
núi Hòn Mai	SV	xã Minh Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 15' 25"	105° 19' 53"					E-48-19-B-c
suối Lò Mổ	TV	xã Minh Hợp	H. Quỳ Hợp			19° 19' 36"	105° 17' 30"	19° 20' 58"	105° 17' 53"	E-48-19-B-c
xóm Minh Cao	DC	xã Minh Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 19' 50"	105° 16' 40"					E-48-19-B-c
xóm Minh Cầu	DC	xã Minh Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 19' 07"	105° 15' 36"					E-48-19-B-c
xóm Minh Chùa	DC	xã Minh Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 16' 58"	105° 18' 14"					E-48-19-B-c
xóm Minh Đình	DC	xã Minh Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 17' 07"	105° 13' 31"					E-48-19-A
xóm Minh Hồ	DC	xã Minh Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 17' 50"	105° 16' 59"					E-48-19-B-c
xóm Minh Hòa	DC	xã Minh Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 19' 21"	105° 15' 40"					E-48-19-B-c
xóm Minh Hồng	DC	xã Minh Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 20' 04"	105° 16' 56"					E-48-19-B-c
xóm Minh Kính	DC	xã Minh Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 17' 44"	105° 18' 04"					E-48-19-B-c
xóm Minh Lợi	DC	xã Minh Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 18' 29"	105° 15' 16"					E-48-19-B-c
xóm Minh Long	DC	xã Minh Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 18' 57"	105° 16' 06"					E-48-19-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
xóm Minh Quang	DC	xã Minh Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 19' 32"	105° 16' 35"					E-48-19-B-c
xóm Minh Tâm	DC	xã Minh Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 20' 22"	105° 18' 05"					E-48-19-B-c
xóm Minh Tân	DC	xã Minh Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 20' 46"	105° 17' 28"					E-48-19-B-c
xóm Minh Thắng	DC	xã Minh Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 20' 12"	105° 16' 48"					E-48-19-B-c
xóm Minh Thành	DC	xã Minh Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 19' 09"	105° 17' 17"					E-48-19-B-c
xóm Minh Thọ	DC	xã Minh Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 19' 28"	105° 17' 35"					E-48-19-B-c
xóm Minh Tiến	DC	xã Minh Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 19' 25"	105° 17' 04"					E-48-19-B-c
xóm Minh Trung	DC	xã Minh Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 20' 32"	105° 17' 08"					E-48-19-B-c
xóm Minh Trường	DC	xã Minh Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 19' 59"	105° 17' 29"					E-48-19-B-c
xóm Minh Xá	DC	xã Minh Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 20' 06"	105° 17' 15"					E-48-19-B-c
xóm Minh Xuân	DC	xã Minh Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 20' 50"	105° 17' 39"					E-48-19-B-c
suối Ông Giao	TV	xã Minh Hợp	H. Quỳ Hợp			19° 15' 29"	105° 16' 52"	19° 19' 34"	105° 17' 08"	E-48-19-B-c
cầu Tổng Hợp	KX	xã Minh Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 20' 44"	105° 17' 53"					E-48-19-B-c
quốc lộ 48C	KX	xã Nghĩa Phúc	H. Quỳ Hợp			19° 08' 56"	104° 41' 13"	19° 21' 39"	105° 16' 45"	E-48-18-D, E-48-19-C
núi Bù Ca	SV	xã Nghĩa Phúc	H. Quỳ Hợp	19° 15' 11"	104° 59' 32"					E-48-18-B
núi Bù Lèn	SV	xã Nghĩa Phúc	H. Quỳ Hợp	19° 15' 35"	104° 59' 28"					E-48-18-B
bản Cà Vạt	DC	xã Nghĩa Phúc	H. Quỳ Hợp	19° 14' 50"	105° 00' 58"					E-48-19-C
núi Căn Nấp	SV	xã Nghĩa Phúc	H. Quỳ Hợp	19° 12' 33"	104° 59' 06"					E-48-18-D
bản Chã Hang	DC	xã Nghĩa Phúc	H. Quỳ Hợp	19° 12' 44"	105° 00' 23"					E-48-19-C
núi Còn Cha	SV	xã Nghĩa Phúc	H. Quỳ Hợp	19° 12' 26"	105° 02' 44"					E-48-19-C
Suối Cồng	TV	xã Nghĩa Phúc	H. Quỳ Hợp			19° 26' 50"	105° 16' 40"	19° 26' 36"	105° 17' 40"	E-48-19-B-a
Núi Cúm	SV	xã Nghĩa Phúc	H. Quỳ Hợp	19° 14' 36"	104° 59' 29"					E-48-18-D
Bản Hăm	DC	xã Nghĩa Phúc	H. Quỳ Hợp	19° 14' 02"	105° 01' 16"					E-48-19-C
Bản Khiết	DC	xã Nghĩa Phúc	H. Quỳ Hợp	19° 13' 15"	105° 00' 46"					E-48-19-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
suối Nặm Chung	TV	xã Nghĩa Phúc	H. Quỳ Hợp			19° 13' 20"	105° 01' 17"	19° 13' 32"	105° 07' 26"	E-48-19-C
Suối Ngọa	TV	xã Nghĩa Phúc	H. Quỳ Hợp			19° 13' 47"	104° 59' 04"	19° 14' 18"	105° 00' 52"	E-48-18-D, E-48-19-C
Bản Quảng	DC	xã Nghĩa Phúc	H. Quỳ Hợp	19° 14' 23"	105° 00' 56"					E-48-19-C
núi Tan Mầu	SV	xã Nghĩa Phúc	H. Quỳ Hợp	19° 12' 08"	104° 59' 07"					E-48-18-D
Bản Tắng	DC	xã Nghĩa Phúc	H. Quỳ Hợp	19° 13' 29"	105° 01' 29"					E-48-19-C
quốc lộ 48	KX	xã Nghĩa Xuân	H. Quỳ Hợp			19° 51' 31"	104° 50' 04"	19° 05' 04"	105° 35' 10"	E-48-19-B-c
đường tỉnh 531	KX	xã Nghĩa Xuân	H. Quỳ Hợp			19° 13' 30"	105° 31' 36"	19° 13' 44"	105° 23' 57"	E-48-19-B-c
Xóm Chát	DC	xã Nghĩa Xuân	H. Quỳ Hợp	19° 19' 25"	105° 18' 15"					E-48-19-B-c
Xóm Dinh	DC	xã Nghĩa Xuân	H. Quỳ Hợp	19° 21' 10"	105° 17' 17"					E-48-19-B-c
xóm Đoàn Kết	DC	xã Nghĩa Xuân	H. Quỳ Hợp	19° 20' 56"	105° 17' 40"					E-48-19-B-c
xóm Đột Tân	DC	xã Nghĩa Xuân	H. Quỳ Hợp	19° 20' 46"	105° 16' 48"					E-48-19-B-c
xóm Hợp Xuân	DC	xã Nghĩa Xuân	H. Quỳ Hợp	19° 19' 43"	105° 19' 30"					E-48-19-B-c
suối Khe Đỗ	TV	xã Nghĩa Xuân	H. Quỳ Hợp			19° 19' 35"	105° 17' 08"	19° 20' 58"	105° 17' 53"	E-48-19-B-c
xóm Khe Đổ	DC	xã Nghĩa Xuân	H. Quỳ Hợp	19° 19' 49"	105° 19' 05"					E-48-19-B-c
Xóm Kính	DC	xã Nghĩa Xuân	H. Quỳ Hợp	19° 18' 53"	105° 18' 03"					E-48-19-B-c
xóm Liên Xuân	DC	xã Nghĩa Xuân	H. Quỳ Hợp	19° 20' 38"	105° 18' 12"					E-48-19-B-c
Xóm Mo	DC	xã Nghĩa Xuân	H. Quỳ Hợp	19° 21' 03"	105° 16' 33"					E-48-19-B-c
Xóm Mó	DC	xã Nghĩa Xuân	H. Quỳ Hợp	19° 18' 54"	105° 19' 14"					E-48-19-B-c
Xóm Mới	DC	xã Nghĩa Xuân	H. Quỳ Hợp	19° 20' 17"	105° 19' 11"					E-48-19-B-c
Nhà máy Đường Nghệ	KX	xã Nghĩa Xuân	H. Quỳ Hợp	19° 20' 37"	105° 18' 47"					E-48-19-B-c
Xóm Phượng	DC	xã Nghĩa Xuân	H. Quỳ Hợp	19° 21' 07"	105° 17' 10"					E-48-19-B-c
cầu Sông Dinh	KX	xã Nghĩa Xuân	H. Quỳ Hợp	19° 21' 02"	105° 18' 28"					E-48-19-B-c
Xóm Tàu	DC	xã Nghĩa Xuân	H. Quỳ Hợp	19° 18' 34"	105° 18' 35"					E-48-19-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
xóm Thành Xuân	DC	xã Nghĩa Xuân	H. Quỳ Hợp	19° 20' 18"	105° 18' 20"					E-48-19-B-c
Đồi Thiếc	SV	xã Nghĩa Xuân	H. Quỳ Hợp	19° 18' 20"	105° 19' 35"					E-48-19-B-c
cầu Tổng Hợp	KX	xã Nghĩa Xuân	H. Quỳ Hợp	19° 20' 44"	105° 17' 53"					E-48-19-B-c
Xóm Vã	DC	xã Nghĩa Xuân	H. Quỳ Hợp	19° 20' 51"	105° 17' 07"					E-48-19-B-c
hồ Vùng Trùng	TV	xã Nghĩa Xuân	H. Quỳ Hợp	19° 18' 48"	105° 18' 16"					E-48-19-B-c
quốc lộ 48	KX	xã Tam Hợp	H. Quỳ Hợp			19° 51' 31"	104° 50' 04"	19° 05' 04"	105° 35' 10"	E-48-19-B-a, E-48-19-B-c
quốc lộ 48C	KX	xã Tam Hợp	H. Quỳ Hợp			19° 08' 56"	104° 41' 13"	19° 21' 39"	105° 16' 45"	E-48-19-A, E-48-19-B-c
xóm Bắc Sơn	DC	xã Tam Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 22' 43"	105° 16' 00"					E-48-19-B-a
Cầu Bản	KX	xã Tam Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 22' 23"	105° 16' 45"					E-48-19-B-c
xóm Bảo An	DC	xã Tam Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 22' 50"	105° 16' 12"					E-48-19-B-c
hồ Cây Đa	TV	xã Tam Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 22' 52"	105° 16' 00"					E-48-19-B-a
xóm Châu Thành	DC	xã Tam Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 22' 08"	105° 14' 42"					E-48-19-A
Sông Dinh	TV	xã Tam Hợp	H. Quỳ Hợp			19° 19' 05"	105° 09' 20"	19° 20' 58"	105° 21' 18"	E-48-19-A, E-48-19-B-c
Xóm Dinh	DC	xã Tam Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 21' 41"	105° 16' 47"					E-48-19-B-c
Núi Đòng	SV	xã Tam Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 22' 46"	105° 15' 40"					E-48-19-B-a
xóm Đồng Chạo	DC	xã Tam Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 20' 41"	105° 15' 06"					E-48-19-B-c
Sông Hiếu	TV	xã Tam Hợp	H. Quỳ Hợp			19° 43' 07"	104° 51' 25"	19° 15' 32"	105° 25' 09"	E-48-19-B-a
xóm Hợp Tâm	DC	xã Tam Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 21' 58"	105° 16' 43"					E-48-19-B-c
xóm Hợp Thành	DC	xã Tam Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 23' 51"	105° 18' 35"					E-48-19-B-a
xóm Hợp Tiến	DC	xã Tam Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 22' 34"	105° 15' 55"					E-48-19-B-a
cầu Làng Mùng	KX	xã Tam Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 21' 53"	105° 15' 51"					E-48-19-B-c
xóm Long Thành	DC	xã Tam Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 22' 35"	105° 17' 51"					E-48-19-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
xóm Nam Sơn	DC	xã Tam Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 22' 27"	105° 16' 30"					E-48-19-B-c
xóm Quyết Tiến	DC	xã Tam Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 22' 26"	105° 15' 28"					E-48-19-B-c
xóm Quỳnh Tiến	DC	xã Tam Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 22' 20"	105° 15' 54"					E-48-19-B-c
xóm Sơn Thành	DC	xã Tam Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 22' 02"	105° 17' 09"					E-48-19-B-c
xóm Tân Hợp	DC	xã Tam Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 21' 43"	105° 16' 16"					E-48-19-B-c
xóm Tân Mùng	DC	xã Tam Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 21' 48"	105° 16' 00"					E-48-19-B-c
xóm Tân Mỹ	DC	xã Tam Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 21' 42"	105° 16' 35"					E-48-19-B-c
xóm Tân Thành	DC	xã Tam Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 23' 04"	105° 17' 01"					E-48-19-B-a
xóm Tân Tiến	DC	xã Tam Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 21' 46"	105° 15' 11"					E-48-19-B-c
Xóm Vặc	DC	xã Tam Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 21' 10"	105° 15' 29"					E-48-19-B-c
quốc lộ 48C	KX	xã Thọ Hợp	H. Quỳ Hợp			19° 08' 56"	104° 41' 13"	19° 21' 39"	105° 16' 45"	E-48-19-A
suối Châu Lộc	TV	xã Thọ Hợp	H. Quỳ Hợp			19° 22' 29"	105° 13' 33"	19° 20' 23"	105° 14' 44"	E-48-19-A
xóm Cốc Mằm	DC	xã Thọ Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 19' 36"	105° 12' 51"					E-48-19-A
Sông Dinh	TV	xã Thọ Hợp	H. Quỳ Hợp			19° 19' 05"	105° 09' 20"	19° 20' 58"	105° 21' 18"	E-48-19-A
Xóm Đò	DC	xã Thọ Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 20' 24"	105° 13' 36"					E-48-19-A
núi Lèn Chu	SV	xã Thọ Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 19' 35"	105° 13' 38"					E-48-19-A
xóm Liên Tân	DC	xã Thọ Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 19' 42"	105° 12' 23"					E-48-19-A
xóm Sợi Dưới	DC	xã Thọ Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 20' 39"	105° 14' 18"					E-48-19-A
xóm Sơn Tiến	DC	xã Thọ Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 19' 58"	105° 14' 21"					E-48-19-A
xóm Thọ Sơn	DC	xã Thọ Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 20' 07"	105° 12' 56"					E-48-19-A
xóm Thung Khẳng	DC	xã Thọ Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 21' 09"	105° 12' 27"					E-48-19-A
xóm Bắc Lợi	DC	xã Văn Lợi	H. Quỳ Hợp	19° 16' 43"	105° 14' 22"					E-48-19-A
Suối Bùng	TV	xã Văn Lợi	H. Quỳ Hợp			19° 14' 12"	105° 14' 14"	19° 16' 40"	105° 14' 12"	E-48-19-A, E-48-19-B-c, E-48-19-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
xóm Đại Thành	DC	xã Văn Lợi	H. Quỳ Hợp	19° 15' 30"	105° 16' 09"					E-48-19-B-c
xóm Đại Xuân	DC	xã Văn Lợi	H. Quỳ Hợp	19° 15' 46"	105° 15' 15"					E-48-19-B-c
suối Đất Đỏ	TV	xã Văn Lợi	H. Quỳ Hợp			19° 15' 02"	105° 13' 51"	19° 16' 40"	105° 14' 12"	E-48-19-A
suối Kẻ Láo	TV	xã Văn Lợi	H. Quỳ Hợp			19° 16' 04"	105° 12' 56"	19° 19' 20"	105° 15' 46"	E-48-19-A
suối Kẻ Mo	TV	xã Văn Lợi	H. Quỳ Hợp			19° 15' 07"	105° 13' 20"	19° 16' 04"	105° 12' 56"	E-48-19-A
suối Kẻ Sòng	TV	xã Văn Lợi	H. Quỳ Hợp			19° 16' 40"	105° 14' 12"	19° 17' 35"	105° 14' 46"	E-48-19-A
núi Lèn Rêu	SV	xã Văn Lợi	H. Quỳ Hợp	19° 15' 11"	105° 14' 34"					E-48-19-A
xóm Nam Lợi	DC	xã Văn Lợi	H. Quỳ Hợp	19° 18' 32"	105° 14' 57"					E-48-19-A
Suối Nào	TV	xã Văn Lợi	H. Quỳ Hợp			19° 17' 35"	105° 14' 46"	19° 21' 09"	105° 16' 44"	E-48-19-A, E-48-19-B-c
suối Ông Giao	TV	xã Văn Lợi	H. Quỳ Hợp			19° 15' 29"	105° 16' 52"	19° 19' 34"	105° 17' 08"	E-48-19-B-c
xóm Tây Lợi	DC	xã Văn Lợi	H. Quỳ Hợp	19° 15' 57"	105° 13' 14"					E-48-19-A
xóm Thắng Lợi	DC	xã Văn Lợi	H. Quỳ Hợp	19° 16' 48"	105° 13' 00"					E-48-19-A
xóm Văn Giai	DC	xã Văn Lợi	H. Quỳ Hợp	19° 17' 06"	105° 12' 51"					E-48-19-A
xóm Văn Trường	DC	xã Văn Lợi	H. Quỳ Hợp	19° 18' 58"	105° 15' 06"					E-48-19-B-c
xóm Xuân Lợi	DC	xã Văn Lợi	H. Quỳ Hợp	19° 16' 11"	105° 13' 57"					E-48-19-A
xóm Xuân Sơn	DC	xã Văn Lợi	H. Quỳ Hợp	19° 15' 06"	105° 15' 10"					E-48-19-B-c
quốc lộ 48	KX	xã Yên Hợp	H. Quỳ Hợp			19° 51' 31"	104° 50' 04"	19° 05' 04"	105° 35' 10"	E-48-19-B-a
Xóm Bọ	DC	xã Yên Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 27' 37"	105° 16' 26"					E-48-19-B-a
Xóm Bọc	DC	xã Yên Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 26' 03"	105° 15' 24"					E-48-19-B-a
núi Bù Khạng	SV	xã Yên Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 25' 49"	105° 11' 06"					E-48-19-A
núi Cai Xạt	SV	xã Yên Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 26' 57"	105° 15' 40"					E-48-19-B-a
xóm Cầu Đá	DC	xã Yên Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 27' 31"	105° 15' 41"					E-48-19-B-a
Suối Cồng	TV	xã Yên Hợp	H. Quỳ Hợp			19° 26' 50"	105° 16' 40"	19° 26' 36"	105° 17' 40"	E-48-19-B-a
Xóm Cồng	DC	xã Yên Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 25' 57"	105° 16' 57"					E-48-19-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
Xóm Dé	DC	xã Yên Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 27' 42"	105° 15' 20"					E-48-19-B-a
kênh Đồng Mồng	TV	xã Yên Hợp	H. Quỳ Hợp			19° 27' 48"	105° 15' 47"	19° 26' 40"	105° 16' 56"	E-48-19-B-a
xóm Đồng Mồng	DC	xã Yên Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 26' 53"	105° 16' 40"					E-48-19-B-a
Sông Hiếu	TV	xã Yên Hợp	H. Quỳ Hợp			19° 43' 07"	104° 51' 25"	19° 15' 32"	105° 25' 09"	E-48-19-B-a
xóm Hợp Thành	DC	xã Yên Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 27' 12"	105° 15' 58"					E-48-19-B-a
xóm Khạng	DC	xã Yên Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 27' 12"	105° 13' 40"					E-48-19-A
Xóm Mới	DC	xã Yên Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 27' 10"	105° 16' 35"					E-48-19-B-a
xóm Na Phê	DC	xã Yên Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 26' 27"	105° 16' 21"					E-48-19-B-a
Xóm Sỏi	DC	xã Yên Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 27' 16"	105° 14' 30"					E-48-19-A
Khe Tạt	TV	xã Yên Hợp	H. Quỳ Hợp			19° 26' 41"	105° 12' 29"	19° 27' 11"	105° 13' 28"	E-48-19-A
Xóm Tạt	DC	xã Yên Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 26' 54"	105° 13' 03"					E-48-19-A
xóm Thái Lão	DC	xã Yên Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 27' 06"	105° 16' 31"					E-48-19-B-a
Xóm Thơ	DC	xã Yên Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 26' 00"	105° 14' 51"					E-48-19-A
xóm Trọng Cánh	DC	xã Yên Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 26' 26"	105° 16' 53"					E-48-19-B-a
Xóm Xạt	DC	xã Yên Hợp	H. Quỳ Hợp	19° 26' 21"	105° 16' 01"					E-48-19-B-a
quốc lộ 1	KX	TT. Cầu Giát	H. Quỳnh Lưu			19° 18' 42"	105° 43' 15"	18° 38' 51"	105° 42' 24"	E-48-20-C-a, E-48-20-C-b
khối 1	DC	TT. Cầu Giát	H. Quỳnh Lưu	19° 09' 00"	105° 37' 47"					E-48-20-C-b
khối 2	DC	TT. Cầu Giát	H. Quỳnh Lưu	19° 08' 45"	105° 37' 40"					E-48-20-C-b
khối 3	DC	TT. Cầu Giát	H. Quỳnh Lưu	19° 08' 38"	105° 37' 48"					E-48-20-C-b
khối 4	DC	TT. Cầu Giát	H. Quỳnh Lưu	19° 08' 27"	105° 37' 34"					E-48-20-C-b
khối 5	DC	TT. Cầu Giát	H. Quỳnh Lưu	19° 08' 42"	105° 37' 32"					E-48-20-C-b
khối 6	DC	TT. Cầu Giát	H. Quỳnh Lưu	19° 08' 37"	105° 37' 26"					E-48-20-C-b
khối 7	DC	TT. Cầu Giát	H. Quỳnh Lưu	19° 08' 30"	105° 37' 21"					E-48-20-C-a
khối 8	DC	TT. Cầu Giát	H. Quỳnh Lưu	19° 08' 20"	105° 37' 29"					E-48-20-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
khối 9	DC	TT. Cầu Giát	H. Quỳnh Lưu	19° 08' 53"	105° 37' 30"					E-48-20-C-b
khối 10	DC	TT. Cầu Giát	H. Quỳnh Lưu	19° 09' 04"	105° 37' 36"					E-48-20-C-b
khối 11	DC	TT. Cầu Giát	H. Quỳnh Lưu	19° 09' 14"	105° 37' 24"					E-48-20-C-b
khối 12	DC	TT. Cầu Giát	H. Quỳnh Lưu	19° 09' 33"	105° 37' 29"					E-48-20-C-b
quốc lộ 48B	KX	TT. Cầu Giát	H. Quỳnh Lưu			19° 08' 02"	105° 39' 11"	19° 12' 50"	105° 32' 21"	E-48-20-C-a
ga Cầu Giát	KX	TT. Cầu Giát	H. Quỳnh Lưu	19° 09' 35"	105° 37' 28"					E-48-20-C-a
Cầu Giát	KX	TT. Cầu Giát	H. Quỳnh Lưu	19° 08' 32"	105° 37' 25"					E-48-20-C-a
Sông Thái	TV	TT. Cầu Giát	H. Quỳnh Lưu			19° 09' 59"	105° 37' 26"	19° 05' 54"	105° 40' 22"	E-48-20-C-a, E-48-20-C-b
quốc lộ 1	KX	TT. Hoàng Mai	H. Quỳnh Lưu			19° 18' 42"	105° 43' 15"	18° 38' 51"	105° 42' 24"	E-48-20-A-d, E-48-20-C-b
đường tỉnh 537B	KX	TT. Hoàng Mai	H. Quỳnh Lưu			19° 15' 05"	105° 42' 30"	19° 07' 17"	105° 42' 37"	E-48-20-C-b
khối An Thịnh	DC	TT. Hoàng Mai	H. Quỳnh Lưu	19° 15' 01"	105° 42' 30"					E-48-20-C-b
khối Bắc Mỹ	DC	TT. Hoàng Mai	H. Quỳnh Lưu	19° 15' 48"	105° 42' 16"					E-48-20-A-d
cầu Hoàng Mai	KX	TT. Hoàng Mai	H. Quỳnh Lưu	19° 14' 31"	105° 41' 58"					E-48-20-C-b
mỏ đá Hoàng Mai	KX	TT. Hoàng Mai	H. Quỳnh Lưu	19° 18' 03"	105° 43' 14"					E-48-20-A-d
sông Hoàng Mai	TV	TT. Hoàng Mai	H. Quỳnh Lưu			19° 16' 40"	105° 38' 38"	19° 14' 00"	105° 45' 17"	E-48-20-A-d, E-48-20-C-b
cầu Khe Son	KX	TT. Hoàng Mai	H. Quỳnh Lưu	19° 17' 27"	105° 43' 24"					E-48-20-A-d
sông Mỏ Đá	TV	TT. Hoàng Mai	H. Quỳnh Lưu			19° 18' 54"	105° 43' 21"	19° 14' 22"	105° 44' 19"	E-48-20-A-d, E-48-20-C-b
khối Nam Mỹ	DC	TT. Hoàng Mai	H. Quỳnh Lưu	19° 15' 39"	105° 42' 18"					E-48-20-A-d
khối Tân Hùng	DC	TT. Hoàng Mai	H. Quỳnh Lưu	19° 17' 29"	105° 43' 21"					E-48-20-A-d
khối Tân Hương	DC	TT. Hoàng Mai	H. Quỳnh Lưu	19° 16' 54"	105° 43' 22"					E-48-20-A-d
khối Tân Phong	DC	TT. Hoàng Mai	H. Quỳnh Lưu	19° 15' 17"	105° 42' 26"					E-48-20-A-d
khối Tân Sơn	DC	TT. Hoàng Mai	H. Quỳnh Lưu	19° 16' 22"	105° 42' 53"					E-48-20-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
khối Tân Thành	DC	TT. Hoàng Mai	H. Quỳnh Lưu	19° 17' 50"	105° 43' 16"					E-48-20-A-d
khối Tân Tiến	DC	TT. Hoàng Mai	H. Quỳnh Lưu	19° 16' 24"	105° 43' 09"					E-48-20-A-d
khối Thịnh Mỹ	DC	TT. Hoàng Mai	H. Quỳnh Lưu	19° 14' 47"	105° 42' 07"					E-48-20-A-d
đường tỉnh 537B	KX	xã An Hòa	H. Quỳnh Lưu			19° 15' 05"	105° 42' 30"	19° 07' 17"	105° 42' 37"	E-48-20-C-b
thôn Bắc Lợi	DC	xã An Hòa	H. Quỳnh Lưu	19° 07' 35"	105° 41' 17"					E-48-20-C-d
thôn Bút Ngọc	DC	xã An Hòa	H. Quỳnh Lưu	19° 07' 23"	105° 40' 17"					E-48-20-C-d
thôn Bút Thanh	DC	xã An Hòa	H. Quỳnh Lưu	19° 07' 17"	105° 40' 10"					E-48-20-C-d
thôn Bút Thành	DC	xã An Hòa	H. Quỳnh Lưu	19° 07' 08"	105° 40' 09"					E-48-20-C-d
Sông Hầu	TV	xã An Hòa	H. Quỳnh Lưu			19° 10' 03"	105°42' 10"	19° 05' 53"	105°42' 47"	E-48-20-C-b, E-48-20-C-d
thôn Hồng Phong	DC	xã An Hòa	H. Quỳnh Lưu	19° 06' 57"	105° 40' 49"					E-48-20-C-d
thôn Minh Tiến	DC	xã An Hòa	H. Quỳnh Lưu	19° 07' 05"	105° 40' 24"					E-48-20-C-d
thôn Nam Tiến	DC	xã An Hòa	H. Quỳnh Lưu	19° 07' 23"	105° 41' 20"					E-48-20-C-b
thôn Quyết Thắng	DC	xã An Hòa	H. Quỳnh Lưu	19° 07' 26"	105° 41' 05"					E-48-20-C-d
thôn Tân An	DC	xã An Hòa	H. Quỳnh Lưu	19° 07' 44"	105° 41' 50"					E-48-20-C-b
thôn Tân Thắng	DC	xã An Hòa	H. Quỳnh Lưu	19° 07' 21"	105° 41' 28"					E-48-20-C-d
thôn Tân Thịnh	DC	xã An Hòa	H. Quỳnh Lưu	19° 06' 54"	105° 41' 51"					E-48-20-C-d
thôn Toàn Lợi	DC	xã An Hòa	H. Quỳnh Lưu	19° 07' 37"	105° 40' 48"					E-48-20-C-d
thôn Toàn Lực	DC	xã An Hòa	H. Quỳnh Lưu	19° 07' 35"	105° 40' 54"					E-48-20-C-d
thôn Toàn Mỹ	DC	xã An Hòa	H. Quỳnh Lưu	19° 07' 11"	105° 40' 49"					E-48-20-C-d
quốc lộ 1	KX	xã Mai Hùng	H. Quỳnh Lưu			19° 18' 42"	105° 43' 15"	18° 38' 51"	105° 42' 24"	E-48-20-C-b
xóm 1	DC	xã Mai Hùng	H. Quỳnh Lưu	19° 13' 22"	105° 43' 23"					E-48-20-C-b
xóm 6	DC	xã Mai Hùng	H. Quỳnh Lưu	19° 13' 23"	105° 42' 42"					E-48-20-C-b
xóm 7	DC	xã Mai Hùng	H. Quỳnh Lưu	19° 13' 52"	105° 42' 02"					E-48-20-C-b
xóm 8	DC	xã Mai Hùng	H. Quỳnh Lưu	19° 14' 07"	105° 41' 49"					E-48-20-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
xóm 9	DC	xã Mai Hùng	H. Quỳnh Lưu	19° 14' 20"	105° 41' 46"					E-48-20-C-b
xóm 10	DC	xã Mai Hùng	H. Quỳnh Lưu	19° 14' 34"	105° 42' 17"					E-48-20-C-b
xóm 11	DC	xã Mai Hùng	H. Quỳnh Lưu	19° 14' 26"	105° 42' 14"					E-48-20-C-b
xóm 12	DC	xã Mai Hùng	H. Quỳnh Lưu	105° 42' 19"	105° 42' 19"					E-48-20-A-d
xóm 13	DC	xã Mai Hùng	H. Quỳnh Lưu	19° 15' 31"	105° 42' 13"					E-48-20-A-d
xóm 14	DC	xã Mai Hùng	H. Quỳnh Lưu	19° 15' 24"	105° 41' 33"					E-48-20-A-d
xóm 15	DC	xã Mai Hùng	H. Quỳnh Lưu	19° 14' 56"	105° 41' 23"					E-48-20-C-b
xóm 16	DC	xã Mai Hùng	H. Quỳnh Lưu	19° 15' 03"	105° 40' 44"					E-48-20-A-d
xóm 17	DC	xã Mai Hùng	H. Quỳnh Lưu	19° 15' 14"	105° 40' 43"					E-48-20-A-d
xóm 18	DC	xã Mai Hùng	H. Quỳnh Lưu	19° 14' 30"	105° 41' 00"					E-48-20-C-b
xóm 19	DC	xã Mai Hùng	H. Quỳnh Lưu	19° 13' 55"	105° 42' 14"					E-48-20-C-b
xóm 20	DC	xã Mai Hùng	H. Quỳnh Lưu	19° 14' 50"	105° 41' 56"					E-48-20-C-b
xóm 25	DC	xã Mai Hùng	H. Quỳnh Lưu	19° 14' 20"	105° 41' 54"					E-48-20-C-b
xóm 34	DC	xã Mai Hùng	H. Quỳnh Lưu	19° 13' 50"	105° 42' 57"					E-48-20-C-b
núi Động Kiêu	SV	xã Mai Hùng	H. Quỳnh Lưu	19° 13' 25"	105° 42' 12"					E-48-20-C-b
cầu Hoàng Mai	KX	xã Mai Hùng	H. Quỳnh Lưu	19° 14' 31"	105° 41' 58"					E-48-20-C-b
sông Hoàng Mai	TV	xã Mai Hùng	H. Quỳnh Lưu			19° 16' 40"	105° 38' 38"	19° 14' 00"	105° 45' 17"	E-48-20-A-d, E-48-20-C-b
sông Mai Giang	TV	xã Mai Hùng	H. Quỳnh Lưu			19° 13' 46"	105° 43' 12"	19° 10' 03"	105° 42' 10"	E-48-20-C-b
kênh Vực Mấu	TV	xã Mai Hùng	H. Quỳnh Lưu			19° 16' 16"	105° 38' 33"	19° 12' 12"	105° 39' 19"	E-48-20-C-b
thôn 1	DC	xã Ngọc Sơn	H. Quỳnh Lưu	19° 11' 35"	105° 34' 44"					E-48-20-C-a
thôn 2	DC	xã Ngọc Sơn	H. Quỳnh Lưu	19° 11' 38"	105° 34' 09"					E-48-20-C-a
thôn 3	DC	xã Ngọc Sơn	H. Quỳnh Lưu	19° 10' 58"	105° 33' 59"					E-48-20-C-a
thôn 4A	DC	xã Ngọc Sơn	H. Quỳnh Lưu	19° 10' 55"	105° 35' 05"					E-48-20-C-a
thôn 4B	DC	xã Ngọc Sơn	H. Quỳnh Lưu	19° 10' 55"	105° 34' 41"					E-48-20-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
thôn 5	DC	xã Ngọc Sơn	H. Quỳnh Lưu	19° 12' 02"	105° 36' 39"					E-48-20-C-a
thôn 6	DC	xã Ngọc Sơn	H. Quỳnh Lưu	19° 10' 06"	105° 32' 55"					E-48-20-C-a
thôn 7	DC	xã Ngọc Sơn	H. Quỳnh Lưu	19° 10' 22"	105° 33' 48"					E-48-20-C-a
thôn 8	DC	xã Ngọc Sơn	H. Quỳnh Lưu	19° 10' 09"	105° 34' 36"					E-48-20-C-a
thôn 9	DC	xã Ngọc Sơn	H. Quỳnh Lưu	19° 09' 43"	105° 34' 25"					E-48-20-C-a
thôn 10	DC	xã Ngọc Sơn	H. Quỳnh Lưu	19° 09' 18"	105° 34' 34"					E-48-20-C-a
thôn 11	DC	xã Ngọc Sơn	H. Quỳnh Lưu	19° 09' 30"	105° 33' 28"					E-48-20-C-a
đội 2 Lâm Trường	DC	xã Ngọc Sơn	H. Quỳnh Lưu	19° 12' 16"	105° 36' 00"					E-48-20-C-a
quốc lộ 48B	KX	xã Ngọc Sơn	H. Quỳnh Lưu			19° 08' 02"	105° 39' 11"	19° 12' 50"	105° 32' 21"	E-48-20-C-a
núi Bật Nang	SV	xã Ngọc Sơn	H. Quỳnh Lưu	19° 11' 03"	105° 33' 12"					E-48-20-C-a
núi Đền Vua Hồ	SV	xã Ngọc Sơn	H. Quỳnh Lưu	19° 09' 44"	105° 34' 39"					E-48-20-C-a
núi Hòn Đầm	SV	xã Ngọc Sơn	H. Quỳnh Lưu	19° 09' 03"	105° 33' 50"					E-48-20-C-a
xóm Hòn Ngang	DC	xã Ngọc Sơn	H. Quỳnh Lưu	19° 11' 11"	105° 34' 41"					E-48-20-C-a
đập Khe Gang	TV	xã Ngọc Sơn	H. Quỳnh Lưu	19° 11' 16"	105° 35' 37"					E-48-20-C-a
hồ Khe Gang	TV	xã Ngọc Sơn	H. Quỳnh Lưu	19° 11' 23"	105° 35' 50"					E-48-20-C-a
hồ Khe Sái	TV	xã Ngọc Sơn	H. Quỳnh Lưu	19° 11' 36"	105° 34' 29"					E-48-20-C-a
xóm 1	DC	xã Quỳnh Bá	H. Quỳnh Lưu	19° 08' 27"	105° 39' 18"					E-48-20-C-b
xóm 2	DC	xã Quỳnh Bá	H. Quỳnh Lưu	19° 08' 14"	105° 39' 09"					E-48-20-C-b
xóm 3	DC	xã Quỳnh Bá	H. Quỳnh Lưu	19° 08' 06"	105° 39' 10"					E-48-20-C-b
xóm 4	DC	xã Quỳnh Bá	H. Quỳnh Lưu	19° 08' 00"	105° 39' 09"					E-48-20-C-b
xóm 5	DC	xã Quỳnh Bá	H. Quỳnh Lưu	19° 07' 47"	105° 39' 16"					E-48-20-C-b
xóm 6	DC	xã Quỳnh Bá	H. Quỳnh Lưu	19° 08' 08"	105° 38' 56"					E-48-20-C-b
xóm 7	DC	xã Quỳnh Bá	H. Quỳnh Lưu	19° 08' 32"	105° 38' 24"					E-48-20-C-b
xóm 8	DC	xã Quỳnh Bá	H. Quỳnh Lưu	19° 08' 16"	105° 38' 52"					E-48-20-C-b
quốc lộ 48B	KX	xã Quỳnh Bá	H. Quỳnh Lưu			19° 08' 02"	105° 39' 11"	19° 12' 50"	105° 32' 21"	E-48-20-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
xóm Hào Sơn	DC	xã Quỳnh Bá	H. Quỳnh Lưu	19° 08' 23"	105° 38' 42"					E-48-20-C-b
kênh Vách Bắc	TV	xã Quỳnh Bá	H. Quỳnh Lưu			19° 10' 54"	105° 41' 33"	19° 10' 34"	105° 39' 32"	E-48-20-C-b
đường tỉnh 537B	KX	xã Quỳnh Bảng	H. Quỳnh Lưu			19° 15' 05"	105° 42' 30"	19° 07' 17"	105° 42' 37"	E-48-20-C-b
xóm Chí Thành	DC	xã Quỳnh Bảng	H. Quỳnh Lưu	19° 10' 36"	105° 42' 45"					E-48-20-C-b
xóm Đồng Hưng	DC	xã Quỳnh Bảng	H. Quỳnh Lưu	9° 09' 58"	105° 43' 00"					E-48-20-C-b
xóm Đồng Tâm	DC	xã Quỳnh Bảng	H. Quỳnh Lưu	19° 09' 49"	105° 42' 46"					E-48-20-C-b
xóm Đồng Văn	DC	xã Quỳnh Bảng	H. Quỳnh Lưu	19° 10' 18"	105° 42' 44"					E-48-20-C-b
Sông Hầu	TV	xã Quỳnh Bảng	H. Quỳnh Lưu			19° 10' 03"	105° 42' 10"	19° 05' 53"	105° 42' 47"	E-48-20-C-b
xóm Học Văn	DC	xã Quỳnh Bảng	H. Quỳnh Lưu	19° 09' 49"	105° 42' 55"					E-48-20-C-b
sông Mai Giang	TV	xã Quỳnh Bảng	H. Quỳnh Lưu			19° 13' 46"	105° 43' 12"	19° 10' 03"	105° 42' 10"	E-48-20-C-b
xóm Mai Giang 1	DC	xã Quỳnh Bảng	H. Quỳnh Lưu	19° 10' 57"	105° 42' 30"					E-48-20-C-b
xóm Mai Giang 2	DC	xã Quỳnh Bảng	H. Quỳnh Lưu	19° 10' 28"	105° 42' 11"					E-48-20-C-b
xóm Quang Minh	DC	xã Quỳnh Bảng	H. Quỳnh Lưu	19° 11' 32"	105° 42' 11"					E-48-20-C-b
xóm Quyết Tâm	DC	xã Quỳnh Bảng	H. Quỳnh Lưu	19° 11' 03"	105° 41' 29"					E-48-20-C-b
xóm Quyết Thắng	DC	xã Quỳnh Bảng	H. Quỳnh Lưu	19° 11' 11"	105° 41' 56"					E-48-20-C-b
xóm Quyết Tiến	DC	xã Quỳnh Bảng	H. Quỳnh Lưu	19° 10' 56"	105° 41' 57"					E-48-20-C-b
xóm Tân Giang	DC	xã Quỳnh Bảng	H. Quỳnh Lưu	19° 11' 08"	105° 42' 40"					E-48-20-C-b
xóm Tân Hải	DC	xã Quỳnh Bảng	H. Quỳnh Lưu	19° 11' 08"	105° 43' 02"					E-48-20-C-b
xóm Tân Xuân	DC	xã Quỳnh Bảng	H. Quỳnh Lưu	19° 10' 42"	105° 42' 08"					E-48-20-C-b
xóm Thành Minh	DC	xã Quỳnh Bảng	H. Quỳnh Lưu	19° 10' 48"	105° 42' 46"					E-48-20-C-b
xóm Văn Đông	DC	xã Quỳnh Bảng	H. Quỳnh Lưu	19° 10' 21"	105° 43' 27"					E-48-20-C-b
xóm Văn Học	DC	xã Quỳnh Bảng	H. Quỳnh Lưu	19° 10' 42"	105° 43' 16"					E-48-20-C-b
xóm Văn Lý	DC	xã Quỳnh Bảng	H. Quỳnh Lưu	19° 10' 42"	105° 43' 27"					E-48-20-C-b
xóm 1	DC	xã Quỳnh Châu	H. Quỳnh Lưu	19° 12' 34"	105° 33' 19"					E-48-20-C-a
xóm 2A	DC	xã Quỳnh Châu	H. Quỳnh Lưu	19° 12' 41"	105° 33' 16"					E-48-20-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
xóm 2B	DC	xã Quỳnh Châu	H. Quỳnh Lưu	19° 12' 53"	105° 33' 15"					E-48-20-C-a
xóm 3	DC	xã Quỳnh Châu	H. Quỳnh Lưu	19° 12' 57"	105° 33' 07"					E-48-20-C-a
xóm 4A	DC	xã Quỳnh Châu	H. Quỳnh Lưu	19° 13' 07"	105° 32' 56"					E-48-20-C-a
xóm 4B	DC	xã Quỳnh Châu	H. Quỳnh Lưu	19° 12' 52"	105° 32' 51"					E-48-20-C-a
xóm 5	DC	xã Quỳnh Châu	H. Quỳnh Lưu	19° 12' 48"	105° 33' 04"					E-48-20-C-a
xóm 6	DC	xã Quỳnh Châu	H. Quỳnh Lưu	19° 12' 22"	105° 32' 53"					E-48-20-C-a
xóm 7A	DC	xã Quỳnh Châu	H. Quỳnh Lưu	19° 13' 41"	105° 32' 38"					E-48-20-C-a
xóm 7B	DC	xã Quỳnh Châu	H. Quỳnh Lưu	19° 13' 33"	105° 32' 31"					E-48-20-C-a
xóm 8	DC	xã Quỳnh Châu	H. Quỳnh Lưu	19° 12' 42"	105° 31' 59"					E-48-20-C-a
xóm 9	DC	xã Quỳnh Châu	H. Quỳnh Lưu	19° 12' 47"	105° 31' 38"					E-48-20-C-a
xóm 10A	DC	xã Quỳnh Châu	H. Quỳnh Lưu	19° 12' 59"	105° 31' 25"					E-48-20-C-a
xóm 10B	DC	xã Quỳnh Châu	H. Quỳnh Lưu	19° 12' 25"	105° 31' 11"					E-48-20-C-a
xóm 12	DC	xã Quỳnh Châu	H. Quỳnh Lưu	19° 13' 04"	105° 33' 51"					E-48-20-C-a
quốc lộ 48	KX	xã Quỳnh Châu	H. Quỳnh Lưu			19° 51' 31"	104° 50' 04"	19° 05' 04"	105° 35' 10"	E-48-20-C-a
đường tỉnh 531	KX	xã Quỳnh Châu	H. Quỳnh Lưu			19° 13' 30"	105° 31' 36"	19° 13' 44"	105° 23' 57"	E-48-20-A-c, E-48-20-C-a
quốc lộ 48B	KX	xã Quỳnh Châu	H. Quỳnh Lưu			19° 08' 02"	105° 39' 11"	19° 12' 50"	105° 32' 21"	E-48-20-C-a
xóm Bá Ngọc	DC	xã Quỳnh Châu	H. Quỳnh Lưu	19° 13' 56"	105° 31' 49"					E-48-20-C-a
núi Chóp Đình	SV	xã Quỳnh Châu	H. Quỳnh Lưu	19° 15' 33"	105° 32' 00"					E-48-20-A-c
xóm Đông Hồng	DC	xã Quỳnh Châu	H. Quỳnh Lưu	19° 11' 34"	105° 32' 12"					E-48-20-C-a
núi Hốc Ráy	SV	xã Quỳnh Châu	H. Quỳnh Lưu	19° 16' 04"	105° 33' 01"					E-48-20-A-c
hồ Khe Sân	TV	xã Quỳnh Châu	H. Quỳnh Lưu	19° 14' 35"	105° 34' 53"					E-48-20-C-a
hồ Khe Sâu	TV	xã Quỳnh Châu	H. Quỳnh Lưu	19° 15' 45"	105° 33' 40"					E-48-20-A-c
xóm Tân Hưng	DC	xã Quỳnh Châu	H. Quỳnh Lưu	19° 13' 18"	105° 30' 52"					E-48-20-C-a
hồ Thái Lài	TV	xã Quỳnh Châu	H. Quỳnh Lưu	19° 11' 59"	105° 32' 53"					E-48-20-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
dốc Truông Vên	KX	xã Quỳnh Châu	H. Quỳnh Lưu	19° 10' 45"	105° 32' 01"					E-48-20-C-a
Cầu Tuần	KX	xã Quỳnh Châu	H. Quỳnh Lưu	19° 13' 09"	105° 31' 59"					E-48-20-C-a
Ga Tuần	KX	xã Quỳnh Châu	H. Quỳnh Lưu	19° 13' 12"	105° 31' 56"					E-48-20-C-a
Ngã ba Tuần	KX	xã Quỳnh Châu	H. Quỳnh Lưu	19° 12' 50"	105° 32' 21"					E-48-20-C-a
xóm Tuần A	DC	xã Quỳnh Châu	H. Quỳnh Lưu	19° 12' 41"	105° 32' 22"					E-48-20-C-a
xóm Tuần B	DC	xã Quỳnh Châu	H. Quỳnh Lưu	19° 12' 55"	105° 32' 10"					E-48-20-C-a
xóm Tuần C	DC	xã Quỳnh Châu	H. Quỳnh Lưu	19° 12' 57"	105° 32' 26"					E-48-20-C-a
đường tỉnh 537B	KX	xã Quỳnh Dị	H. Quỳnh Lưu			19° 15' 05"	105° 42' 30"	19° 07' 17"	105° 42' 37"	E-48-20-C-b
cầu Đền Cờn	KX	xã Quỳnh Dị	H. Quỳnh Lưu	19° 13' 55"	105° 44' 03"					E-48-20-C-b
xóm Đông Triều	DC	xã Quỳnh Dị	H. Quỳnh Lưu	19° 14' 06"	105° 43' 23"					E-48-20-C-b
sông Hoàng Mai	TV	xã Quỳnh Dị	H. Quỳnh Lưu			19° 16' 40"	105° 38' 38"	19° 14' 00"	105° 45' 17"	E-48-20-C-b
sông Mỏ Đá	TV	xã Quỳnh Dị	H. Quỳnh Lưu			19° 18' 54"	105° 43' 21"	19° 14' 22"	105° 44' 19"	E-48-20-A-d, E-48-20-C-b
xóm Phú Lợi 1	DC	xã Quỳnh Dị	H. Quỳnh Lưu	19° 13' 52"	105° 43' 15"					E-48-20-C-b
xóm Phú Lợi 2	DC	xã Quỳnh Dị	H. Quỳnh Lưu	19° 14' 02"	105° 43' 06"					E-48-20-C-b
xóm Quang Trung	DC	xã Quỳnh Dị	H. Quỳnh Lưu	19° 14' 34"	105° 42' 43"					E-48-20-C-b
xóm Sỹ Tân	DC	xã Quỳnh Dị	H. Quỳnh Lưu	19° 14' 18"	105° 43' 01"					E-48-20-C-b
xóm Tân Đông	DC	xã Quỳnh Dị	H. Quỳnh Lưu	19° 14' 13"	105° 43' 23"					E-48-20-C-b
xóm Yên Ninh	DC	xã Quỳnh Dị	H. Quỳnh Lưu	19° 14' 53"	105° 42' 37"					E-48-20-C-b
xóm Yên Trung	DC	xã Quỳnh Dị	H. Quỳnh Lưu	19° 14' 50"	105° 42' 49"					E-48-20-C-b
xóm Đồng Văn	DC	xã Quỳnh Diễn	H. Quỳnh Lưu	19° 06' 49"	105° 37' 42"					E-48-20-C-d
núi Hòn Gai	SV	xã Quỳnh Diễn	H. Quỳnh Lưu	19° 06' 19"	105° 38' 30"					E-48-20-C-d
xóm Minh Thắng	DC	xã Quỳnh Diễn	H. Quỳnh Lưu	19° 06' 42"	105° 37' 25"					E-48-20-C-c
xóm Nhân Huống	DC	xã Quỳnh Diễn	H. Quỳnh Lưu	19° 06' 18"	105° 37' 49"					E-48-20-C-c
xóm Tam Khôi	DC	xã Quỳnh Diễn	H. Quỳnh Lưu	19° 06' 15"	105° 37' 33"					E-48-20-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
Sông Thái	TV	xã Quỳnh Diễn	H. Quỳnh Lưu			19° 09' 59"	105° 37' 26"	19° 05' 54"	105° 40' 22"	E-48-20-C-b, E-48-20-C-d
xóm Thuận Hóa	DC	xã Quỳnh Diễn	H. Quỳnh Lưu	19° 06' 53"	105° 37' 16"					E-48-20-C-c
kênh Vách Bắc	TV	xã Quỳnh Diễn	H. Quỳnh Lưu			19° 00' 31"	105° 28' 46"	19° 10' 54"	105° 41' 33"	E-48-20-C-d, E-48-20-C-c
xóm Vĩnh Lộc	DC	xã Quỳnh Diễn	H. Quỳnh Lưu	19° 06' 29"	105° 37' 17"					E-48-20-C-c
thôn 1	DC	xã Quỳnh Đôi	H. Quỳnh Lưu	19° 09' 28"	105° 40' 06"					E-48-20-C-b
thôn 2	DC	xã Quỳnh Đôi	H. Quỳnh Lưu	19° 09' 22"	105° 40' 13"					E-48-20-C-b
thôn 3	DC	xã Quỳnh Đôi	H. Quỳnh Lưu	19° 09' 16"	105° 40' 02"					E-48-20-C-b
thôn 4	DC	xã Quỳnh Đôi	H. Quỳnh Lưu	19° 09' 07"	105° 40' 06"					E-48-20-C-b
thôn 5	DC	xã Quỳnh Đôi	H. Quỳnh Lưu	19° 09' 21"	105° 40' 23"					E-48-20-C-b
thôn 6	DC	xã Quỳnh Đôi	H. Quỳnh Lưu	19° 09' 10"	105° 40' 25"					E-48-20-C-b
thôn 7	DC	xã Quỳnh Đôi	H. Quỳnh Lưu	19° 09' 05"	105° 40' 24"					E-48-20-C-b
thôn 8	DC	xã Quỳnh Đôi	H. Quỳnh Lưu	19° 09' 01"	105° 40' 21"					E-48-20-C-b
sông Đồng Nghệ	TV	xã Quỳnh Đôi	H. Quỳnh Lưu			19° 10' 03"	105° 42' 10"	19° 05' 53"	105° 42' 47"	E-48-20-C-b
quốc lộ 1	KX	xã Quỳnh Giang	H. Quỳnh Lưu			19° 18' 42"	105° 43' 15"	18° 38' 51"	105° 42' 24"	E-48-20-C-a, E-48-20-C-c
xóm 1	DC	xã Quỳnh Giang	H. Quỳnh Lưu	19° 07' 27"	105° 35' 43"					E-48-20-C-a
xóm 2	DC	xã Quỳnh Giang	H. Quỳnh Lưu	19° 07' 39"	105° 36' 00"					E-48-20-C-a
xóm 3	DC	xã Quỳnh Giang	H. Quỳnh Lưu	19° 07' 48"	105° 36' 10"					E-48-20-C-a
xóm 4	DC	xã Quỳnh Giang	H. Quỳnh Lưu	19° 07' 55"	105° 36' 20"					E-48-20-C-a
xóm 5	DC	xã Quỳnh Giang	H. Quỳnh Lưu	19° 08' 04"	105° 36' 52"					E-48-20-C-a
xóm 6	DC	xã Quỳnh Giang	H. Quỳnh Lưu	19° 07' 53"	105° 36' 53"					E-48-20-C-a
xóm 7	DC	xã Quỳnh Giang	H. Quỳnh Lưu	19° 07' 45"	105° 36' 59"					E-48-20-C-a
xóm 8	DC	xã Quỳnh Giang	H. Quỳnh Lưu	19° 07' 40"	105° 36' 58"					E-48-20-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
xóm 9	DC	xã Quỳnh Giang	H. Quỳnh Lưu	19° 07' 38"	105° 37' 07"					E-48-20-C-c
xóm 10	DC	xã Quỳnh Giang	H. Quỳnh Lưu	19° 07' 29"	105° 37' 11"					E-48-20-C-a
xóm 11	DC	xã Quỳnh Giang	H. Quỳnh Lưu	19° 08' 08"	105° 37' 10"					E-48-20-C-a
xóm 12	DC	xã Quỳnh Giang	H. Quỳnh Lưu	19° 07' 57"	105° 37' 14"					E-48-20-C-a
núi Hòn Gai	SV	xã Quỳnh Giang	H. Quỳnh Lưu	19° 06' 19"	105° 38' 30"					E-48-20-C-d
kênh N2	TV	xã Quỳnh Giang	H. Quỳnh Lưu			19° 11' 42"	105° 38' 12"	18° 56' 25"	105° 25' 03"	E-48-20-C-a, E-48-20-C-b
Sông Thái	TV	xã Quỳnh Giang	H. Quỳnh Lưu			19° 09' 59"	105° 37' 26"	19° 05' 54"	105° 40' 22"	E-48-20-C-b
Xóm Trãi	DC	xã Quỳnh Giang	H. Quỳnh Lưu	19° 08' 16"	105° 34' 53"					E-48-20-C-a
quốc lộ 1	KX	xã Quỳnh Hậu	H. Quỳnh Lưu			19° 18' 42"	105° 43' 15"	18° 38' 51"	105° 42' 24"	E-48-20-C-b
thôn 1	DC	xã Quỳnh Hậu	H. Quỳnh Lưu	19° 09' 52"	105° 39' 17"					E-48-20-C-b
thôn 2	DC	xã Quỳnh Hậu	H. Quỳnh Lưu	19° 09' 48"	105° 39' 27"					E-48-20-C-b
thôn 3	DC	xã Quỳnh Hậu	H. Quỳnh Lưu	19° 09' 44"	105° 39' 18"					E-48-20-C-b
thôn 4	DC	xã Quỳnh Hậu	H. Quỳnh Lưu	19° 09' 26"	105° 39' 21"					E-48-20-C-b
thôn 5	DC	xã Quỳnh Hậu	H. Quỳnh Lưu	19° 09' 20"	105° 39' 20"					E-48-20-C-b
thôn 6	DC	xã Quỳnh Hậu	H. Quỳnh Lưu	19° 09' 19"	105° 39' 10"					E-48-20-C-b
thôn 7	DC	xã Quỳnh Hậu	H. Quỳnh Lưu	19° 09' 25"	105° 39' 06"					E-48-20-C-b
thôn 8	DC	xã Quỳnh Hậu	H. Quỳnh Lưu	19° 09' 31"	105° 39' 08"					E-48-20-C-b
thôn 9	DC	xã Quỳnh Hậu	H. Quỳnh Lưu	19° 09' 33"	105° 38' 59"					E-48-20-C-b
thôn 10	DC	xã Quỳnh Hậu	H. Quỳnh Lưu	19° 09' 41"	105° 38' 45"					E-48-20-C-b
xóm 11	DC	xã Quỳnh Hậu	H. Quỳnh Lưu	19° 09' 47"	105° 38' 35"					E-48-20-C-b
thôn 12	DC	xã Quỳnh Hậu	H. Quỳnh Lưu	19° 10' 01"	105° 38' 43"					E-48-20-C-b
kênh Vách Bắc	TV	xã Quỳnh Hậu	H. Quỳnh Lưu			19° 10' 54"	105° 41' 33"	19° 10' 34"	105° 39' 32"	E-48-20-C-b
xóm 1	DC	xã Quỳnh Hoa	H. Quỳnh Lưu	19° 10' 16"	105° 38' 00"					E-48-20-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
xóm 2	DC	xã Quỳnh Hoa	H. Quỳnh Lưu	19° 10' 24"	105° 38' 03"					E-48-20-C-b
xóm 3	DC	xã Quỳnh Hoa	H. Quỳnh Lưu	19° 10' 45"	105° 38' 06"					E-48-20-C-b
xóm 4	DC	xã Quỳnh Hoa	H. Quỳnh Lưu	19° 10' 32"	105° 37' 58"					E-48-20-C-b
xóm 5	DC	xã Quỳnh Hoa	H. Quỳnh Lưu	19° 11' 20"	105° 37' 13"					E-48-20-C-a
xóm 6	DC	xã Quỳnh Hoa	H. Quỳnh Lưu	19° 10' 26"	105° 37' 20"					E-48-20-C-a
xóm 7	DC	xã Quỳnh Hoa	H. Quỳnh Lưu	19° 10' 20"	105° 37' 02"					E-48-20-C-a
xóm 8	DC	xã Quỳnh Hoa	H. Quỳnh Lưu	19° 10' 54"	105° 38' 11"					E-48-20-C-b
xóm 9	DC	xã Quỳnh Hoa	H. Quỳnh Lưu	19° 11' 01"	105° 38' 16"					E-48-20-C-b
xóm 10	DC	xã Quỳnh Hoa	H. Quỳnh Lưu	19° 11' 08"	105° 38' 24"					E-48-20-C-b
xóm 11	DC	xã Quỳnh Hoa	H. Quỳnh Lưu	19° 11' 16"	105° 38' 32"					E-48-20-C-b
xóm 12	DC	xã Quỳnh Hoa	H. Quỳnh Lưu	19° 11' 41"	105° 37' 40"					E-48-20-C-b
xóm Hoa Bắc	DC	xã Quỳnh Hoa	H. Quỳnh Lưu	19° 11' 03"	105° 38' 19"					E-48-20-C-b
xóm Hoa Nam	DC	xã Quỳnh Hoa	H. Quỳnh Lưu	19° 10' 37"	105° 38' 01"					E-48-20-C-b
kênh N2	TV	xã Quỳnh Hoa	H. Quỳnh Lưu			19° 11' 42"	105° 38' 12"	18° 56' 25"	105° 25' 03"	E-48-20-C-a, E-48-20-C-b
quốc lộ 1	KX	xã Quỳnh Hồng	H. Quỳnh Lưu			19° 18' 42"	105° 43' 15"	18° 38' 51"	105° 42' 24"	E-48-20-C-b
thôn 1	DC	xã Quỳnh Hồng	H. Quỳnh Lưu	19° 09' 18"	105° 38' 35"					E-48-20-C-b
thôn 2	DC	xã Quỳnh Hồng	H. Quỳnh Lưu	19° 09' 11"	105° 38' 32"					E-48-20-C-b
thôn 3	DC	xã Quỳnh Hồng	H. Quỳnh Lưu	19° 09' 11"	105° 38' 20"					E-48-20-C-b
thôn 4	DC	xã Quỳnh Hồng	H. Quỳnh Lưu	19° 09' 01"	105° 38' 18"					E-48-20-C-b
thôn 5	DC	xã Quỳnh Hồng	H. Quỳnh Lưu	19° 08' 55"	105° 38' 03"					E-48-20-C-b
thôn 6	DC	xã Quỳnh Hồng	H. Quỳnh Lưu	19° 08' 44"	105° 37' 57"					E-48-20-C-b
thôn 7	DC	xã Quỳnh Hồng	H. Quỳnh Lưu	19° 08' 31"	105° 37' 50"					E-48-20-C-b
thôn 8	DC	xã Quỳnh Hồng	H. Quỳnh Lưu	19° 08' 06"	105° 37' 44"					E-48-20-C-b
thôn 9	DC	xã Quỳnh Hồng	H. Quỳnh Lưu	19° 07' 46"	105° 37' 48"					E-48-20-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
quốc lộ 48B	KX	xã Quỳnh Hồng	H. Quỳnh Lưu			19° 08' 02"	105° 39' 11"	19° 12' 50"	105° 32' 21"	E-48-20-C-a
Sông Thái	TV	xã Quỳnh Hồng	H. Quỳnh Lưu			19° 09' 59"	105° 37' 26"	19° 05' 54"	105° 40' 22"	E-48-20-C-b, E-48-20-C-d
kênh Vách Bắc	TV	xã Quỳnh Hồng	H. Quỳnh Lưu			19° 10' 54"	105° 41' 33"	19° 10' 34"	105° 39' 32"	E-48-20-C-b, E-48-20-C-d
xóm 1	DC	xã Quỳnh Hưng	H. Quỳnh Lưu	19° 07' 50"	105° 38' 19"					E-48-20-C-b
xóm 2	DC	xã Quỳnh Hưng	H. Quỳnh Lưu	19° 07' 42"	105° 38' 26"					E-48-20-C-d
xóm 3	DC	xã Quỳnh Hưng	H. Quỳnh Lưu	19° 07' 48"	105° 38' 29"					E-48-20-C-d
xóm 4	DC	xã Quỳnh Hưng	H. Quỳnh Lưu	19° 07' 41"	105° 38' 39"					E-48-20-C-d
xóm 5	DC	xã Quỳnh Hưng	H. Quỳnh Lưu	19° 07' 36"	105° 38' 37"					E-48-20-C-d
xóm 6	DC	xã Quỳnh Hưng	H. Quỳnh Lưu	19° 07' 23"	105° 38' 36"					E-48-20-C-d
xóm 6	DC	xã Quỳnh Hưng	H. Quỳnh Lưu	19° 07' 22"	105° 38' 34"					E-48-20-C-d
xóm 7	DC	xã Quỳnh Hưng	H. Quỳnh Lưu	19° 06' 49"	105° 38' 52"					E-48-20-C-d
xóm 8	DC	xã Quỳnh Hưng	H. Quỳnh Lưu	19° 07' 00"	105° 39' 00"					E-48-20-C-d
xóm 9	DC	xã Quỳnh Hưng	H. Quỳnh Lưu	19° 07' 08"	105° 38' 59"					E-48-20-C-d
xóm 10	DC	xã Quỳnh Hưng	H. Quỳnh Lưu	19° 07' 04"	105° 38' 48"					E-48-20-C-d
xóm 11	DC	xã Quỳnh Hưng	H. Quỳnh Lưu	19° 07' 18"	105° 38' 10"					E-48-20-C-d
xóm 12	DC	xã Quỳnh Hưng	H. Quỳnh Lưu	19° 06' 51"	105° 38' 07"					E-48-20-C-d
Sông Thái	TV	xã Quỳnh Hưng	H. Quỳnh Lưu			19° 09' 59"	105° 37' 26"	19° 05' 54"	105° 40' 22"	E-48-20-C-d
kênh Vách Bắc	TV	xã Quỳnh Hưng	H. Quỳnh Lưu			19° 00' 31"	105° 28' 46"	19° 10' 54"	105° 41' 33"	E-48-20-C-b
quốc lộ 1	KX	xã Quỳnh Lâm	H. Quỳnh Lưu			19° 18' 42"	105° 43' 15"	18° 38' 51"	105° 42' 24"	E-48-20-C-a
xóm 1	DC	xã Quỳnh Lâm	H. Quỳnh Lưu	19° 09' 02"	105° 36' 28"					E-48-20-C-a
xóm 2	DC	xã Quỳnh Lâm	H. Quỳnh Lưu	19° 09' 15"	105° 36' 22"					E-48-20-C-a
xóm 3	DC	xã Quỳnh Lâm	H. Quỳnh Lưu	19° 08' 58"	105° 36' 27"					E-48-20-C-a
xóm 4	DC	xã Quỳnh Lâm	H. Quỳnh Lưu	19° 08' 58"	105° 36' 09"					E-48-20-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
xóm 5	DC	xã Quỳnh Lâm	H. Quỳnh Lưu	19° 09' 07"	105° 35' 33"					E-48-20-C-a
xóm 6	DC	xã Quỳnh Lâm	H. Quỳnh Lưu	19° 08' 50"	105° 35' 26"					E-48-20-C-a
xóm 7	DC	xã Quỳnh Lâm	H. Quỳnh Lưu	19° 08' 30"	105° 35' 12"					E-48-20-C-a
xóm 7	DC	xã Quỳnh Lâm	H. Quỳnh Lưu	19° 08' 36"	105° 35' 15"					E-48-20-C-a
xóm 8	DC	xã Quỳnh Lâm	H. Quỳnh Lưu	19° 08' 35"	105° 34' 37"					E-48-20-C-a
xóm 9	DC	xã Quỳnh Lâm	H. Quỳnh Lưu	19° 09' 21"	105° 34' 56"					E-48-20-C-a
xóm 10	DC	xã Quỳnh Lâm	H. Quỳnh Lưu	19° 09' 29"	105° 35' 02"					E-48-20-C-a
xóm 11	DC	xã Quỳnh Lâm	H. Quỳnh Lưu	19° 09' 47"	105° 35' 23"					E-48-20-C-a
xóm 12	DC	xã Quỳnh Lâm	H. Quỳnh Lưu	19° 09' 54"	105° 35' 39"					E-48-20-C-a
xóm 13	DC	xã Quỳnh Lâm	H. Quỳnh Lưu	19° 10' 09"	105° 35' 50"					E-48-20-C-a
xóm 14	DC	xã Quỳnh Lâm	H. Quỳnh Lưu	19° 10' 19"	105° 35' 55"					E-48-20-C-a
xóm 15	DC	xã Quỳnh Lâm	H. Quỳnh Lưu	19° 09' 27"	105° 35' 59"					E-48-20-C-a
xóm 16	DC	xã Quỳnh Lâm	H. Quỳnh Lưu	19° 08' 45"	105° 33' 56"					E-48-20-C-a
xóm 17	DC	xã Quỳnh Lâm	H. Quỳnh Lưu	19° 08' 56"	105° 34' 30"					E-48-20-C-a
xóm 18	DC	xã Quỳnh Lâm	H. Quỳnh Lưu	19° 08' 26"	105° 37' 12"					E-48-20-C-a
xóm 19	DC	xã Quỳnh Lâm	H. Quỳnh Lưu	19° 08' 36"	105° 37' 08"					E-48-20-C-a
xóm 20	DC	xã Quỳnh Lâm	H. Quỳnh Lưu	19° 08' 30"	105° 37' 00"					E-48-20-C-a
xóm 21	DC	xã Quỳnh Lâm	H. Quỳnh Lưu	19° 08' 24"	105° 36' 57"					E-48-20-C-a
xóm 22	DC	xã Quỳnh Lâm	H. Quỳnh Lưu	19° 08' 46"	105° 37' 02"					E-48-20-C-a
xóm 23	DC	xã Quỳnh Lâm	H. Quỳnh Lưu	19° 08' 13"	105° 37' 01"					E-48-20-C-a
quốc lộ 48B	KX	xã Quỳnh Lâm	H. Quỳnh Lưu			19° 08' 02"	105° 39' 11"	19° 12' 50"	105° 32' 21"	E-48-20-C-a
Núi Đền	SV	xã Quỳnh Lâm	H. Quỳnh Lưu	19° 26' 30"	105° 32' 19"					E-48-20-A-a
núi Hòn Đầm	SV	xã Quỳnh Lâm	H. Quỳnh Lưu	19° 09' 03"	105° 33' 50"					E-48-20-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
kênh N2	TV	xã Quỳnh Lâm	H. Quỳnh Lưu			19° 11' 42"	105° 38' 12"	18° 56' 25"	105° 25' 03"	E-48-20-C-a, E-48-20-C-b
Khe Su	TV	xã Quỳnh Lâm	H. Quỳnh Lưu			19° 09' 16"	105° 34' 06"	19° 08' 44"	105° 37' 12"	E-48-20-C-a
Sông Thái	TV	xã Quỳnh Lâm	H. Quỳnh Lưu			19° 09' 59"	105° 37' 26"	19° 05' 54"	105° 40' 22"	E-48-20-C-a
Núi Bạng	SV	xã Quỳnh Lập	H. Quỳnh Lưu	19° 17' 48"	105° 46' 44"					E-48-20-B-c, E-48-20-D-a
Núi Cháy	SV	xã Quỳnh Lập	H. Quỳnh Lưu	19° 15' 21"	105° 45' 39"					E-48-20-B-c E-48-20-D-a
Cửa Cờn	TV	xã Quỳnh Lập	H. Quỳnh Lưu	19° 14' 00"	105° 45' 17"					E-48-20-B-c E-48-20-D-a
mũi Đầu Rồng	TV	xã Quỳnh Lập	H. Quỳnh Lưu	19° 13' 31"	105° 45' 20"					E-48-20-B-c E-48-20-D-a
mũi Đông Hồi	TV	xã Quỳnh Lập	H. Quỳnh Lưu	19° 16' 22"	105° 48' 08"					E-48-20-B-c E-48-20-D-a
xóm Đồng Lực	DC	xã Quỳnh Lập	H. Quỳnh Lưu	19° 14' 09"	105° 45' 28"					E-48-20-B-c E-48-20-D-a
núi Đồng Mí	SV	xã Quỳnh Lập	H. Quỳnh Lưu	19° 16' 07"	105° 45' 33"					E-48-20-B-c E-48-20-D-a
xóm Đồng Minh	DC	xã Quỳnh Lập	H. Quỳnh Lưu	19° 16' 36"	105° 47' 46"					E-48-20-B-c E-48-20-D-a
xóm Đồng Tâm	DC	xã Quỳnh Lập	H. Quỳnh Lưu	19° 14' 04"	105° 45' 27"					E-48-20-B-c E-48-20-D-a
xóm Đồng Thanh	DC	xã Quỳnh Lập	H. Quỳnh Lưu	19° 16' 47"	105° 46' 56"					E-48-20-B-c E-48-20-D-a
xóm Đồng Tiến	DC	xã Quỳnh Lập	H. Quỳnh Lưu	19° 13' 57"	105° 45' 25"					E-48-20-B-c E-48-20-D-a
sông Hoàng Mai	TV	xã Quỳnh Lập	H. Quỳnh Lưu			19° 16' 40"	105° 38' 38"	19° 14' 00"	105° 45' 17"	E-48-20-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
xóm Hợp Tiến	DC	xã Quỳnh Lập	H. Quỳnh Lưu	19° 14' 13"	105° 45' 22"					E-48-20-B-c E-48-20-D-a
xóm Lam Sơn	DC	xã Quỳnh Lập	H. Quỳnh Lưu	19° 14' 41"	105° 45' 22"					E-48-20-B-c E-48-20-D-a
đá Ông Cộc	TV	xã Quỳnh Lập	H. Quỳnh Lưu	19° 13' 34"	105° 45' 27"					E-48-20-B-c E-48-20-D-a
xóm Quyết Tâm	DC	xã Quỳnh Lập	H. Quỳnh Lưu	19° 14' 30"	105° 45' 09"					E-48-20-B-c E-48-20-D-a
xóm Quyết Tiến	DC	xã Quỳnh Lập	H. Quỳnh Lưu	19° 14' 23"	105° 45' 21"					E-48-20-B-c E-48-20-D-a
núi Răng Cưa	SV	xã Quỳnh Lập	H. Quỳnh Lưu	19° 18' 10"	105° 47' 53"					E-48-20-B-c E-48-20-D-a
Xóm Rồng	DC	xã Quỳnh Lập	H. Quỳnh Lưu	19° 13' 47"	105° 45' 25"					E-48-20-B-c E-48-20-D-a
xóm Tam Hợp	DC	xã Quỳnh Lập	H. Quỳnh Lưu	19° 14' 21"	105° 45' 36"					E-48-20-B-c E-48-20-D-a
xóm Tân Long	DC	xã Quỳnh Lập	H. Quỳnh Lưu	19° 14' 50"	105° 45' 18"					E-48-20-B-c E-48-20-D-a
xóm Tân Minh	DC	xã Quỳnh Lập	H. Quỳnh Lưu	19° 17' 14"	105° 47' 49"					E-48-20-B-c E-48-20-D-a
xóm Trại Phong	DC	xã Quỳnh Lập	H. Quỳnh Lưu	19° 15' 42"	105° 46' 14"					E-48-20-B-c E-48-20-D-a
Núi Tráp	SV	xã Quỳnh Lập	H. Quỳnh Lưu	19° 14' 02"	105° 45' 37"					E-48-20-B-c E-48-20-D-a
khe Truông Lau	TV	xã Quỳnh Lập	H. Quỳnh Lưu			19° 17' 38"	105° 45' 08"	19° 16' 38"	105° 47' 30"	E-48-20-B-c E-48-20-D-a
thôn 1	DC	xã Quỳnh Liên	H. Quỳnh Lưu	19° 12' 51"	105° 43' 39"					E-48-20-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
thôn 2	DC	xã Quỳnh Liên	H. Quỳnh Lưu	19° 12' 59"	105° 43' 25"					E-48-20-C-b
thôn 3	DC	xã Quỳnh Liên	H. Quỳnh Lưu	19° 12' 18"	105° 43' 14"					E-48-20-C-b
thôn 4	DC	xã Quỳnh Liên	H. Quỳnh Lưu	19° 12' 24"	105° 43' 25"					E-48-20-C-b
thôn 5	DC	xã Quỳnh Liên	H. Quỳnh Lưu	19° 11' 57"	105° 43' 29"					E-48-20-C-b
thôn 6	DC	xã Quỳnh Liên	H. Quỳnh Lưu	19° 12' 06"	105° 43' 12"					E-48-20-C-b
thôn 7	DC	xã Quỳnh Liên	H. Quỳnh Lưu	19° 11' 51"	105° 43' 09"					E-48-20-C-b
thôn 8	DC	xã Quỳnh Liên	H. Quỳnh Lưu	19° 11' 56"	105° 42' 57"					E-48-20-C-b
thôn 9	DC	xã Quỳnh Liên	H. Quỳnh Lưu	19° 11' 43"	105° 43' 02"					E-48-20-C-b
thôn 10	DC	xã Quỳnh Liên	H. Quỳnh Lưu	19° 11' 33"	105° 43' 02"					E-48-20-C-b
đường tỉnh 537B	KX	xã Quỳnh Liên	H. Quỳnh Lưu			19° 15' 05"	105° 42' 30"	19° 07' 17"	105° 42' 37"	E-48-20-C-b
sông Mai Giang	TV	xã Quỳnh Liên	H. Quỳnh Lưu			19° 13' 46"	105° 43' 12"	19° 10' 03"	105° 42' 10"	E-48-20-C-b
đền Xuân Úc	KX	xã Quỳnh Liên	H. Quỳnh Lưu	19° 11' 37"	105° 42' 49"					E-48-20-C-b
xóm 1	DC	xã Quỳnh Lộc	H. Quỳnh Lưu	19° 14' 59"	105° 44' 45"					E-48-20-A-d
xóm 2	DC	xã Quỳnh Lộc	H. Quỳnh Lưu	19° 15' 09"	105° 44' 39"					E-48-20-A-d
xóm 3A	DC	xã Quỳnh Lộc	H. Quỳnh Lưu	19° 15' 11"	105° 44' 21"					E-48-20-A-d
xóm 3B	DC	xã Quỳnh Lộc	H. Quỳnh Lưu	19° 15' 14"	105° 44' 00"					E-48-20-A-d
xóm 4	DC	xã Quỳnh Lộc	H. Quỳnh Lưu	19° 15' 17"	105° 44' 27"					E-48-20-C-b
xóm 5	DC	xã Quỳnh Lộc	H. Quỳnh Lưu	19° 15' 32"	105° 44' 28"					E-48-20-A-d
xóm 6	DC	xã Quỳnh Lộc	H. Quỳnh Lưu	19° 16' 43"	105° 44' 34"					E-48-20-A-d
xóm 7	DC	xã Quỳnh Lộc	H. Quỳnh Lưu	19° 16' 56"	105° 44' 23"					E-48-20-A-d
xóm 8	DC	xã Quỳnh Lộc	H. Quỳnh Lưu	19° 17' 36"	105° 44' 03"					E-48-20-A-d
xóm 9	DC	xã Quỳnh Lộc	H. Quỳnh Lưu	19° 18' 27"	105° 43' 56"					E-48-20-A-d
xóm 10	DC	xã Quỳnh Lộc	H. Quỳnh Lưu	19° 18' 57"	105° 43' 53"					E-48-20-A-d
Núi Cháy	SV	xã Quỳnh Lộc	H. Quỳnh Lưu	19° 15' 21"	105° 45' 39"					E-48-20-B-c E-48-20-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
núi Đồng Mí	SV	xã Quỳnh Lộc	H. Quỳnh Lưu	19° 16' 07"	105° 45' 33"					E-48-20-B-c E-48-20-D-a
núi Gò Dóc	SV	xã Quỳnh Lộc	H. Quỳnh Lưu	19° 16' 08"	105° 45' 15"					E-48-20-B-c E-48-20-D-a
sông Hoàng Mai	TV	xã Quỳnh Lộc	H. Quỳnh Lưu			19° 16' 40"	105° 38' 38"	19° 14' 00"	105° 45' 17"	E-48-20-C-b
sông Mỏ Đá	TV	xã Quỳnh Lộc	H. Quỳnh Lưu			19° 18' 54"	105° 43' 21"	19° 14' 22"	105° 44' 19"	E-48-20-A-d E-48-20-C-b
Nhà máy Xi măng Nghi Sơn	KX	xã Quỳnh Lộc	H. Quỳnh Lưu	19° 15' 43"	105° 43' 58"					E-48-20-A-d
Núi Xước	SV	xã Quỳnh Lộc	H. Quỳnh Lưu	19° 19' 28"	105° 44' 23"					E-48-20-A-d
thôn Cộng Hòa	DC	xã Quỳnh Long	H. Quỳnh Lưu	19° 05' 26"	105° 41' 55"					E-48-20-C-d
xóm Đại Bắc	DC	xã Quỳnh Long	H. Quỳnh Lưu	19° 05' 13"	105° 41' 13"					E-48-20-C-d
thôn Đại Hải	DC	xã Quỳnh Long	H. Quỳnh Lưu	19° 05' 18"	105° 41' 13"					E-48-20-C-d
xóm Đại Tân	DC	xã Quỳnh Long	H. Quỳnh Lưu	19° 05' 31"	105° 41' 23"					E-48-20-C-d
xóm Minh Thành	DC	xã Quỳnh Long	H. Quỳnh Lưu	19° 05' 27"	105° 41' 42"					E-48-20-C-d
thôn Phú Liên	DC	xã Quỳnh Long	H. Quỳnh Lưu	19° 05' 23"	105° 41' 28"					E-48-20-C-d
xóm Phú Thành	DC	xã Quỳnh Long	H. Quỳnh Lưu	19° 05' 35"	105° 41' 31"					E-48-20-C-d
thôn Thành Công	DC	xã Quỳnh Long	H. Quỳnh Lưu	19° 05' 29"	105° 41' 06"					E-48-20-C-d
thôn 1	DC	xã Quỳnh Lương	H. Quỳnh Lưu	19° 09' 00"	105° 42' 50"					E-48-20-C-b
thôn 2	DC	xã Quỳnh Lương	H. Quỳnh Lưu	19° 09' 00"	105° 42' 38"					E-48-20-C-b
thôn 3	DC	xã Quỳnh Lương	H. Quỳnh Lưu	19° 09' 13"	105° 42' 54"					E-48-20-C-b
thôn 4	DC	xã Quỳnh Lương	H. Quỳnh Lưu	19° 09' 20"	105° 42' 41"					E-48-20-C-b
thôn 5	DC	xã Quỳnh Lương	H. Quỳnh Lưu	19° 09' 31"	105° 42' 49"					E-48-20-C-b
thôn 6	DC	xã Quỳnh Lương	H. Quỳnh Lưu	19° 09' 23"	105° 43' 14"					E-48-20-C-b
thôn 7	DC	xã Quỳnh Lương	H. Quỳnh Lưu	19° 09' 13"	105° 43' 14"					E-48-20-C-b
thôn 8	DC	xã Quỳnh Lương	H. Quỳnh Lưu	19° 09' 09"	105° 43' 01"					E-48-20-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
đường tỉnh 537B	KX	xã Quỳnh Lương	H. Quỳnh Lưu			19° 15' 05"	105° 42' 30"	19° 07' 17"	105° 42' 37"	E-48-20-C-b
Sông Hầu	TV	xã Quỳnh Lương	H. Quỳnh Lưu			19° 10' 03"	105° 42' 10"	19° 05' 53"	105° 42' 47"	E-48-20-C-b
xóm 1	DC	xã Quỳnh Minh	H. Quỳnh Lưu	19° 08' 39"	105° 43' 03"					E-48-20-C-b
xóm 2	DC	xã Quỳnh Minh	H. Quỳnh Lưu	19° 08' 29"	105° 43' 11"					E-48-20-C-b
xóm 3	DC	xã Quỳnh Minh	H. Quỳnh Lưu	19° 08' 18"	105° 42' 59"					E-48-20-C-b
xóm 4	DC	xã Quỳnh Minh	H. Quỳnh Lưu	19° 08' 29"	105° 42' 54"					E-48-20-C-b
xóm 5	DC	xã Quỳnh Minh	H. Quỳnh Lưu	19° 08' 26"	105° 42' 42"					E-48-20-C-b
xóm 6	DC	xã Quỳnh Minh	H. Quỳnh Lưu	19° 08' 34"	105° 42' 41"					E-48-20-C-b
xóm 7	DC	xã Quỳnh Minh	H. Quỳnh Lưu	19° 08' 41"	105° 42' 41"					E-48-20-C-b
xóm 8	DC	xã Quỳnh Minh	H. Quỳnh Lưu	19° 08' 27"	105° 42' 19"					E-48-20-C-b
xóm 9	DC	xã Quỳnh Minh	H. Quỳnh Lưu	19° 08' 18"	105° 42' 11"					E-48-20-C-b
đường tỉnh 537B	KX	xã Quỳnh Minh	H. Quỳnh Lưu			19° 15' 05"	105° 42' 30"	19° 07' 17"	105° 42' 37"	E-48-20-C-b
Sông Hầu	TV	xã Quỳnh Minh	H. Quỳnh Lưu			19° 10' 03"	105° 42' 10"	19° 05' 53"	105° 42' 47"	E-48-20-C-b
thôn 1	DC	xã Quỳnh Mỹ	H. Quỳnh Lưu	9° 11' 08"	105° 36' 56"					E-48-20-C-a
thôn 2	DC	xã Quỳnh Mỹ	H. Quỳnh Lưu	19° 11' 01"	105° 36' 44"					E-48-20-C-b
thôn 3	DC	xã Quỳnh Mỹ	H. Quỳnh Lưu	19° 09' 39"	105° 36' 50"					E-48-20-C-a
thôn 4	DC	xã Quỳnh Mỹ	H. Quỳnh Lưu	19° 09' 54"	105° 37' 37"					E-48-20-C-b
thôn 5	DC	xã Quỳnh Mỹ	H. Quỳnh Lưu	19° 09' 57"	105° 37' 03"					E-48-20-C-a
thôn 6	DC	xã Quỳnh Mỹ	H. Quỳnh Lưu	19° 09' 31"	105° 36' 45"					E-48-20-C-a
thôn 7	DC	xã Quỳnh Mỹ	H. Quỳnh Lưu	19° 09' 59"	105° 36' 36"					E-48-20-C-a
thôn 8	DC	xã Quỳnh Mỹ	H. Quỳnh Lưu	19° 10' 44"	105° 36' 22"					E-48-20-C-a
thôn 9	DC	xã Quỳnh Mỹ	H. Quỳnh Lưu	19° 10' 55"	105° 36' 37"					E-48-20-C-a
quốc lộ 48B	KX	xã Quỳnh Mỹ	H. Quỳnh Lưu			19° 08' 02"	105° 39' 11"	19° 12' 50"	105° 32' 21"	E-48-20-C-a
kênh N2	TV	xã Quỳnh Mỹ	H. Quỳnh Lưu			19° 11' 42"	105° 38' 12"	18° 56' 25"	105° 25' 03"	E-48-20-C-a E-48-20-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
Sông Thái	TV	xã Quỳnh Mỹ	H. Quỳnh Lưu			19° 09' 59"	105° 37' 26"	19° 05' 54"	105° 40' 22"	E-48-20-C-a
núi Truông Thọ	SV	xã Quỳnh Mỹ	H. Quỳnh Lưu	19° 10' 10"	105° 37' 00"					E-48-20-C-a
thôn 1	DC	xã Quỳnh Nghĩa	H. Quỳnh Lưu	19° 08' 09"	105° 42' 46"					E-48-20-C-b
xóm 2	DC	xã Quỳnh Nghĩa	H. Quỳnh Lưu	19° 07' 43"	105° 43' 04"					E-48-20-C-b
thôn 3	DC	xã Quỳnh Nghĩa	H. Quỳnh Lưu	19° 07' 24"	105° 43' 17"					E-48-20-C-d
thôn 4	DC	xã Quỳnh Nghĩa	H. Quỳnh Lưu	19° 07' 50"	105° 42' 35"					E-48-20-C-b
thôn 5	DC	xã Quỳnh Nghĩa	H. Quỳnh Lưu	19° 07' 36"	105° 42' 44"					E-48-20-C-b
thôn 6	DC	xã Quỳnh Nghĩa	H. Quỳnh Lưu	19° 07' 28"	105° 42' 39"					E-48-20-C-b
thôn 7	DC	xã Quỳnh Nghĩa	H. Quỳnh Lưu	19° 07' 38"	105° 42' 39"					E-48-20-C-b
đường tỉnh 537B	KX	xã Quỳnh Nghĩa	H. Quỳnh Lưu			19° 15' 05"	105° 42' 30"	19° 07' 17"	105° 42' 37"	E-48-20-C-b
Sông Hầu	TV	xã Quỳnh Nghĩa	H. Quỳnh Lưu			19° 10' 03"	105°42' 10"	19° 05' 53"	105°42' 47"	E-48-20-C-b E-48-20-C-d
thôn Hòa Bình	DC	xã Quỳnh Nghĩa	H. Quỳnh Lưu	19° 07' 27"	105° 42' 21"					E-48-20-C-b
thôn Hòa Đông	DC	xã Quỳnh Nghĩa	H. Quỳnh Lưu	19° 07' 27"	105° 42' 31"					E-48-20-C-b
xóm Nghĩa Bắc	DC	xã Quỳnh Nghĩa	H. Quỳnh Lưu	19° 08' 05"	105° 42' 04"					E-48-20-C-b
thôn Nghĩa Phú	DC	xã Quỳnh Nghĩa	H. Quỳnh Lưu	19° 07' 46"	105° 42' 16"					E-48-20-C-b
Núi Rồng	SV	xã Quỳnh Nghĩa	H. Quỳnh Lưu	19° 06' 33"	105° 43' 42"					E-48-20-C-d
mũi Rồng Quèn	TV	xã Quỳnh Nghĩa	H. Quỳnh Lưu	19° 06' 19"	105° 44' 12"					E-48-20-C-d
thôn 1	DC	xã Quỳnh Ngọc	H. Quỳnh Lưu	19° 07' 48"	105° 40' 16"					E-48-20-C-b
thôn 2	DC	xã Quỳnh Ngọc	H. Quỳnh Lưu	19° 07' 44"	105° 39' 55"					E-48-20-C-b
thôn 3	DC	xã Quỳnh Ngọc	H. Quỳnh Lưu	19° 07' 26"	105° 39' 46"					E-48-20-C-b
thôn 4	DC	xã Quỳnh Ngọc	H. Quỳnh Lưu	19° 07' 15"	105° 39' 46"					E-48-20-C-b
thôn 5	DC	xã Quỳnh Ngọc	H. Quỳnh Lưu	19° 07' 17"	105° 39' 39"					E-48-20-C-b
thôn 6	DC	xã Quỳnh Ngọc	H. Quỳnh Lưu	19° 07' 04"	105° 39' 47"					E-48-20-C-b
thôn 7	DC	xã Quỳnh Ngọc	H. Quỳnh Lưu	19° 06' 48"	105° 39' 46"					E-48-20-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
thôn 8	DC	xã Quỳnh Ngọc	H. Quỳnh Lưu	19° 06' 57"	105° 39' 35"					E-48-20-C-b
thôn 9	DC	xã Quỳnh Ngọc	H. Quỳnh Lưu	19° 06' 46"	105° 39' 39"					E-48-20-C-b
thôn 10	DC	xã Quỳnh Ngọc	H. Quỳnh Lưu	19° 06' 52"	105° 39' 31"					E-48-20-C-b
thôn 11	DC	xã Quỳnh Ngọc	H. Quỳnh Lưu	19° 06' 37"	105° 39' 26"					E-48-20-C-b
thôn 12	DC	xã Quỳnh Ngọc	H. Quỳnh Lưu	19° 06' 43"	105° 39' 45"					E-48-20-C-b
thôn 13	DC	xã Quỳnh Ngọc	H. Quỳnh Lưu	19° 06' 38"	105° 39' 53"					E-48-20-C-b
quốc lộ 48B	KX	xã Quỳnh Ngọc	H. Quỳnh Lưu			19° 08' 02"	105° 39' 11"	19° 12' 50"	105° 32' 21"	E-48-20-C-a
đường tỉnh 537B	KX	xã Quỳnh Ngọc	H. Quỳnh Lưu			19° 15' 05"	105° 42' 30"	19° 07' 17"	105° 42' 37"	E-48-20-C-b
xóm Ngọc Đoài	DC	xã Quỳnh Ngọc	H. Quỳnh Lưu	19° 07' 19"	105° 39' 45"					E-48-20-C-d
xóm Ngọc Thanh	DC	xã Quỳnh Ngọc	H. Quỳnh Lưu	19° 07' 04"	105° 39' 47"					E-48-20-C-d
Sông Thái	TV	xã Quỳnh Ngọc	H. Quỳnh Lưu			19° 09' 59"	105° 37' 26"	19° 05' 54"	105° 40' 22"	E-48-20-C-d
Xóm Trị	DC	xã Quỳnh Ngọc	H. Quỳnh Lưu	19° 07' 44"	105° 39' 55"					E-48-20-C-b
đường tỉnh 537B	KX	xã Quỳnh Phương	H. Quỳnh Lưu			19° 15' 05"	105° 42' 30"	19° 07' 17"	105° 42' 37"	E-48-20-C-b
thôn Ái Quốc	DC	xã Quỳnh Phương	H. Quỳnh Lưu	19° 13' 49"	105° 44' 13"					E-48-20-C-b
Lạch Cờn	TV	xã Quỳnh Phương	H. Quỳnh Lưu	19° 14' 00"	105° 45' 17"					E-48-20-B-c E-48-20-D-a
đền Cờn Ngoài	KX	xã Quỳnh Phương	H. Quỳnh Lưu	19° 13' 23"	105° 44' 22"					E-48-20-C-b
đền Cờn Trong	KX	xã Quỳnh Phương	H. Quỳnh Lưu	19° 13' 55"	105° 44' 07"					E-48-20-C-b
cầu Đền Cờn	KX	xã Quỳnh Phương	H. Quỳnh Lưu	19° 13' 55"	105° 44' 03"					E-48-20-C-b
sông Hoàng Mai	TV	xã Quỳnh Phương	H. Quỳnh Lưu			19° 16' 40"	105°38' 38"	19° 14' 00"	105°45' 17"	E-48-20-C-b E-48-20-B-c E-48-20-D-a
thôn Hồng Hải	DC	xã Quỳnh Phương	H. Quỳnh Lưu	19° 13' 58"	105° 44' 53"					E-48-20-C-b
thôn Hồng Phong	DC	xã Quỳnh Phương	H. Quỳnh Lưu	19° 13' 48"	105° 44' 03"					E-48-20-C-b
thôn Hồng Thái	DC	xã Quỳnh Phương	H. Quỳnh Lưu	19° 13' 56"	105° 44' 44"					E-48-20-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
xóm Phương Hồng	DC	xã Quỳnh Phương	H. Quỳnh Lưu	19° 14' 02"	105° 44' 43"					E-48-20-C-b
thôn Quang Trung	DC	xã Quỳnh Phương	H. Quỳnh Lưu	19° 13' 34"	105° 44' 09"					E-48-20-C-b
thôn Quyết Tiến	DC	xã Quỳnh Phương	H. Quỳnh Lưu	19° 13' 41"	105° 44' 34"					E-48-20-C-b
thôn Tân Hải	DC	xã Quỳnh Phương	H. Quỳnh Lưu	19° 14' 06"	105° 44' 35"					E-48-20-C-b
thôn Tân Phong	DC	xã Quỳnh Phương	H. Quỳnh Lưu	19° 13' 34"	105° 43' 53"					E-48-20-C-b
thôn Tân Tiến	DC	xã Quỳnh Phương	H. Quỳnh Lưu	19° 13' 48"	105° 44' 43"					E-48-20-C-b
thôn Thân Ái	DC	xã Quỳnh Phương	H. Quỳnh Lưu	19° 13' 44"	105° 44' 20"					E-48-20-C-b
thôn 1	DC	xã Quỳnh Tam	H. Quỳnh Lưu	19° 12' 11"	105° 31' 06"					E-48-20-C-a
thôn 2	DC	xã Quỳnh Tam	H. Quỳnh Lưu	19° 11' 58"	105° 30' 51"					E-48-20-C-a
thôn 3A	DC	xã Quỳnh Tam	H. Quỳnh Lưu	19° 11' 34"	105° 30' 34"					E-48-20-C-a
thôn 3B	DC	xã Quỳnh Tam	H. Quỳnh Lưu	19° 11' 28"	105° 31' 01"					E-48-20-C-a
thôn 4	DC	xã Quỳnh Tam	H. Quỳnh Lưu	19° 11' 01"	105° 31' 37"					E-48-20-C-a
thôn 5	DC	xã Quỳnh Tam	H. Quỳnh Lưu	19° 11' 03"	105° 31' 02"					E-48-20-C-a
thôn 6	DC	xã Quỳnh Tam	H. Quỳnh Lưu	19° 11' 18"	105° 30' 28"					E-48-20-C-a
thôn 7	DC	xã Quỳnh Tam	H. Quỳnh Lưu	19° 10' 55"	105° 29' 52"					E-48-19-D-b
thôn 8	DC	xã Quỳnh Tam	H. Quỳnh Lưu	19° 10' 24"	105° 29' 04"					E-48-19-D-b
thôn 9	DC	xã Quỳnh Tam	H. Quỳnh Lưu	19° 09' 59"	105° 28' 56"					E-48-19-D-b
thôn 10	DC	xã Quỳnh Tam	H. Quỳnh Lưu	19° 10' 50"	105° 29' 14"					E-48-20-C-a
thôn 11	DC	xã Quỳnh Tam	H. Quỳnh Lưu	19° 11' 40"	105° 32' 10"					E-48-20-C-a
quốc lộ 48	KX	xã Quỳnh Tam	H. Quỳnh Lưu			19° 51' 31"	104° 50' 04"	19° 05' 04"	105° 35' 10"	E-48-20-C-a
đập 1/5	TV	xã Quỳnh Tam	H. Quỳnh Lưu	19° 10' 13"	105° 28' 34"					E-48-19-D-b
đập 3/2	TV	xã Quỳnh Tam	H. Quỳnh Lưu	19° 11' 10"	105° 29' 00"					E-48-19-D-b
hồ Đông Hồng	TV	xã Quỳnh Tam	H. Quỳnh Lưu	19° 12' 03"	105° 31' 54"					E-48-20-C-a
khe Hang Lòn	TV	xã Quỳnh Tam	H. Quỳnh Lưu			19° 09' 27"	105°28' 32"	19° 10' 42"	105°30' 14"	E-48-20-C-a E-48-19-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
suối Mả Tổ	TV	xã Quỳnh Tam	H. Quỳnh Lưu			19° 10' 06"	105°30' 18"	19° 08' 57"	105°30' 41"	E-48-20-C-a
núi Truông Tràng	SV	xã Quỳnh Tam	H. Quỳnh Lưu	19° 09' 38"	105° 29' 40"					E-48-19-D-b
dốc Truông Vên	KX	xã Quỳnh Tam	H. Quỳnh Lưu	19° 10' 45"	105° 32' 01"					E-48-20-C-a
thôn 1	DC	xã Quỳnh Tân	H. Quỳnh Lưu	19° 15' 21"	105° 38' 36"					E-48-20-C-b
thôn 2	DC	xã Quỳnh Tân	H. Quỳnh Lưu	19° 15' 02"	105° 39' 50"					E-48-20-C-b
thôn 3	DC	xã Quỳnh Tân	H. Quỳnh Lưu	19° 14' 09"	105° 38' 33"					E-48-20-C-b
thôn 4	DC	xã Quỳnh Tân	H. Quỳnh Lưu	19° 14' 23"	105° 37' 13"					E-48-20-C-a
xóm 5	DC	xã Quỳnh Tân	H. Quỳnh Lưu	19° 14' 07"	105° 38' 13"					E-48-20-C-b
thôn 6	DC	xã Quỳnh Tân	H. Quỳnh Lưu	19° 13' 35"	105° 38' 23"					E-48-20-C-b
xóm 7	DC	xã Quỳnh Tân	H. Quỳnh Lưu	19° 13' 19"	105° 38' 22"					E-48-20-C-b
xóm 8	DC	xã Quỳnh Tân	H. Quỳnh Lưu	19° 13' 37"	105° 38' 45"					E-48-20-C-b
xóm 9	DC	xã Quỳnh Tân	H. Quỳnh Lưu	19° 13' 53"	105° 39' 22"					E-48-20-C-b
thôn 10	DC	xã Quỳnh Tân	H. Quỳnh Lưu	19° 14' 19"	105° 40' 31"					E-48-20-C-b
xóm 11	DC	xã Quỳnh Tân	H. Quỳnh Lưu	19° 13' 43"	105° 37' 54"					E-48-20-C-b
thôn 12	DC	xã Quỳnh Tân	H. Quỳnh Lưu	19° 13' 43"	105° 39' 51"					E-48-20-C-b
thôn 13	DC	xã Quỳnh Tân	H. Quỳnh Lưu	19° 14' 20"	105° 40' 12"					E-48-20-C-b
thôn 14	DC	xã Quỳnh Tân	H. Quỳnh Lưu	19° 14' 11"	105° 38' 41"					E-48-20-C-b
xóm 15	DC	xã Quỳnh Tân	H. Quỳnh Lưu	19° 13' 25"	105° 39' 14"					E-48-20-C-b
thôn 16	DC	xã Quỳnh Tân	H. Quỳnh Lưu	19° 14' 57"	105° 39' 08"					E-48-20-C-b
đập An Ngãi	TV	xã Quỳnh Tân	H. Quỳnh Lưu	19° 13' 17"	105° 37' 33"					E-48-20-C-b
núi Ba Chóp	SV	xã Quỳnh Tân	H. Quỳnh Lưu	19° 12' 19"	105° 38' 00"					E-48-20-C-b
xóm Bà Đa	DC	xã Quỳnh Tân	H. Quỳnh Lưu	19° 13' 53"	105° 39' 22"					E-48-20-C-b
kênh Chính Vực Mấu	TV	xã Quỳnh Tân	H. Quỳnh Lưu			19° 16' 16"	105° 38' 33"	19° 12' 12"	105° 39' 19"	E-48-20-C-b
xóm Cồn Cồn	DC	xã Quỳnh Tân	H. Quỳnh Lưu	19° 14' 12"	105° 38' 02"					E-48-20-C-b
đập Khe Mây	TV	xã Quỳnh Tân	H. Quỳnh Lưu	19° 12' 45"	105° 38' 15"					E-48-20-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
Núi Lớn	SV	xã Quỳnh Tân	H. Quỳnh Lưu	19° 13' 01"	105° 39' 07"					E-48-20-C-b
núi Thung Buồng	SV	xã Quỳnh Tân	H. Quỳnh Lưu	19° 12' 45"	105° 37' 56"					E-48-20-C-b
hồ Vực Mấu	TV	xã Quỳnh Tân	H. Quỳnh Lưu	19° 16' 22"	105° 37' 36"					E-48-20-A-d
quốc lộ 1	KX	xã Quỳnh Thạch	H. Quỳnh Lưu			19° 18' 42"	105° 43' 15"	18° 38' 51"	105° 42' 24"	E-48-20-C-b
xóm 1	DC	xã Quỳnh Thạch	H. Quỳnh Lưu	19° 10' 50"	105° 40' 17"					E-48-20-C-b
xóm 2	DC	xã Quỳnh Thạch	H. Quỳnh Lưu	19° 10' 38"	105° 40' 07"					E-48-20-C-b
xóm 3	DC	xã Quỳnh Thạch	H. Quỳnh Lưu	19° 10' 21"	105° 39' 46"					E-48-20-C-b
xóm 4	DC	xã Quỳnh Thạch	H. Quỳnh Lưu	19° 10' 14"	105° 39' 39"					E-48-20-C-b
xóm 5	DC	xã Quỳnh Thạch	H. Quỳnh Lưu	19° 10' 03"	105° 39' 36"					E-48-20-C-b
xóm 6	DC	xã Quỳnh Thạch	H. Quỳnh Lưu	19° 10' 10"	105° 39' 38"					E-48-20-C-b
xóm 7	DC	xã Quỳnh Thạch	H. Quỳnh Lưu	19° 09' 54"	105° 39' 38"					E-48-20-C-b
xóm 8	DC	xã Quỳnh Thạch	H. Quỳnh Lưu	19° 10' 14"	105° 39' 33"					E-48-20-C-b
xóm 9	DC	xã Quỳnh Thạch	H. Quỳnh Lưu	19° 11' 09"	105° 39' 47"					E-48-20-C-b
xóm 10	DC	xã Quỳnh Thạch	H. Quỳnh Lưu	19° 11' 06"	105° 39' 22"					E-48-20-C-b
xóm 11	DC	xã Quỳnh Thạch	H. Quỳnh Lưu	19° 10' 55"	105° 39' 14"					E-48-20-C-b
xóm 12	DC	xã Quỳnh Thạch	H. Quỳnh Lưu	19° 10' 41"	105° 39' 02"					E-48-20-C-b
xóm 13	DC	xã Quỳnh Thạch	H. Quỳnh Lưu	19° 10' 30"	105° 39' 14"					E-48-20-C-b
kênh Vách Bắc	TV	xã Quỳnh Thạch	H. Quỳnh Lưu			19° 00' 31"	105° 28' 46"	19° 10' 54"	105° 41' 33"	E-48-20-C-b
đường tỉnh 531	KX	xã Quỳnh Thắng	H. Quỳnh Lưu			19° 13' 30"	105° 31' 36"	19° 13' 44"	105° 23' 57"	E-48-20-A-c
xóm 1 Đồng Tâm	DC	xã Quỳnh Thắng	H. Quỳnh Lưu	19° 17' 29"	105° 33' 29"					E-48-20-A-c
xóm 1 Tiến Thành	DC	xã Quỳnh Thắng	H. Quỳnh Lưu	19° 14' 32"	105° 35' 40"					E-48-20-A-c
xóm 2 Đồng Tâm	DC	xã Quỳnh Thắng	H. Quỳnh Lưu	19° 17' 05"	105° 33' 51"					E-48-20-A-c
xóm 2 Tiến Thành	DC	xã Quỳnh Thắng	H. Quỳnh Lưu	19° 15' 09"	105° 35' 47"					E-48-20-A-c
xóm 3 Đồng Tâm	DC	xã Quỳnh Thắng	H. Quỳnh Lưu	19° 17' 24"	105° 33' 44"					E-48-20-A-c
xóm 3 Tiến Thành	DC	xã Quỳnh Thắng	H. Quỳnh Lưu	19° 15' 38"	105° 35' 16"					E-48-20-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
xóm 4 Đồng Tâm	DC	xã Quỳnh Thắng	H. Quỳnh Lưu	19° 17' 49"	105° 33' 57"					E-48-20-A-c
xóm 4 Tiến Thành	DC	xã Quỳnh Thắng	H. Quỳnh Lưu	19° 16' 44"	105° 35' 20"					E-48-20-A-c
xóm 5 Đồng Tâm	DC	xã Quỳnh Thắng	H. Quỳnh Lưu	19° 18' 15"	105° 34' 06"					E-48-20-A-c
xóm 5 Tiến Thành	DC	xã Quỳnh Thắng	H. Quỳnh Lưu	19° 16' 39"	105° 35' 15"					E-48-20-A-c
xóm 6 Đồng Tâm	DC	xã Quỳnh Thắng	H. Quỳnh Lưu	19° 17' 41"	105° 33' 39"					E-48-20-A-c
xóm 6 Tiến Thành	DC	xã Quỳnh Thắng	H. Quỳnh Lưu	19° 15' 55"	105° 34' 32"					E-48-20-A-c
xóm 7 Đồng Tâm	DC	xã Quỳnh Thắng	H. Quỳnh Lưu	19° 17' 53"	105° 32' 58"					E-48-20-A-c
xóm 7 Tiến Thành	DC	xã Quỳnh Thắng	H. Quỳnh Lưu	19° 15' 37"	105° 34' 09"					E-48-20-A-c
xóm 8 Đồng Tâm	DC	xã Quỳnh Thắng	H. Quỳnh Lưu	19° 17' 44"	105° 32' 42"					E-48-20-A-c
xóm 8 Tiến Thành	DC	xã Quỳnh Thắng	H. Quỳnh Lưu	19° 16' 04"	105° 34' 06"					E-48-20-A-c
xóm 9 Tiến Thành	DC	xã Quỳnh Thắng	H. Quỳnh Lưu	19° 16' 22"	105° 34' 06"					E-48-20-A-c
xóm 10 Tiến Thành	DC	xã Quỳnh Thắng	H. Quỳnh Lưu	19° 16' 41"	105° 34' 28"					E-48-20-A-c
xóm 11 Tiến Thành	DC	xã Quỳnh Thắng	H. Quỳnh Lưu	19° 16' 10"	105° 34' 58"					E-48-20-A-c
xóm 12 Tiến Thành	DC	xã Quỳnh Thắng	H. Quỳnh Lưu	19° 17' 09"	105° 34' 17"					E-48-20-A-c
xóm 13 Tiến Thành	DC	xã Quỳnh Thắng	H. Quỳnh Lưu	19° 14' 43"	105° 35' 27"					E-48-20-C-a
Khe Cái	TV	xã Quỳnh Thắng	H. Quỳnh Lưu			19° 20' 38"	105° 33' 48"	19° 17' 21"	105° 34' 21"	E-48-20-A-c
khe Đá Hàn	TV	xã Quỳnh Thắng	H. Quỳnh Lưu			19° 18' 16"	105° 32' 20"	19° 18' 32"	105° 33' 49"	E-48-20-A-c
Khe Độc	TV	xã Quỳnh Thắng	H. Quỳnh Lưu			19° 13' 46"	105° 33' 07"	19° 15' 27"	105° 34' 52"	E-48-20-C-a E-
xóm Đông Xuân	DC	xã Quỳnh Thắng	H. Quỳnh Lưu	19° 15' 15"	105° 33' 21"					E-48-20-A-c
núi Hốc Ráy	SV	xã Quỳnh Thắng	H. Quỳnh Lưu	19° 16' 04"	105° 33' 01"					E-48-20-A-c
núi K/6	SV	xã Quỳnh Thắng	H. Quỳnh Lưu	19° 17' 14"	105° 32' 14"					E-48-20-A-c
núi K/7	SV	xã Quỳnh Thắng	H. Quỳnh Lưu	19° 17' 32"	105° 31' 44"					E-48-20-A-c
hồ Khe Bãi	TV	xã Quỳnh Thắng	H. Quỳnh Lưu	19° 17' 54"	105° 32' 00"					E-48-20-A-c
hồ Khe Sâu	TV	xã Quỳnh Thắng	H. Quỳnh Lưu	19° 15' 45"	105° 33' 40"					E-48-20-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
Sông Lại	TV	xã Quỳnh Thắng	H. Quỳnh Lưu			19° 17' 21"	105° 34' 21"	19° 16' 54"	105° 35' 10"	E-48-20-A-c
Núi Ngàn	SV	xã Quỳnh Thắng	H. Quỳnh Lưu	19° 16' 01"	105° 36' 23"					E-48-20-A-c
xóm Quỳnh Long	DC	xã Quỳnh Thắng	H. Quỳnh Lưu	19° 15' 17"	105° 34' 06"					E-48-20-A-c
hồ Tây Nguyên	TV	xã Quỳnh Thắng	H. Quỳnh Lưu	19° 17' 17"	105° 33' 15"					E-48-20-A-c
xóm Trung Tiến	DC	xã Quỳnh Thắng	H. Quỳnh Lưu	19° 16' 51"	105° 33' 31"					E-48-20-A-c
hồ Vực Mấu	TV	xã Quỳnh Thắng	H. Quỳnh Lưu	19° 16' 22"	105° 37' 36"					E-48-20-A-d
thôn 1	DC	xã Quỳnh Thanh	H. Quỳnh Lưu	19° 10' 05"	105° 40' 45"					E-48-20-C-b
thôn 2	DC	xã Quỳnh Thanh	H. Quỳnh Lưu	19° 10' 19"	105° 41' 00"					E-48-20-C-b
thôn 3	DC	xã Quỳnh Thanh	H. Quỳnh Lưu	19° 10' 07"	105° 40' 29"					E-48-20-C-b
thôn 4	DC	xã Quỳnh Thanh	H. Quỳnh Lưu	19° 10' 20"	105° 40' 48"					E-48-20-C-b
thôn 5	DC	xã Quỳnh Thanh	H. Quỳnh Lưu	19° 10' 35"	105° 40' 51"					E-48-20-C-b
thôn 6	DC	xã Quỳnh Thanh	H. Quỳnh Lưu	19° 10' 34"	105° 40' 59"					E-48-20-C-b
thôn 7	DC	xã Quỳnh Thanh	H. Quỳnh Lưu	19° 10' 04"	105° 41' 01"					E-48-20-C-b
xóm 8	DC	xã Quỳnh Thanh	H. Quỳnh Lưu	19° 09' 54"	105° 41' 06"					E-48-20-C-b
thôn 9	DC	xã Quỳnh Thanh	H. Quỳnh Lưu	19° 09' 50"	105° 41' 02"					E-48-20-C-b
thôn 10	DC	xã Quỳnh Thanh	H. Quỳnh Lưu	19° 09' 41"	105° 40' 59"					E-48-20-C-b
thôn 11	DC	xã Quỳnh Thanh	H. Quỳnh Lưu	19° 09' 41"	105° 41' 20"					E-48-20-C-b
thôn 12	DC	xã Quỳnh Thanh	H. Quỳnh Lưu	19° 09' 26"	105° 41' 36"					E-48-20-C-b
thôn 13	DC	xã Quỳnh Thanh	H. Quỳnh Lưu	19° 10' 15"	105° 41' 13"					E-48-20-C-b
thôn 14	DC	xã Quỳnh Thanh	H. Quỳnh Lưu	19° 10' 06"	105° 41' 24"					E-48-20-C-b
xóm Cồn Sấy	DC	xã Quỳnh Thanh	H. Quỳnh Lưu	19° 09' 28"	105° 41' 19"					E-48-20-C-b
Sông Hầu	TV	xã Quỳnh Thanh	H. Quỳnh Lưu			19° 10' 03"	105° 42' 10"	19° 05' 53"	105° 42' 47"	E-48-20-C-b
kênh Nhà Lê	TV	xã Quỳnh Thọ	H. Quỳnh Lưu			18° 50' 52"	105° 38' 50"	18° 58' 35"	105° 34' 23"	E-48-20-C-b
Sông Thái	TV	xã Quỳnh Thọ	H. Quỳnh Lưu			19° 09' 59"	105° 37' 26"	19° 05' 54"	105° 40' 22"	E-48-20-C-d
Núi Thè	SV	xã Quỳnh Thọ	H. Quỳnh Lưu	19° 06' 19"	105° 38' 31"					E-48-20-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
thôn Thọ Đồng	DC	xã Quỳnh Thọ	H. Quỳnh Lưu	19° 06' 06"	105° 39' 52"					E-48-20-C-d
thôn Thọ Nhân	DC	xã Quỳnh Thọ	H. Quỳnh Lưu	19° 06' 11"	105° 39' 02"					E-48-20-C-d
thôn Thọ Phú	DC	xã Quỳnh Thọ	H. Quỳnh Lưu	19° 05' 56"	105° 39' 05"					E-48-20-C-d
thôn Thọ Thắng	DC	xã Quỳnh Thọ	H. Quỳnh Lưu	19° 05' 32"	105° 39' 25"					E-48-20-C-d
thôn Thọ Thành	DC	xã Quỳnh Thọ	H. Quỳnh Lưu	19° 06' 25"	105° 39' 43"					E-48-20-C-d
thôn Thọ Tiến	DC	xã Quỳnh Thọ	H. Quỳnh Lưu	19° 05' 55"	105° 39' 39"					E-48-20-C-d
Cửa Thời	TV	xã Quỳnh Thọ	H. Quỳnh Lưu	19° 05' 54"	105° 40' 22"					E-48-20-C-d
quốc lộ 48B	KX	xã Quỳnh Thuận	H. Quỳnh Lưu			19° 08' 02"	105° 39' 11"	19° 12' 50"	105° 32' 21"	E-48-20-C-a
thôn Đức Long	DC	xã Quỳnh Thuận	H. Quỳnh Lưu	19° 06' 20"	105° 42' 32"					E-48-20-C-d
Sông Hầu	TV	xã Quỳnh Thuận	H. Quỳnh Lưu			19° 10' 03"	105° 42' 10"	19° 05' 53"	105° 42' 47"	E-48-20-C-d
thôn Hòa Thuận	DC	xã Quỳnh Thuận	H. Quỳnh Lưu	19° 05' 42"	105° 41' 48"					E-48-20-C-d
cửa Lạch Quèn	TV	xã Quỳnh Thuận	H. Quỳnh Lưu	19° 05' 53"	105° 42' 47"					E-48-20-C-d
thôn Phủ Yên	DC	xã Quỳnh Thuận	H. Quỳnh Lưu	19° 05' 45"	105° 41' 26"					E-48-20-C-d
Đồn Biên phòng Quỳnh Thuận	KT	xã Quỳnh Thuận	H. Quỳnh Lưu	19° 06' 14"	105° 42' 35"					E-48-20-C-d
thôn Tân Xuân	DC	xã Quỳnh Thuận	H. Quỳnh Lưu	19° 05' 54"	105° 40' 46"					E-48-20-C-d
thôn Thanh Đoài	DC	xã Quỳnh Thuận	H. Quỳnh Lưu	19° 05' 58"	105° 40' 56"					E-48-20-C-d
thôn Thuận Lợi	DC	xã Quỳnh Thuận	H. Quỳnh Lưu	19° 05' 57"	105° 41' 42"					E-48-20-C-d
thôn Trường Tân	DC	xã Quỳnh Thuận	H. Quỳnh Lưu	19° 05' 46"	105° 41' 16"					E-48-20-C-d
thôn Trường Thịnh	DC	xã Quỳnh Thuận	H. Quỳnh Lưu	19° 05' 51"	105° 41' 09"					E-48-20-C-d
thôn Yên Thọ	DC	xã Quỳnh Thuận	H. Quỳnh Lưu	19° 05' 46"	105° 41' 02"					E-48-20-C-d
thôn 1	DC	xã Quỳnh Trang	H. Quỳnh Lưu	19° 16' 00"	105° 40' 07"					E-48-20-A-d
thôn 2	DC	xã Quỳnh Trang	H. Quỳnh Lưu	19° 16' 05"	105° 40' 11"					E-48-20-A-d
thôn 3	DC	xã Quỳnh Trang	H. Quỳnh Lưu	19° 16' 10"	105° 40' 23"					E-48-20-A-d
thôn 4	DC	xã Quỳnh Trang	H. Quỳnh Lưu	19° 16' 07"	105° 40' 42"					E-48-20-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
thôn 5	DC	xã Quỳnh Trang	H. Quỳnh Lưu	19° 15' 51"	105° 41' 41"					E-48-20-A-d
thôn 5	DC	xã Quỳnh Trang	H. Quỳnh Lưu	19° 15' 43"	105° 39' 59"					E-48-20-A-d
thôn 6	DC	xã Quỳnh Trang	H. Quỳnh Lưu	19° 15' 37"	105° 40' 44"					E-48-20-A-d
thôn 7	DC	xã Quỳnh Trang	H. Quỳnh Lưu	19° 15' 16"	105° 40' 24"					E-48-20-A-d
thôn 8	DC	xã Quỳnh Trang	H. Quỳnh Lưu	19° 15' 47"	105° 40' 13"					E-48-20-A-d
thôn 9	DC	xã Quỳnh Trang	H. Quỳnh Lưu	19° 15' 16"	105° 39' 57"					E-48-20-A-d
thôn 10	DC	xã Quỳnh Trang	H. Quỳnh Lưu	19° 16' 06"	105° 39' 30"					E-48-20-A-d
thôn 11	DC	xã Quỳnh Trang	H. Quỳnh Lưu	19° 16' 32"	105° 39' 39"					E-48-20-A-d
thôn 12	DC	xã Quỳnh Trang	H. Quỳnh Lưu	19° 14' 43"	105° 38' 56"					E-48-20-C-b
thôn 13	DC	xã Quỳnh Trang	H. Quỳnh Lưu	19° 14' 28"	105° 38' 57"					E-48-20-C-b
kênh Chính Vực Mấu	TV	xã Quỳnh Trang	H. Quỳnh Lưu			19° 16' 16"	105° 38' 33"	19° 12' 12"	105° 39' 19"	E-48-20-C-b
đập Đồi Tương	TV	xã Quỳnh Trang	H. Quỳnh Lưu	19° 17' 32"	105° 39' 34"					E-48-20-A-d
sông Hoàng Mai	TV	xã Quỳnh Trang	H. Quỳnh Lưu			19° 16' 40"	105° 38' 38"	19° 14' 00"	105° 45' 17"	E-48-20-A-d
hồ Vực Mấu	TV	xã Quỳnh Trang	H. Quỳnh Lưu	19° 16' 22"	105° 37' 36"					E-48-20-A-d
quốc lộ 1	KX	xã Quỳnh Văn	H. Quỳnh Lưu			19° 18' 42"	105° 43' 15"	18° 38' 51"	105° 42' 24"	E-48-20-C-b
thôn 1	DC	xã Quỳnh Văn	H. Quỳnh Lưu	19° 12' 02"	105° 38' 08"					E-48-20-C-b
thôn 2	DC	xã Quỳnh Văn	H. Quỳnh Lưu	19° 11' 55"	105° 38' 34"					E-48-20-C-b
thôn 3	DC	xã Quỳnh Văn	H. Quỳnh Lưu	19° 12' 05"	105° 38' 51"					E-48-20-C-b
thôn 4	DC	xã Quỳnh Văn	H. Quỳnh Lưu	19° 12' 15"	105° 39' 08"					E-48-20-C-b
thôn 5	DC	xã Quỳnh Văn	H. Quỳnh Lưu	19° 11' 58"	105° 39' 39"					E-48-20-C-b
thôn 6	DC	xã Quỳnh Văn	H. Quỳnh Lưu	19° 11' 28"	105° 39' 56"					E-48-20-C-b
thôn 7	DC	xã Quỳnh Văn	H. Quỳnh Lưu	19° 11' 36"	105° 40' 05"					E-48-20-C-b
thôn 8	DC	xã Quỳnh Văn	H. Quỳnh Lưu	19° 11' 43"	105° 40' 09"					E-48-20-C-b
thôn 9	DC	xã Quỳnh Văn	H. Quỳnh Lưu	19° 11' 23"	105° 40' 31"					E-48-20-C-b
thôn 10	DC	xã Quỳnh Văn	H. Quỳnh Lưu	19° 11' 08"	105° 40' 21"					E-48-20-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
thôn 11	DC	xã Quỳnh Văn	H. Quỳnh Lưu	19° 12' 32"	105° 39' 17"					E-48-20-C-b
thôn 12	DC	xã Quỳnh Văn	H. Quỳnh Lưu	19° 12' 23"	105° 39' 40"					E-48-20-C-b
thôn 13	DC	xã Quỳnh Văn	H. Quỳnh Lưu	19° 12' 24"	105° 39' 51"					E-48-20-C-b
thôn 14	DC	xã Quỳnh Văn	H. Quỳnh Lưu	19° 12' 32"	105° 39' 56"					E-48-20-C-b
thôn 15	DC	xã Quỳnh Văn	H. Quỳnh Lưu	19° 12' 17"	105° 40' 23"					E-48-20-C-b
thôn 16	DC	xã Quỳnh Văn	H. Quỳnh Lưu	19° 12' 12"	105° 40' 36"					E-48-20-C-b
thôn 17	DC	xã Quỳnh Văn	H. Quỳnh Lưu	19° 12' 22"	105° 40' 36"					E-48-20-C-b
thôn 18	DC	xã Quỳnh Văn	H. Quỳnh Lưu	19° 11' 44"	105° 40' 52"					E-48-20-C-b
thôn 19	DC	xã Quỳnh Văn	H. Quỳnh Lưu	19° 11' 36"	105° 40' 59"					E-48-20-C-b
thôn 20	DC	xã Quỳnh Văn	H. Quỳnh Lưu	19° 11' 48"	105° 40' 59"					E-48-20-C-b
núi Ba Chóp	SV	xã Quỳnh Văn	H. Quỳnh Lưu	19° 12' 19"	105° 38' 00"					E-48-20-C-b
đập Đồng Lâm	TV	xã Quỳnh Văn	H. Quỳnh Lưu	19° 12' 10"	105° 38' 26"					E-48-20-C-b
kênh Nam Vực Mấu	TV	xã Quỳnh Văn	H. Quỳnh Lưu			19° 16' 16"	105° 38' 33"	19° 12' 12"	105° 39' 19"	E-48-20-C-b
Chợ Vân	KX	xã Quỳnh Văn	H. Quỳnh Lưu	19° 11' 29"	105° 40' 03"					E-48-20-C-b
quốc lộ 1	KX	xã Quỳnh Vinh	H. Quỳnh Lưu			19° 18' 42"	105° 43' 15"	18° 38' 51"	105° 42' 24"	E-48-20-A-d
thôn 1	DC	xã Quỳnh Vinh	H. Quỳnh Lưu	19° 17' 03"	105° 40' 04"					E-48-20-A-d
thôn 2	DC	xã Quỳnh Vinh	H. Quỳnh Lưu	19° 17' 02"	105° 40' 15"					E-48-20-A-d
thôn 3	DC	xã Quỳnh Vinh	H. Quỳnh Lưu	19° 16' 53"	105° 40' 30"					E-48-20-A-d
thôn 4	DC	xã Quỳnh Vinh	H. Quỳnh Lưu	19° 16' 34"	105° 40' 26"					E-48-20-A-d
thôn 5	DC	xã Quỳnh Vinh	H. Quỳnh Lưu	19° 16' 42"	105° 40' 43"					E-48-20-A-d
thôn 6	DC	xã Quỳnh Vinh	H. Quỳnh Lưu	19° 16' 27"	105° 40' 52"					E-48-20-A-d
thôn 7	DC	xã Quỳnh Vinh	H. Quỳnh Lưu	19° 16' 38"	105° 41' 24"					E-48-20-A-d
thôn 8	DC	xã Quỳnh Vinh	H. Quỳnh Lưu	19° 16' 56"	105° 41' 28"					E-48-20-A-d
thôn 9	DC	xã Quỳnh Vinh	H. Quỳnh Lưu	19° 17' 20"	105° 41' 23"					E-48-20-A-d
thôn 10	DC	xã Quỳnh Vinh	H. Quỳnh Lưu	19° 17' 37"	105° 41' 39"					E-48-20-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
thôn 11	DC	xã Quỳnh Vinh	H. Quỳnh Lưu	19° 17' 31"	105° 41' 50"					E-48-20-A-d
thôn 12	DC	xã Quỳnh Vinh	H. Quỳnh Lưu	19° 17' 25"	105° 41' 58"					E-48-20-A-d
thôn 13	DC	xã Quỳnh Vinh	H. Quỳnh Lưu	19° 17' 12"	105° 41' 59"					E-48-20-A-d
thôn 14	DC	xã Quỳnh Vinh	H. Quỳnh Lưu	19° 16' 51"	105° 42' 08"					E-48-20-A-d
thôn 15	DC	xã Quỳnh Vinh	H. Quỳnh Lưu	19° 15' 52"	105° 42' 21"					E-48-20-A-d
thôn 16	DC	xã Quỳnh Vinh	H. Quỳnh Lưu	19° 15' 53"	105° 42' 10"					E-48-20-A-d
thôn 17	DC	xã Quỳnh Vinh	H. Quỳnh Lưu	19° 15' 45"	105° 42' 09"					E-48-20-A-d
thôn 18	DC	xã Quỳnh Vinh	H. Quỳnh Lưu	19° 15' 35"	105° 41' 59"					E-48-20-A-d
thôn 19	DC	xã Quỳnh Vinh	H. Quỳnh Lưu	19° 15' 41"	105° 42' 21"					E-48-20-A-d
thôn 20	DC	xã Quỳnh Vinh	H. Quỳnh Lưu	19° 15' 36"	105° 42' 23"					E-48-20-A-d
thôn 21	DC	xã Quỳnh Vinh	H. Quỳnh Lưu	19° 16' 01"	105° 41' 39"					E-48-20-A-d
thôn 22	DC	xã Quỳnh Vinh	H. Quỳnh Lưu	19° 18' 12"	105° 39' 22"					E-48-20-A-d
núi Đằng Đằng	SV	xã Quỳnh Vinh	H. Quỳnh Lưu	19° 20' 13"	105° 39' 25"					E-48-20-A-d
đập Đồi Tương	TV	xã Quỳnh Vinh	H. Quỳnh Lưu	19° 17' 32"	105° 39' 34"					E-48-20-A-d
ga Hoàng Mai	KX	xã Quỳnh Vinh	H. Quỳnh Lưu	19° 16' 08"	105° 41' 37"					E-48-20-A-d
Nhà máy Xi măng Hoàng Mai	KX	xã Quỳnh Vinh	H. Quỳnh Lưu	19° 16' 35"	105° 42' 16"					E-48-20-A-d
sông Hoàng Mai	TV	xã Quỳnh Vinh	H. Quỳnh Lưu			19° 16' 40"	105° 38' 38"	19° 14' 00"	105° 45' 17"	E-48-20-A-d
núi Hòn Voi	SV	xã Quỳnh Vinh	H. Quỳnh Lưu	19° 18' 12"	105° 37' 52"					E-48-20-A-d
núi Kim Giao	SV	xã Quỳnh Vinh	H. Quỳnh Lưu	19° 20' 45"	105° 38' 53"					E-48-20-A-d
Núi Len	SV	xã Quỳnh Vinh	H. Quỳnh Lưu	19° 20' 23"	105° 38' 58"					E-48-20-A-d
núi Mồng Gà	SV	xã Quỳnh Vinh	H. Quỳnh Lưu	19° 18' 10"	105° 40' 44"					E-48-20-A-d
sông Quỳnh Vinh	TV	xã Quỳnh Vinh	H. Quỳnh Lưu			19° 18' 43"	105° 40' 24"	19° 17' 35"	105° 39' 52"	E-48-20-A-d
quốc lộ 1	KX	xã Quỳnh Xuân	H. Quỳnh Lưu			19° 18' 42"	105° 43' 15"	18° 38' 51"	105° 42' 24"	E-48-20-C-b
thôn 1	DC	xã Quỳnh Xuân	H. Quỳnh Lưu	19° 13' 02"	105° 42' 20"					E-48-20-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
thôn 2	DC	xã Quỳnh Xuân	H. Quỳnh Lưu	19° 12' 43"	105° 42' 07"					E-48-20-C-b
thôn 3	DC	xã Quỳnh Xuân	H. Quỳnh Lưu	19° 12' 38"	105° 42' 06"					E-48-20-C-b
thôn 4	DC	xã Quỳnh Xuân	H. Quỳnh Lưu	19° 12' 42"	105° 41' 49"					E-48-20-C-b
thôn 5	DC	xã Quỳnh Xuân	H. Quỳnh Lưu	19° 13' 45"	105° 41' 33"					E-48-20-C-b
thôn 6	DC	xã Quỳnh Xuân	H. Quỳnh Lưu	19° 12' 00"	105° 41' 58"					E-48-20-C-b
thôn 7	DC	xã Quỳnh Xuân	H. Quỳnh Lưu	19° 12' 22"	105° 41' 59"					E-48-20-C-b
thôn 8	DC	xã Quỳnh Xuân	H. Quỳnh Lưu	19° 11' 56"	105° 41' 11"					E-48-20-C-b
thôn 9	DC	xã Quỳnh Xuân	H. Quỳnh Lưu	19° 12' 40"	105° 41' 22"					E-48-20-C-b
thôn 10	DC	xã Quỳnh Xuân	H. Quỳnh Lưu	19° 12' 38"	105° 41' 10"					E-48-20-C-b
thôn 11	DC	xã Quỳnh Xuân	H. Quỳnh Lưu	19° 12' 31"	105° 41' 01"					E-48-20-C-b
thôn 12	DC	xã Quỳnh Xuân	H. Quỳnh Lưu	19° 12' 56"	105° 41' 16"					E-48-20-C-b
thôn 13	DC	xã Quỳnh Xuân	H. Quỳnh Lưu	19° 13' 21"	105° 41' 13"					E-48-20-C-b
thôn 14	DC	xã Quỳnh Xuân	H. Quỳnh Lưu	19° 12' 57"	105° 40' 50"					E-48-20-C-b
thôn 15	DC	xã Quỳnh Xuân	H. Quỳnh Lưu	19° 13' 57"	105° 40' 31"					E-48-20-C-b
thôn 16	DC	xã Quỳnh Xuân	H. Quỳnh Lưu	19° 12' 51"	105° 41' 07"					E-48-20-C-b
xóm Đại Liên	DC	xã Quỳnh Xuân	H. Quỳnh Lưu	19° 12' 59"	105° 41' 05"					E-48-20-C-b
núi Động Kiêu	SV	xã Quỳnh Xuân	H. Quỳnh Lưu	19° 13' 25"	105° 42' 12"					E-48-20-C-b
xóm Khe Ngang	DC	xã Quỳnh Xuân	H. Quỳnh Lưu	19° 13' 26"	105° 41' 51"					E-48-20-C-b
sông Mai Giang	TV	xã Quỳnh Xuân	H. Quỳnh Lưu			19° 13' 46"	105° 43' 12"	19° 10' 03"	105° 42' 10"	E-48-20-C-b
kênh Vực Mấu	TV	xã Quỳnh Xuân	H. Quỳnh Lưu			19° 16' 16"	105° 38' 33"	19° 12' 12"	105° 39' 19"	E-48-20-C-b
xóm Xuân Hòa	DC	xã Quỳnh Xuân	H. Quỳnh Lưu	19° 12' 42"	105° 41' 49"					E-48-20-C-b
thôn 1	DC	xã Quỳnh Yên	H. Quỳnh Lưu	19° 08' 46"	105° 40' 39"					E-48-20-C-b
thôn 2	DC	xã Quỳnh Yên	H. Quỳnh Lưu	19° 08' 38"	105° 40' 40"					E-48-20-C-b
thôn 3	DC	xã Quỳnh Yên	H. Quỳnh Lưu	19° 08' 37"	105° 40' 29"					E-48-20-C-b
thôn 4	DC	xã Quỳnh Yên	H. Quỳnh Lưu	19° 08' 32"	105° 40' 39"					E-48-20-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
thôn 5	DC	xã Quỳnh Yên	H. Quỳnh Lưu	19° 08' 04"	105° 40' 22"					E-48-20-C-b
thôn 6	DC	xã Quỳnh Yên	H. Quỳnh Lưu	19° 07' 56"	105° 40' 27"					E-48-20-C-b
thôn 7	DC	xã Quỳnh Yên	H. Quỳnh Lưu	19° 07' 52"	105° 40' 19"					E-48-20-C-b
thôn 8	DC	xã Quỳnh Yên	H. Quỳnh Lưu	19° 07' 53"	105° 39' 59"					E-48-20-C-b
thôn 9	DC	xã Quỳnh Yên	H. Quỳnh Lưu	19° 08' 03"	105° 40' 11"					E-48-20-C-b
thôn 10	DC	xã Quỳnh Yên	H. Quỳnh Lưu	19° 08' 31"	105° 40' 29"					E-48-20-C-b
thôn 11	DC	xã Quỳnh Yên	H. Quỳnh Lưu	19° 08' 36"	105° 40' 48"					E-48-20-C-b
xóm 12	DC	xã Quỳnh Yên	H. Quỳnh Lưu	19° 07' 58"	105° 41' 08"					E-48-20-C-b
xóm Cẩm Trường	DC	xã Quỳnh Yên	H. Quỳnh Lưu	19° 08' 03"	105° 40' 05"					E-48-20-C-b
Sông Hầu	TV	xã Quỳnh Yên	H. Quỳnh Lưu			19° 10' 03"	105° 42' 10"	19° 05' 53"	105° 42' 47"	E-48-20-C-b
xóm Nam Yên	DC	xã Quỳnh Yên	H. Quỳnh Lưu	19° 07' 57"	105° 40' 23"					E-48-20-C-b
xóm Thượng Yên	DC	xã Quỳnh Yên	H. Quỳnh Lưu	19° 08' 36"	105° 40' 42"					E-48-20-C-b
thôn 1	DC	xã Sơn Hải	H. Quỳnh Lưu	19° 05' 58"	105° 40' 35"					E-48-20-C-d
thôn 2	DC	xã Sơn Hải	H. Quỳnh Lưu	19° 06' 03"	105° 40' 38"					E-48-20-C-d
thôn 3	DC	xã Sơn Hải	H. Quỳnh Lưu	19° 06' 11"	105° 40' 36"					E-48-20-C-d
thôn 4	DC	xã Sơn Hải	H. Quỳnh Lưu	19° 06' 14"	105° 40' 30"					E-48-20-C-d
thôn 5	DC	xã Sơn Hải	H. Quỳnh Lưu	19° 06' 16"	105° 40' 24"					E-48-20-C-d
thôn 6	DC	xã Sơn Hải	H. Quỳnh Lưu	19° 06' 10"	105° 40' 20"					E-48-20-C-d
thôn 7	DC	xã Sơn Hải	H. Quỳnh Lưu	19° 06' 14"	105° 40' 19"					E-48-20-C-d
thôn 8	DC	xã Sơn Hải	H. Quỳnh Lưu	19° 06' 16"	105° 40' 14"					E-48-20-C-d
thôn 9	DC	xã Sơn Hải	H. Quỳnh Lưu	19° 06' 19"	105° 40' 09"					E-48-20-C-d
thôn 10	DC	xã Sơn Hải	H. Quỳnh Lưu	19° 06' 29"	105° 40' 20"					E-48-20-C-d
thôn 11	DC	xã Sơn Hải	H. Quỳnh Lưu	19° 06' 22"	105° 39' 56"					E-48-20-C-d
thôn 12	DC	xã Sơn Hải	H. Quỳnh Lưu	19° 06' 23"	105° 40' 02"					E-48-20-C-d
thôn 13	DC	xã Sơn Hải	H. Quỳnh Lưu	19° 06' 37"	105° 40' 16"					E-48-20-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
quốc lộ 48B	KX	xã Sơn Hải	H. Quỳnh Lưu			19° 08' 02"	105° 39' 11"	19° 12' 50"	105° 32' 21"	E-48-20-C-a
xóm Đức Nam	DC	xã Sơn Hải	H. Quỳnh Lưu	19° 06' 34"	105° 40' 04"					E-48-20-C-d
xóm Hải thắng	DC	xã Sơn Hải	H. Quỳnh Lưu	19° 06' 21"	105° 40' 30"					E-48-20-C-d
Sông Thái	TV	xã Sơn Hải	H. Quỳnh Lưu			19° 09' 59"	105° 37' 26"	19° 05' 54"	105° 40' 22"	E-48-20-C-d
Cửa Thời	TV	xã Sơn Hải	H. Quỳnh Lưu	19° 05' 54"	105° 40' 22"					E-48-20-C-d
thôn 1	DC	xã Tân Sơn	H. Quỳnh Lưu	19° 12' 52"	105° 30' 32"					E-48-19-D-b
thôn 2A	DC	xã Tân Sơn	H. Quỳnh Lưu	19° 12' 48"	105° 30' 14"					E-48-20-C-a
thôn 2B	DC	xã Tân Sơn	H. Quỳnh Lưu	19° 12' 31"	105° 29' 42"					E-48-19-D-b
thôn 3	DC	xã Tân Sơn	H. Quỳnh Lưu	19° 12' 15"	105° 29' 55"					E-48-19-D-b
thôn 4	DC	xã Tân Sơn	H. Quỳnh Lưu	19° 11' 56"	105° 29' 40"					E-48-19-D-b
thôn 5	DC	xã Tân Sơn	H. Quỳnh Lưu	19° 12' 03"	105° 29' 29"					E-48-19-D-b
thôn 6	DC	xã Tân Sơn	H. Quỳnh Lưu	19° 11' 36"	105° 29' 24"					E-48-19-D-b
thôn 7	DC	xã Tân Sơn	H. Quỳnh Lưu	19° 11' 11"	105° 27' 56"					E-48-19-D-b
thôn 8	DC	xã Tân Sơn	H. Quỳnh Lưu	19° 10' 25"	105° 27' 35"					E-48-19-D-b
đập 3/2	TV	xã Tân Sơn	H. Quỳnh Lưu	19° 11' 10"	105° 29' 00"					E-48-19-D-b
suối Hang Lòn	TV	xã Tân Sơn	H. Quỳnh Lưu			19° 09' 27"	105° 28' 32"	19° 10' 42"	105° 30' 14"	E-48-19-D-b
hồ Khe Gỗ	TV	xã Tân Sơn	H. Quỳnh Lưu	19° 11' 09"	105° 28' 54"					E-48-19-D-b
Núi Sượng	SV	xã Tân Sơn	H. Quỳnh Lưu	19° 13' 24"	105° 30' 08"					E-48-20-C-a
thôn Tiến Sơn	DC	xã Tân Sơn	H. Quỳnh Lưu	19° 09' 30"	105° 27' 56"					E-48-19-D-b
xóm 3/2	DC	xã Tân Thắng	H. Quỳnh Lưu	19° 17' 53"	105° 36' 28"					E-48-20-A-c
xóm 26/3	DC	xã Tân Thắng	H. Quỳnh Lưu	19° 17' 52"	105° 35' 43"					E-48-20-A-c
xóm 1/5	DC	xã Tân Thắng	H. Quỳnh Lưu	19° 17' 12"	105° 37' 47"					E-48-20-A-c
xóm 19/8	DC	xã Tân Thắng	H. Quỳnh Lưu	19° 17' 11"	105° 35' 38"					E-48-20-A-c
xóm 2/9	DC	xã Tân Thắng	H. Quỳnh Lưu	19° 17' 20"	105° 35' 40"					E-48-20-A-c
xóm 12/9	DC	xã Tân Thắng	H. Quỳnh Lưu	19° 17' 27"	105° 34' 59"					E-48-20-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
xóm Bắc Thắng	DC	xã Tân Thắng	H. Quỳnh Lưu	19° 21' 02"	105° 37' 15"					E-48-20-A-c
Suối Cái	TV	xã Tân Thắng	H. Quỳnh Lưu			19° 14' 56"	105° 28' 16"	19° 13' 02"	105° 24' 36"	E-48-19-D-b
suối Đá Bạc	TV	xã Tân Thắng	H. Quỳnh Lưu			19° 22' 39"	105° 36' 51"	19° 20' 39"	105° 36' 16"	E-48-20-A-a, E-48-20-A-c
núi Hòn Mang	SV	xã Tân Thắng	H. Quỳnh Lưu	19° 18' 46"	105° 36' 49"					E-48-20-A-c
núi Hòn Voi	SV	xã Tân Thắng	H. Quỳnh Lưu	19° 18' 12"	105° 37' 52"					E-48-20-A-d
núi Kim Giao	SV	xã Tân Thắng	H. Quỳnh Lưu	19° 20' 45"	105° 38' 53"					E-48-20-A-d
Sông Lại	TV	xã Tân Thắng	H. Quỳnh Lưu			19° 17' 21"	105° 34' 21"	19° 16' 54"	105° 35' 10"	E-48-20-A-c
xóm Nam Việt	DC	xã Tân Thắng	H. Quỳnh Lưu	19° 18' 44"	105° 34' 49"					E-48-20-A-c
suối Ồ	TV	xã Tân Thắng	H. Quỳnh Lưu			19° 19' 43"	105° 37' 03"	19° 18' 30"	105° 34' 07"	E-48-20-A-c
xóm Tân Thành	DC	xã Tân Thắng	H. Quỳnh Lưu	19° 18' 50"	105° 33' 57"					E-48-20-A-c
xóm Tân Tiến	DC	xã Tân Thắng	H. Quỳnh Lưu	19° 18' 17"	105° 35' 16"					E-48-20-A-c
hồ Vực Mấu	TV	xã Tân Thắng	H. Quỳnh Lưu	19° 16' 22"	105° 37' 36"					E-48-20-A-d, E-48-20-A-c
thôn Đức Xuân	DC	xã Tiến Thủy	H. Quỳnh Lưu	19° 06' 51"	105° 42' 40"					E-48-20-C-d
Sông Hầu	TV	xã Tiến Thủy	H. Quỳnh Lưu			19° 10' 03"	105° 42' 10"	19° 05' 53"	105° 42' 47"	E-48-20-C-d
cửa Lạch Quèn	TV	xã Tiến Thủy	H. Quỳnh Lưu	19° 05' 53"	105° 42' 47"					E-48-20-C-d
thôn Minh Sơn	DC	xã Tiến Thủy	H. Quỳnh Lưu	19° 06' 52"	105° 42' 57"					E-48-20-C-d
thôn Phong Thái	DC	xã Tiến Thủy	H. Quỳnh Lưu	19° 07' 18"	105° 42' 20"					E-48-20-C-d
thôn Phong Thắng	DC	xã Tiến Thủy	H. Quỳnh Lưu	19° 07' 04"	105° 42' 19"					E-48-20-C-d
thôn Phong Tiến	DC	xã Tiến Thủy	H. Quỳnh Lưu	19° 07' 02"	105° 42' 25"					E-48-20-C-d
thôn Phúc Thành	DC	xã Tiến Thủy	H. Quỳnh Lưu	19° 07' 02"	105° 42' 33"					E-48-20-C-d
Núi Rồng	SV	xã Tiến Thủy	H. Quỳnh Lưu	19° 06' 33"	105° 43' 42"					E-48-20-C-d
thôn Sơn Hải	DC	xã Tiến Thủy	H. Quỳnh Lưu	19° 06' 24"	105° 43' 04"					E-48-20-C-d
thôn Thành Tiến	DC	xã Tiến Thủy	H. Quỳnh Lưu	19° 06' 57"	105° 42' 33"					E-48-20-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
thôn Tiến Mỹ	DC	xã Tiến Thủy	H. Quỳnh Lưu	19° 07' 09"	105° 42' 34"					E-48-20-C-d
khối 1	DC	TT. Tân Kỳ	H. Tân Kỳ	19° 01' 59"	105°15' 57"					E-48-19-D-c
khối 2	DC	TT. Tân Kỳ	H. Tân Kỳ	19° 02' 40"	105° 16' 02"					E-48-19-D-c
khối 3	DC	TT. Tân Kỳ	H. Tân Kỳ	19° 03' 04"	105° 16' 08"					E-48-19-D-c
khối 4	DC	TT. Tân Kỳ	H. Tân Kỳ	19° 03' 29"	105° 16' 19"					E-48-19-D-c
khối 5	DC	TT. Tân Kỳ	H. Tân Kỳ	19° 03' 28"	105° 15' 32"					E-48-19-D-c
khối 6	DC	TT. Tân Kỳ	H. Tân Kỳ	19° 02' 52"	105° 15' 47"					E-48-19-D-c
khối 7	DC	TT. Tân Kỳ	H. Tân Kỳ	19° 03' 07"	105° 15' 43"					E-48-19-D-c
khối 8	DC	TT. Tân Kỳ	H. Tân Kỳ	19° 02' 54"	105° 16' 16"					E-48-19-D-c
khối 9	DC	TT. Tân Kỳ	H. Tân Kỳ	19° 03' 14"	105° 15' 40"					E-48-19-D-c
khối 10	DC	TT. Tân Kỳ	H. Tân Kỳ	19° 03' 13"	105° 16' 30"					E-48-19-D-c
quốc lộ 15	KX	TT. Tân Kỳ	H. Tân Kỳ			19° 26' 37"	105° 26' 54"	18° 33' 35"	105° 33' 24"	E-48-19-D-c
đường tỉnh 545	KX	TT. Tân Kỳ	H. Tân Kỳ			19° 19' 30"	105° 25' 06"	19° 03' 01"	105° 16' 20"	E-48-19-D-c
Sông Con	TV	TT. Tân Kỳ	H. Tân Kỳ			19° 15' 32"	105° 25' 09"	19° 02' 14"	104° 58' 20"	E-48-19-D-d, E-48-18-D
đường Hồ Chí Minh	KX	TT. Tân Kỳ	H. Tân Kỳ			19° 26' 38"	105° 26' 56"	18° 35' 45"	105° 26' 04"	E-48-19-D-c, E-48-19-D-d
Cầu Rỏi	KX	TT. Tân Kỳ	H. Tân Kỳ	19° 03' 49"	105° 15' 40"					E-48-19-D-c
Nhà máy Đường Sông Con	KX	TT. Tân Kỳ	H. Tân Kỳ	19° 03' 39"	105° 15' 31"					E-48-19-D-c
Núi Bục	SV	xã Đồng Văn	H. Tân Kỳ	19° 07' 42"	105° 08' 30"					E-48-19-C
Xóm Bục	DC	xã Đồng Văn	H. Tân Kỳ	19° 07' 19"	105° 08' 51"					E-48-19-C
xóm Châu Thành	DC	xã Đồng Văn	H. Tân Kỳ	19° 06' 31"	105° 05' 45"					E-48-19-C
Suối Chiềng	TV	xã Đồng Văn	H. Tân Kỳ			19° 11' 22"	105° 12' 31"	19° 08' 26"	105° 08' 08"	E-48-19-C
Suối Đá	TV	xã Đồng Văn	H. Tân Kỳ			19° 24' 14"	105° 24' 16"	19° 22' 56"	105° 24' 11"	E-48-19-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
Suối Diêm	TV	xã Đồng Văn	H. Tân Kỳ			19° 06' 43"	105° 09' 20"	19° 04' 32"	105° 03' 56"	E-48-19-C
núi Đồng Chẹt	SV	xã Đồng Văn	H. Tân Kỳ	19° 05' 49"	105° 08' 57"					E-48-19-C
đập Đồng Kho	TV	xã Đồng Văn	H. Tân Kỳ	19° 06' 43"	105° 09' 20"					E-48-19-C
xóm Đồng Kho	DC	xã Đồng Văn	H. Tân Kỳ	19° 07' 24"	105° 09' 08"					E-48-19-C
xóm Đồng Lau	DC	xã Đồng Văn	H. Tân Kỳ	19° 05' 24"	105° 07' 28"					E-48-19-C
xóm Đồng My	DC	xã Đồng Văn	H. Tân Kỳ	19° 05' 28"	105° 08' 09"					E-48-19-C
Suối Giáp	TV	xã Đồng Văn	H. Tân Kỳ			19° 09' 52"	105° 07' 25"	19° 06' 43"	105° 06' 19"	E-48-19-C
Núi Hiểu	SV	xã Đồng Văn	H. Tân Kỳ	19° 10' 09"	105° 07' 46"					E-48-19-C
xóm Khe Chiềng	DC	xã Đồng Văn	H. Tân Kỳ	19° 07' 10"	105° 06' 13"					E-48-19-C
Núi Khủa	SV	xã Đồng Văn	H. Tân Kỳ	19° 10' 44"	105° 07' 04"					E-48-19-C
xóm Nhà Tra	DC	xã Đồng Văn	H. Tân Kỳ	19° 07' 08"	105° 07' 57"					E-48-19-C
xóm Tân Bình	DC	xã Đồng Văn	H. Tân Kỳ	19° 06' 27"	105° 06' 29"					E-48-19-C
xóm Tân Diên	DC	xã Đồng Văn	H. Tân Kỳ	19° 07' 16"	105° 07' 08"					E-48-19-C
xóm Tân Lập	DC	xã Đồng Văn	H. Tân Kỳ	19° 06' 02"	105° 07' 08"					E-48-19-C
xóm Thung Mòn	DC	xã Đồng Văn	H. Tân Kỳ	19° 08' 24"	105° 07' 54"					E-48-19-C
xóm Tiến Đồng	DC	xã Đồng Văn	H. Tân Kỳ	19° 08' 06"	105° 07' 42"					E-48-19-C
xóm Văn Sơn	DC	xã Đồng Văn	H. Tân Kỳ	19° 08' 47"	105° 06' 33"					E-48-19-C
xóm Vĩnh Đồng	DC	xã Đồng Văn	H. Tân Kỳ	19° 07' 08"	105° 06' 44"					E-48-19-C
xóm Vĩnh Thành	DC	xã Đồng Văn	H. Tân Kỳ	19° 07' 01"	105° 08' 25"					E-48-19-C
xóm Bàu Khe	DC	xã Giai Xuân	H. Tân Kỳ	19° 08' 35"	105° 14' 29"					E-48-19-C
núi Con Trâu	SV	xã Giai Xuân	H. Tân Kỳ	19° 11' 41"	105° 16' 03"					E-48-19-D-a
xóm Đồi Chè	DC	xã Giai Xuân	H. Tân Kỳ	19° 09' 41"	105° 13' 52"					E-48-19-C
xóm Kẻ Mui	DC	xã Giai Xuân	H. Tân Kỳ	19° 09' 01"	105° 14' 19"					E-48-19-C
Suối Lồi	TV	xã Giai Xuân	H. Tân Kỳ			19° 11' 17"	105° 15' 00"	19° 10' 26"	105° 16' 50"	E-48-19-D-a
xóm Long Thọ	DC	xã Giai Xuân	H. Tân Kỳ	19° 09' 26"	105° 15' 04"					E-48-19-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
Núi Mật	SV	xã Giai Xuân	H. Tân Kỳ	19° 09' 05"	105° 13' 08"					E-48-19-C
núi Mỏ Diều	SV	xã Giai Xuân	H. Tân Kỳ	19° 07' 59"	105° 10' 53"					E-48-19-C
núi Mó Lằng	SV	xã Giai Xuân	H. Tân Kỳ	19° 09' 41"	105° 13' 35"					E-48-19-C
Núi Nghánh	SV	xã Giai Xuân	H. Tân Kỳ	19° 08' 26"	105° 13' 42"					E-48-19-C
xóm Nước Xanh	DC	xã Giai Xuân	H. Tân Kỳ	19° 08' 44"	105° 12' 57"					E-48-19-C
xóm Quyết Tâm	DC	xã Giai Xuân	H. Tân Kỳ	19° 08' 37"	105° 13' 56"					E-48-19-C
xóm Tân Mùng	DC	xã Giai Xuân	H. Tân Kỳ	19° 08' 43"	105° 13' 20"					E-48-19-C
xóm Vạn Long	DC	xã Giai Xuân	H. Tân Kỳ	19° 09' 43"	105° 15' 32"					E-48-19-D-a
xóm Vạn Xuân	DC	xã Giai Xuân	H. Tân Kỳ	19° 09' 43"	105° 15' 54"					E-48-19-D-a
xóm Xuân Tiến	DC	xã Giai Xuân	H. Tân Kỳ	19° 09' 32"	105° 13' 18"					E-48-19-C
xóm 1 Tân Thanh Hồng	DC	xã Hương Sơn	H. Tân Kỳ	19° 01' 59"	105° 09' 56"					E-48-19-C
xóm 2 Tân Thanh Hồng	DC	xã Hương Sơn	H. Tân Kỳ	19° 01' 55"	105° 09' 09"					E-48-19-C
xóm 3 Tân Thanh Hồng	DC	xã Hương Sơn	H. Tân Kỳ	19° 01' 24"	105° 09' 01"					E-48-19-C
xóm 4 Tân Thanh Hồng	DC	xã Hương Sơn	H. Tân Kỳ	19° 01' 44"	105° 08' 35"					E-48-19-C
xóm 5 Tân Thanh Hồng	DC	xã Hương Sơn	H. Tân Kỳ	19° 02' 59"	105° 09' 36"					E-48-19-C
Sông Con	TV	xã Hương Sơn	H. Tân Kỳ			19° 15' 32"	105° 25' 09"	19° 02' 14"	104° 58' 20"	E-48-19-D-d, E-48-18-D
đập Khe Vành	TV	xã Hương Sơn	H. Tân Kỳ	19° 03' 55"	105° 10' 12"					E-48-19-C
suối Khe Vành	TV	xã Hương Sơn	H. Tân Kỳ			19° 04' 59"	105° 10' 13"	19° 02' 50"	105° 11' 30"	E-48-19-C
xóm Nam Hồng	DC	xã Hương Sơn	H. Tân Kỳ	19° 01' 26"	105° 09' 36"					E-48-19-C
xóm Tân Lập	DC	xã Hương Sơn	H. Tân Kỳ	19° 04' 14"	105° 09' 12"					E-48-19-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
xóm Tân Quang	DC	xã Hương Sơn	H. Tân Kỳ	19° 03' 40"	105° 10' 14"					E-48-19-C
xóm Tân Sơn 1	DC	xã Hương Sơn	H. Tân Kỳ	19° 03' 59"	105° 09' 08"					E-48-19-C
xóm Tân Sơn 2	DC	xã Hương Sơn	H. Tân Kỳ	19° 04' 02"	105° 07' 56"					E-48-19-C
xóm Tân Thành	DC	xã Hương Sơn	H. Tân Kỳ	19° 04' 35"	105° 08' 33"					E-48-19-C
xóm Tân Xuân	DC	xã Hương Sơn	H. Tân Kỳ	19° 02' 58"	105° 10' 33"					E-48-19-C
xóm Trung Mỹ	DC	xã Hương Sơn	H. Tân Kỳ	19° 03' 12"	105° 10' 59"					E-48-19-C
xóm Xuân Hương	DC	xã Hương Sơn	H. Tân Kỳ	19° 03' 37"	105° 11' 28"					E-48-19-C
đường tỉnh 545	KX	xã Kỳ Sơn	H. Tân Kỳ			19° 19' 30"	105° 25' 06"	19° 03' 01"	105° 16' 20"	E-48-19-D-c E-48-19-C
xóm Cầu Trôi	DC	xã Kỳ Sơn	H. Tân Kỳ	19° 02' 40"	105° 13' 29"					E-48-19-C
Sông Con	SV	xã Kỳ Sơn	H. Tân Kỳ			19° 15' 32"	105° 25' 09"	19° 02' 14"	104° 58' 20"	E-48-19-D-d, E-48-18-D
xóm Điện Lực	DC	xã Kỳ Sơn	H. Tân Kỳ	19° 01' 46"	105° 13' 35"					E-48-19-C
xóm Dốc Sư	DC	xã Kỳ Sơn	H. Tân Kỳ	19° 01' 57"	105° 14' 11"					E-48-19-C
đập Đội Cung	TV	xã Kỳ Sơn	H. Tân Kỳ	19° 02' 50"	105° 14' 10"					E-48-19-C
xóm Đội Cung 1	DC	xã Kỳ Sơn	H. Tân Kỳ	19° 03' 03"	105° 14' 13"					E-48-19-C
xóm Đội Cung 2	DC	xã Kỳ Sơn	H. Tân Kỳ	19° 02' 51"	105° 13' 37"					E-48-19-C
xóm Đồng Nậy	DC	xã Kỳ Sơn	H. Tân Kỳ	19° 01' 13"	105° 14' 21"					E-48-19-C
xóm Đồng Thịnh	DC	xã Kỳ Sơn	H. Tân Kỳ	19° 02' 30"	105° 14' 23"					E-48-19-C
đường Hồ Chí Minh	KX	xã Kỳ Sơn	H. Tân Kỳ			19° 26' 38"	105° 26' 56"	18° 35' 45"	105° 26' 04"	E-48-19-D-c, E-48-19-D-d
xóm Hùng Cường 1	DC	xã Kỳ Sơn	H. Tân Kỳ	19° 04' 13"	105° 13' 09"					E-48-19-C
xóm Hùng Cường 2	DC	xã Kỳ Sơn	H. Tân Kỳ	19° 04' 22"	105° 13' 00"					E-48-19-C
xóm Kỳ Minh	DC	xã Kỳ Sơn	H. Tân Kỳ	19° 02' 35"	105° 14' 55"					E-48-19-C
xóm Phượng Kỳ 1	DC	xã Kỳ Sơn	H. Tân Kỳ	19° 03' 08"	105° 15' 26"					E-48-19-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
xóm Phượng Kỳ 2	DC	xã Kỳ Sơn	H. Tân Kỳ	19° 02' 49"	105° 15' 18"					E-48-19-D-c
xóm Phượng Minh	DC	xã Kỳ Sơn	H. Tân Kỳ	19° 02' 44"	105° 14' 36"					E-48-19-C
Núi Rởi	SV	xã Kỳ Sơn	H. Tân Kỳ	19° 04' 33"	105° 13' 58"					E-48-19-C
xóm Tiền Phong 1	DC	xã Kỳ Sơn	H. Tân Kỳ	19° 03' 25"	105° 14' 42"					E-48-19-C
xóm Tiền Phong 2	DC	xã Kỳ Sơn	H. Tân Kỳ	19° 03' 16"	105° 15' 10"					E-48-19-D-c
quốc lộ 15	KX	xã Kỳ Tân	H. Tân Kỳ			19° 26' 37"	105° 26' 54"	18° 33' 35"	105° 33' 24"	E-48-19-D-c
đường tỉnh 545	KX	xã Kỳ Tân	H. Tân Kỳ			19° 19' 30"	105° 25' 06"	19° 03' 01"	105° 16' 20"	E-48-19-D-c
xóm 1 Diễn Nam	DC	xã Kỳ Tân	H. Tân Kỳ	19° 04' 37"	105° 16' 10"					E-48-19-D-c
xóm 1 Tân Sơn	DC	xã Kỳ Tân	H. Tân Kỳ	105° 18' 11"	19° 04' 21"					E-48-19-D-c
xóm 1 Thanh Tân	DC	xã Kỳ Tân	H. Tân Kỳ	19° 03' 29"	105° 16' 04"					E-48-19-D-c
xóm 2 Diễn Lam	DC	xã Kỳ Tân	H. Tân Kỳ	19° 04' 23"	105° 15' 47"					E-48-19-D-c
xóm 2 Tân Sơn	DC	xã Kỳ Tân	H. Tân Kỳ	19° 04' 03"	105° 17' 20"					E-48-19-D-c
xóm 2 Thanh Tân	DC	xã Kỳ Tân	H. Tân Kỳ	19° 03' 37"	105° 15' 50"					E-48-19-D-c
xóm 3 Tân Sơn	DC	xã Kỳ Tân	H. Tân Kỳ	19° 04' 14"	105° 16' 56"					E-48-19-D-c
xóm 3 Tân Sơn	DC	xã Kỳ Tân	H. Tân Kỳ	19° 04' 14"	105° 16' 56"					E-48-19-D-c
xóm 4 Tân Sơn	DC	xã Kỳ Tân	H. Tân Kỳ	19° 04' 22"	105° 17' 33"					E-48-19-D-c
xóm 5 Tân Sơn	DC	xã Kỳ Tân	H. Tân Kỳ	19° 03' 50"	105° 16' 53"					E-48-19-D-c
xóm 6 Tân Sơn	DC	xã Kỳ Tân	H. Tân Kỳ	19° 03' 33"	105° 16' 53"					E-48-19-D-c
Sông Con	TV	xã Kỳ Tân	H. Tân Kỳ			19° 15' 32"	105° 25' 09"	19° 02' 14"	104° 58' 20"	E-48-19-D-d, E-48-18-D
đường Hồ Chí Minh	KX	xã Kỳ Tân	H. Tân Kỳ			19° 26' 38"	105° 26' 56"	18° 35' 45"	105° 26' 04"	E-48-19-D-c, E-48-19-D-d
suối Khe Su	TV	xã Kỳ Tân	H. Tân Kỳ			19° 04' 33"	105° 20' 19"	19° 04' 20"	105° 17' 10"	E-48-19-D-c
núi Khu Gàu	SV	xã Kỳ Tân	H. Tân Kỳ	19° 03' 06"	105° 17' 56"					E-48-19-D-c
xóm Lưu Xuân	DC	xã Kỳ Tân	H. Tân Kỳ	19° 03' 48"	105° 16' 09"					E-48-19-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
Cầu Rỏi	KX	xã Kỳ Tân	H. Tân Kỳ	19° 03' 49"	105° 15' 40"					E-48-19-D-c
xóm 1	DC	xã Nghĩa Bình	H. Tân Kỳ	19° 11' 13"	105° 23' 35"					E-48-19-D-b
xóm 2	DC	xã Nghĩa Bình	H. Tân Kỳ	19° 11' 20"	105° 23' 01"					E-48-19-D-b
xóm 3	DC	xã Nghĩa Bình	H. Tân Kỳ	19° 11' 40"	105° 22' 18"					E-48-19-D-a
xóm 4	DC	xã Nghĩa Bình	H. Tân Kỳ	19° 11' 22"	105° 22' 03"					E-48-19-D-a
xóm 5	DC	xã Nghĩa Bình	H. Tân Kỳ	19° 11' 18"	105° 22' 31"					E-48-19-D-b
xóm 6	DC	xã Nghĩa Bình	H. Tân Kỳ	19° 10' 50"	105° 22' 42"					E-48-19-D-b
xóm 7	DC	xã Nghĩa Bình	H. Tân Kỳ	19° 10' 49"	105° 23' 21"					E-48-19-D-b
xóm 8	DC	xã Nghĩa Bình	H. Tân Kỳ	19° 10' 31"	105° 22' 55"					E-48-19-D-b
xóm 9	DC	xã Nghĩa Bình	H. Tân Kỳ	19° 09' 22"	105° 22' 01"					E-48-19-D-b
xóm 10	DC	xã Nghĩa Bình	H. Tân Kỳ	19° 08' 59"	105° 22' 48"					E-48-19-D-b
xóm 11	DC	xã Nghĩa Bình	H. Tân Kỳ	19° 08' 44"	105° 23' 02"					E-48-19-D-b
xóm 12	DC	xã Nghĩa Bình	H. Tân Kỳ	19° 08' 57"	105° 21' 51"					E-48-19-D-b
Sông Con	TV	xã Nghĩa Bình	H. Tân Kỳ			19° 15' 32"	105° 25' 09"	19° 02' 14"	104° 58' 20"	E-48-19-D-d, E-48-18-D
đường Hồ Chí Minh	KX	xã Nghĩa Bình	H. Tân Kỳ			19° 26' 38"	105° 26' 56"	18° 35' 45"	105° 26' 04"	E-48-19-D-c, E-48-19-D-d
suối Hòn Rô	TV	xã Nghĩa Bình	H. Tân Kỳ			19° 10' 57"	105° 22' 28"	19° 10' 46"	105° 22' 13"	E-48-19-D-a
đập Khe Vang	TV	xã Nghĩa Bình	H. Tân Kỳ	19° 11' 07"	105° 23' 47"					E-48-19-D-b
Suối Long	TV	xã Nghĩa Bình	H. Tân Kỳ			19° 09' 47"	105° 23' 57"	19° 10' 19"	105° 22' 17"	E-48-19-D-b,
Hòn Rô	DC	xã Nghĩa Bình	H. Tân Kỳ	19° 10' 39"	105° 22' 21"					E-48-19-D-a E-48-19-D-b
Suối Thần	TV	xã Nghĩa Bình	H. Tân Kỳ			19° 09' 30"	105° 24' 34"	19° 09' 13"	105° 22' 00"	E-48-19-D-b, E-48-19-D-a,
xóm 1	DC	xã Nghĩa Đồng	H. Tân Kỳ	19° 11' 29"	105° 21' 15"					E-48-19-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
xóm 2	DC	xã Nghĩa Đồng	H. Tân Kỳ	19° 11' 15"	105° 21' 00"					E-48-19-D-a
xóm 3	DC	xã Nghĩa Đồng	H. Tân Kỳ	19° 10' 45"	105° 21' 11"					E-48-19-D-a
xóm 4A	DC	xã Nghĩa Đồng	H. Tân Kỳ	19° 10' 46"	105° 20' 24"					E-48-19-D-a
xóm 4B	DC	xã Nghĩa Đồng	H. Tân Kỳ	19° 10' 34"	105° 20' 17"					E-48-19-D-a
xóm 5A	DC	xã Nghĩa Đồng	H. Tân Kỳ	19° 10' 54"	105° 20' 44"					E-48-19-D-a
xóm 5B	DC	xã Nghĩa Đồng	H. Tân Kỳ	19° 10' 58"	105° 20' 29"					E-48-19-D-a
xóm 6A	DC	xã Nghĩa Đồng	H. Tân Kỳ	19° 10' 18"	105° 21' 02"					E-48-19-D-a
xóm 6B	DC	xã Nghĩa Đồng	H. Tân Kỳ	19° 10' 25"	105° 20' 48"					E-48-19-D-a
xóm 7	DC	xã Nghĩa Đồng	H. Tân Kỳ	19° 10' 10"	105° 20' 59"					E-48-19-D-a
xóm 8	DC	xã Nghĩa Đồng	H. Tân Kỳ	19° 10' 02"	105° 20' 50"					E-48-19-D-a
xóm 9	DC	xã Nghĩa Đồng	H. Tân Kỳ	19° 10' 19"	105° 20' 32"					E-48-19-D-a
xóm 10	DC	xã Nghĩa Đồng	H. Tân Kỳ	19° 10' 02"	105° 20' 36"					E-48-19-D-a
xóm 11	DC	xã Nghĩa Đồng	H. Tân Kỳ	19° 10' 13"	105° 20' 10"					E-48-19-D-a
đường tỉnh 545	KX	xã Nghĩa Đồng	H. Tân Kỳ			19° 19' 30"	105° 25' 06"	19° 03' 01"	105° 16' 20"	E-48-19-D-a
Sông Con	TV	xã Nghĩa Đồng	H. Tân Kỳ			19° 15' 32"	105° 25' 09"	19° 02' 14"	104° 58' 20"	E-48-19-D-d, E-48-18-D
Suối Mai	TV	xã Nghĩa Đồng	H. Tân Kỳ			19° 09' 24"	105° 19' 22"	19° 11' 53"	105° 21' 04"	E-48-19-D-a
xóm Sa Nam	DC	xã Nghĩa Đồng	H. Tân Kỳ	19° 10' 42"	105° 20' 50"					E-48-19-D-a
Đò Sen	KX	xã Nghĩa Đồng	H. Tân Kỳ	19° 08' 49"	105° 20' 59"					E-48-19-D-a
Xóm Bàu	DC	xã Nghĩa Dũng	H. Tân Kỳ	19° 07' 55"	105° 18' 24"					E-48-19-D-a
Sông Con	TV	xã Nghĩa Dũng	H. Tân Kỳ			19° 15' 32"	105° 25' 09"	19° 02' 14"	104° 58' 20"	E-48-19-D-d, E-48-18-D
núi Công Nhân	SV	xã Nghĩa Dũng	H. Tân Kỳ	19° 07' 15"	105° 20' 00"					E-48-19-D-c
núi Cột Cờ	SV	xã Nghĩa Dũng	H. Tân Kỳ	19° 18' 31"	105° 30' 41"					E-48-20-A-c
xóm Cột Cờ	DC	xã Nghĩa Dũng	H. Tân Kỳ	19° 07' 55"	105° 18' 55"					E-48-19-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
xóm Cựa Đền	DC	xã Nghĩa Dũng	H. Tân Kỳ	19° 05' 09"	105° 17' 26"					E-48-19-D-c
xóm Đào Nguyên	DC	xã Nghĩa Dũng	H. Tân Kỳ	19° 06' 06"	105° 17' 56"					E-48-19-D-c
Xóm Đình	DC	xã Nghĩa Dũng	H. Tân Kỳ	19° 07' 49"	105° 18' 29"					E-48-19-D-a
xóm Đồng Kho	DC	xã Nghĩa Dũng	H. Tân Kỳ	19° 06' 16"	105° 19' 57"					E-48-19-D-c
xóm Đồng Thờ	DC	xã Nghĩa Dũng	H. Tân Kỳ	19° 06' 54"	105° 20' 26"					E-48-19-D-c
xóm Dương Lễ	DC	xã Nghĩa Dũng	H. Tân Kỳ	19° 06' 18"	105° 20' 16"					E-48-19-D-c
xóm Gia Đề	DC	xã Nghĩa Dũng	H. Tân Kỳ	19° 06' 32"	105° 18' 24"					E-48-19-D-c
đường Hồ Chí Minh	KX	xã Nghĩa Dũng	H. Tân Kỳ			19° 26' 38"	105° 26' 56"	18° 35' 45"	105° 26' 04"	E-48-19-D-c, E-48-19-D-d
Phân trại K1T3	KX	xã Nghĩa Dũng	H. Tân Kỳ	19° 07' 35"	105° 18' 46"					E-48-19-D-a
Phân trại K2T3	KX	xã Nghĩa Dũng	H. Tân Kỳ	19° 06' 50"	105° 20' 51"					E-48-19-D-c
suối Khe Lá	TV	xã Nghĩa Dũng	H. Tân Kỳ			19° 05' 24"	105° 22' 47"	19° 06' 40"	105° 20' 03"	E-48-19-D-c E-48-19-D-d
suối Khe Mít	TV	xã Nghĩa Dũng	H. Tân Kỳ			19° 06' 49"	105° 22' 30"	19° 06' 40"	105° 20' 03"	E-48-19-D-c
suối Khe Su	TV	xã Nghĩa Dũng	H. Tân Kỳ			19° 04' 33"	105° 20' 19"	19° 04' 20"	105° 17' 10"	E-48-19-D-c
xóm Tân Mỹ	DC	xã Nghĩa Dũng	H. Tân Kỳ	19° 04' 51"	105° 17' 24"					E-48-19-D-c
xóm Tân Thọ	DC	xã Nghĩa Dũng	H. Tân Kỳ	19° 07' 00"	105° 19' 22"					E-48-19-D-c
Suối Thiềm	TV	xã Nghĩa Dũng	H. Tân Kỳ			19° 06' 40"	105° 20' 03"	19° 07' 06"	105° 18' 41"	E-48-19-D-c
xóm Thuận Yên	DC	xã Nghĩa Dũng	H. Tân Kỳ	19° 05' 39"	105° 17' 44"					E-48-19-D-c
xóm Văn Sơn	DC	xã Nghĩa Dũng	H. Tân Kỳ	19° 07' 25"	105° 19' 36"					E-48-19-D-c
núi Vàng Tâm	SV	xã Nghĩa Dũng	H. Tân Kỳ	19° 05' 10"	105° 19' 55"					E-48-19-D-c
xóm 1	DC	xã Nghĩa Hành	H. Tân Kỳ	19° 01' 18"	105° 07' 28"					E-48-19-C
xóm 2	DC	xã Nghĩa Hành	H. Tân Kỳ	19° 00' 59"	105° 07' 09"					E-48-19-C
xóm 3	DC	xã Nghĩa Hành	H. Tân Kỳ	19° 01' 01"	105° 08' 06"					E-48-19-C
xóm 4	DC	xã Nghĩa Hành	H. Tân Kỳ	19° 00' 14"	105° 08' 07"					E-48-19-C, E-48-31-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
xóm 5	DC	xã Nghĩa Hành	H. Tân Kỳ	19° 00' 06"	105° 08' 45"					E-48-19-C
xóm 6	DC	xã Nghĩa Hành	H. Tân Kỳ	19° 00' 41"	105° 09' 43"					E-48-19-C
xóm 7	DC	xã Nghĩa Hành	H. Tân Kỳ	19° 00' 27"	105° 10' 15"					E-48-19-C, E-48-31-A
xóm 8	DC	xã Nghĩa Hành	H. Tân Kỳ	18° 59' 58"	105° 10' 21"					E-48-19-C, E-48-31-A
xóm 9	DC	xã Nghĩa Hành	H. Tân Kỳ	19° 00' 16"	105° 10' 59"					E-48-19-C
xóm 10	DC	xã Nghĩa Hành	H. Tân Kỳ	19° 00' 32"	105° 11' 39"					E-48-19-C
xóm 11	DC	xã Nghĩa Hành	H. Tân Kỳ	18° 59' 33"	105° 09' 58"					E-48-31-A
xóm 12	DC	xã Nghĩa Hành	H. Tân Kỳ	18° 59' 57"	105° 08' 51"					E-48-31-A
xóm 13	DC	xã Nghĩa Hành	H. Tân Kỳ	18° 59' 13"	105° 10' 27"					E-48-31-A
xóm 14	DC	xã Nghĩa Hành	H. Tân Kỳ	18° 59' 19"	105° 08' 57"					E-48-31-A
Suối Cơi	TV	xã Nghĩa Hành	H. Tân Kỳ			18° 59' 27"	105° 07' 23"	18° 59' 43"	105° 08' 17"	E-48-31-A
Sông Con	TV	xã Nghĩa Hành	H. Tân Kỳ			19° 15' 32"	105° 25' 09"	19° 02' 14"	104° 58' 20"	E-48-19-D-d, E-48-18-D
núi Đá Bạc	SV	xã Nghĩa Hành	H. Tân Kỳ	18° 59' 51"	105° 06' 55"					E-48-31-A
Khe Du	TV	xã Nghĩa Hành	H. Tân Kỳ			19° 00' 10"	105° 12' 19"	19° 01' 17"	105° 10' 00"	E-48-19-C
đường mòn Hồ Chí Minh	KX	xã Nghĩa Hành	H. Tân Kỳ			19° 26' 38"	105° 26' 56"	18° 35' 45"	105° 26' 04"	E-48-19-C, E-48-31-A
núi Khe Táy	SV	xã Nghĩa Hành	H. Tân Kỳ	18° 59' 56"	105° 06' 31"					E-48-31-A
núi Tào Sơn	SV	xã Nghĩa Hành	H. Tân Kỳ	18° 59' 06"	105° 11' 55"					E-48-31-A
đường tỉnh 545	KX	xã Nghĩa Hoàn	H. Tân Kỳ			19° 19' 30"	105° 25' 06"	19° 03' 01"	105° 16' 20"	E-48-19-D-a
Sông Con	TV	xã Nghĩa Hoàn	H. Tân Kỳ			19° 15' 32"	105° 25' 09"	19° 02' 14"	104° 58' 20"	E-48-19-D-d, E-48-18-D
Xóm Cừa	DC	xã Nghĩa Hoàn	H. Tân Kỳ	19° 08' 27"	105° 16' 38"					E-48-19-D-a
xóm Đồng Tâm	DC	xã Nghĩa Hoàn	H. Tân Kỳ	19° 08' 38"	105° 15' 40"					E-48-19-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
xóm Đồng Tiến	DC	xã Nghĩa Hoàn	H. Tân Kỳ	19° 08' 38"	105° 16' 13"					E-48-19-D-a
Sông Giang	TV	xã Nghĩa Hoàn	H. Tân Kỳ			19° 09' 29"	105° 17' 50"	19° 08' 34"	105° 17' 41"	E-48-19-D-a
xóm Hạnh Phong	DC	xã Nghĩa Hoàn	H. Tân Kỳ	19° 09' 18"	105° 17' 44"					E-48-19-D-a
xóm Lâm Xuân	DC	xã Nghĩa Hoàn	H. Tân Kỳ	19° 08' 01"	105° 15' 53"					E-48-19-D-a
xóm Mai Tân	DC	xã Nghĩa Hoàn	H. Tân Kỳ	19° 08' 05"	105° 15' 13"					E-48-19-D-a
Núi Thắm	SV	xã Nghĩa Hoàn	H. Tân Kỳ	19° 07' 41"	105° 16' 46"					E-48-19-D-c
Xóm Thắm	DC	xã Nghĩa Hoàn	H. Tân Kỳ	19° 08' 03"	105° 16' 13"					E-48-19-D-a
xóm Thuận Hòa	DC	xã Nghĩa Hoàn	H. Tân Kỳ	19° 09' 06"	105° 17' 05"					E-48-19-D-a
xóm Thuận Yên	DC	xã Nghĩa Hoàn	H. Tân Kỳ	19° 08' 46"	105° 16' 47"					E-48-19-D-a
xóm Tiến Thành	DC	xã Nghĩa Hoàn	H. Tân Kỳ	19° 08' 17"	105° 16' 18"					E-48-19-D-a
xóm Việt Thắng	DC	xã Nghĩa Hoàn	H. Tân Kỳ	19° 08' 36"	105° 16' 33"					E-48-19-D-a
xóm Vĩnh Tân	DC	xã Nghĩa Hoàn	H. Tân Kỳ	19° 07' 54"	105° 15' 04"					E-48-19-D-a
xóm Xuân Sơn	DC	xã Nghĩa Hoàn	H. Tân Kỳ	19° 07' 47"	105° 15' 45"					E-48-19-D-a
xóm Yên Phúc	DC	xã Nghĩa Hoàn	H. Tân Kỳ	19° 09' 16"	105° 17' 15"					E-48-19-D-a
xóm 1A	DC	xã Nghĩa Hợp	H. Tân Kỳ	19° 08' 31"	105° 20' 58"					E-48-19-D-a
xóm 1B	DC	xã Nghĩa Hợp	H. Tân Kỳ	19° 08' 09"	105° 20' 52"					E-48-19-D-a
xóm 2	DC	xã Nghĩa Hợp	H. Tân Kỳ	19° 08' 13"	105° 20' 20"					E-48-19-D-a
xóm 3	DC	xã Nghĩa Hợp	H. Tân Kỳ	19° 08' 29"	105° 19' 58"					E-48-19-D-a
xóm 4	DC	xã Nghĩa Hợp	H. Tân Kỳ	19° 08' 15"	105° 19' 20"					E-48-19-D-a
xóm 5	DC	xã Nghĩa Hợp	H. Tân Kỳ	19° 08' 01"	105° 19' 04"					E-48-19-D-a
xóm 6	DC	xã Nghĩa Hợp	H. Tân Kỳ	19° 07' 38"	105° 19' 45"					E-48-19-D-a
Sông Con	TV	xã Nghĩa Hợp	H. Tân Kỳ			19° 15' 32"	105° 25' 09"	19° 02' 14"	104° 58' 20"	E-48-19-D-d, E-48-18-D
núi Công Nhân	SV	xã Nghĩa Hợp	H. Tân Kỳ	19° 07' 15"	105° 20' 00"					E-48-19-D-c
núi Cột Cờ	SV	xã Nghĩa Hợp	H. Tân Kỳ	19° 18' 31"	105° 30' 41"					E-48-20-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
đường Hồ Chí Minh	KX	xã Nghĩa Hợp	H. Tân Kỳ			19° 26' 38"	105° 26' 56"	18° 35' 45"	105° 26' 04"	E-48-19-D-c, E-48-19-D-d
Đò Sen	KX	xã Nghĩa Hợp	H. Tân Kỳ	19° 08' 49"	105° 20' 59"					E-48-19-D-a
xóm Bắc Sơn	DC	xã Nghĩa Phúc	H. Tân Kỳ	19° 06' 04"	105° 11' 15"					E-48-19-C
xóm Đà sơn	DC	xã Nghĩa Phúc	H. Tân Kỳ	19° 06' 43"	105° 13' 17"					E-48-19-C
xóm Hoa Mủ	DC	xã Nghĩa Phúc	H. Tân Kỳ	19° 07' 02"	105° 11' 32"					E-48-19-C
xóm Hòa Phúc	DC	xã Nghĩa Phúc	H. Tân Kỳ	19° 06' 46"	105° 12' 22"					E-48-19-C
xóm Hồng Kỳ	DC	xã Nghĩa Phúc	H. Tân Kỳ	19° 07' 51"	105° 13' 07"					E-48-19-C
xóm Hồng Phúc	DC	xã Nghĩa Phúc	H. Tân Kỳ	19° 07' 51"	105° 13' 31"					E-48-19-C
xóm Kẻ Nang	DC	xã Nghĩa Phúc	H. Tân Kỳ	19° 07' 06"	105° 10' 46"					E-48-19-C
Xóm Kẻo	DC	xã Nghĩa Phúc	H. Tân Kỳ	19° 06' 57"	105° 13' 35"					E-48-19-C
đập Khe Dứa	TV	xã Nghĩa Phúc	H. Tân Kỳ	19° 06' 51"	105° 11' 55"					E-48-19-C
suối Khe Sanh	TV	xã Nghĩa Phúc	H. Tân Kỳ			19° 06' 38"	105° 10' 55"	19° 06' 31"	105° 12' 39"	E-48-19-C
núi Mỏ Diều	SV	xã Nghĩa Phúc	H. Tân Kỳ	19° 07' 59"	105° 10' 53"					E-48-19-C
xóm Nam Sơn	DC	xã Nghĩa Phúc	H. Tân Kỳ	19° 05' 23"	105° 10' 44"					E-48-19-C
xóm Nam Tiến	DC	xã Nghĩa Phúc	H. Tân Kỳ	19° 06' 37"	105° 11' 33"					E-48-19-C
Núi Ngánh	SV	xã Nghĩa Phúc	H. Tân Kỳ	19° 08' 26"	105° 13' 42"					E-48-19-C
xóm Nghĩa Hồng	DC	xã Nghĩa Phúc	H. Tân Kỳ	19° 07' 17"	105° 13' 44"					E-48-19-C
xóm Nghĩa Liên	DC	xã Nghĩa Phúc	H. Tân Kỳ	19° 07' 52"	105° 12' 33"					E-48-19-C
xóm Nghĩa Thắng	DC	xã Nghĩa Phúc	H. Tân Kỳ	19° 07' 00"	105° 11' 12"					E-48-19-C
xóm Phúc Thành	DC	xã Nghĩa Phúc	H. Tân Kỳ	19° 06' 19"	105° 11' 25"					E-48-19-C
xóm Sào Nam	DC	xã Nghĩa Phúc	H. Tân Kỳ	19° 07' 20"	105° 12' 38"					E-48-19-C
xóm Tân Hoa	DC	xã Nghĩa Phúc	H. Tân Kỳ	19° 05' 52"	105° 13' 00"					E-48-19-C
xóm Tân Hoành	DC	xã Nghĩa Phúc	H. Tân Kỳ	19° 05' 45"	105° 12' 41"					E-48-19-C
xóm Tân Hồng	DC	xã Nghĩa Phúc	H. Tân Kỳ	19° 06' 21"	105° 12' 59"					E-48-19-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
xóm Tập Mã	DC	xã Nghĩa Phúc	H. Tân Kỳ	19° 06' 32"	105° 11' 09"					E-48-19-C
xóm Trung Tâm	DC	xã Nghĩa Phúc	H. Tân Kỳ	19° 06' 19"	105° 12' 20"					E-48-19-C
đường tỉnh 545	KX	xã Nghĩa Thái	H. Tân Kỳ			19° 19' 30"	105° 25' 06"	19° 03' 01"	105° 16' 20"	E-48-19-D-a
xóm Bãi Đá	DC	xã Nghĩa Thái	H. Tân Kỳ	19° 09' 04"	105° 18' 32"					E-48-19-D-a
xóm Bích Thái 1	DC	xã Nghĩa Thái	H. Tân Kỳ	19° 10' 19"	105° 19' 47"					E-48-19-D-a
xóm Bích Thái 2	DC	xã Nghĩa Thái	H. Tân Kỳ	19° 10' 08"	105° 19' 38"					E-48-19-D-a
Sông Con	TV	xã Nghĩa Thái	H. Tân Kỳ			19° 15' 32"	105° 25' 09"	19° 02' 14"	104° 58' 20"	E-48-19-D-d, E-48-18-D
Sông Giang	TV	xã Nghĩa Thái	H. Tân Kỳ			19° 09' 29"	105° 17' 50"	19° 08' 34"	105° 17' 41"	E-48-19-D-a
Xóm Giang	DC	xã Nghĩa Thái	H. Tân Kỳ	19° 08' 57"	105° 18' 08"					E-48-19-D-a
Khe Mai	TV	xã Nghĩa Thái	H. Tân Kỳ			19° 11' 53"	105° 21' 04"	19° 09' 23"	105° 19' 21"	E-48-19-D-a
xóm Tân Thành	DC	xã Nghĩa Thái	H. Tân Kỳ	19° 10' 07"	105° 19' 15"					E-48-19-D-a
xóm Thái Sơn	DC	xã Nghĩa Thái	H. Tân Kỳ	19° 09' 26"	105° 18' 23"					E-48-19-D-a
xóm Viên Thái	DC	xã Nghĩa Thái	H. Tân Kỳ	19° 09' 38"	105° 18' 46"					E-48-19-D-a
xóm Vĩnh Lộc	DC	xã Nghĩa Thái	H. Tân Kỳ	19° 10' 05"	105° 18' 22"					E-48-19-D-a
xóm Bắc Sơn	DC	xã Phú Sơn	H. Tân Kỳ	19° 02' 27"	105° 06' 37"					E-48-19-C
núi Bù À	SV	xã Phú Sơn	H. Tân Kỳ	19° 04' 02"	105° 06' 09"					E-48-19-C
núi Bù Chải	SV	xã Phú Sơn	H. Tân Kỳ	19° 04' 04"	105° 05' 35"					E-48-19-C
Sông Con	TV	xã Phú Sơn	H. Tân Kỳ			19° 15' 32"	105° 25' 09"	19° 02' 14"	104° 58' 20"	E-48-19-D-d, E-48-18-D
xóm Cồn Phối	DC	xã Phú Sơn	H. Tân Kỳ	19° 02' 03"	105° 05' 21"					E-48-19-C
suối Gia Gắm	TV	xã Phú Sơn	H. Tân Kỳ			19° 01' 45"	105° 06' 16"	19° 02' 20"	105° 05' 40"	E-48-19-C
xóm Hòa Sơn	DC	xã Phú Sơn	H. Tân Kỳ	19° 02' 55"	105° 05' 01"					E-48-19-C
xóm Hùng Sơn	DC	xã Phú Sơn	H. Tân Kỳ	19° 02' 50"	105° 05' 27"					E-48-19-C
xóm Hùng Thịnh	DC	xã Phú Sơn	H. Tân Kỳ	19° 02' 34"	105° 05' 02"					E-48-19-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
đập Khe Sắn	TV	xã Phú Sơn	H. Tân Kỳ	19° 03' 25"	105° 04' 59"					E-48-19-C
núi Khe Táy	SV	xã Phú Sơn	H. Tân Kỳ	18° 59' 56"	105° 06' 31"					E-48-31-A
xóm Môn Sơn	DC	xã Phú Sơn	H. Tân Kỳ	19° 02' 24"	105° 06' 16"					E-48-19-C
xóm Nam Sơn	DC	xã Phú Sơn	H. Tân Kỳ	19° 01' 57"	105° 06' 11"					E-48-19-C
xóm Quyết Thắng	DC	xã Phú Sơn	H. Tân Kỳ	19° 02' 51"	105° 07' 14"					E-48-19-C
xóm Tân Lâm	DC	xã Phú Sơn	H. Tân Kỳ	19° 01' 33"	105° 05' 19"					E-48-19-C
xóm Thái Sơn	DC	xã Phú Sơn	H. Tân Kỳ	19° 02' 33"	105° 04' 35"					E-48-19-C
núi Thung Dầu	SV	xã Phú Sơn	H. Tân Kỳ	19° 02' 51"	105° 07' 59"					E-48-19-C
xóm Trung Sơn	DC	xã Phú Sơn	H. Tân Kỳ	19° 01' 59"	105° 06' 33"					E-48-19-C
đường tỉnh 545	KX	xã Tân An	H. Tân Kỳ			19° 19' 30"	105° 25' 06"	19° 03' 01"	105° 16' 20"	E-48-19-D-a
Sông Con	TV	xã Tân An	H. Tân Kỳ			19° 15' 32"	105° 25' 09"	19° 02' 14"	104° 58' 20"	E-48-19-D-d, E-48-18-D
xóm Diễn Châu	DC	xã Tân An	H. Tân Kỳ	19° 05' 13"	105° 12' 44"					E-48-19-C
xóm Đô Lương	DC	xã Tân An	H. Tân Kỳ	19° 04' 15"	105° 11' 22"					E-48-19-C
núi Đồng Chẹt	SV	xã Tân An	H. Tân Kỳ	19° 05' 49"	105° 08' 57"					E-48-19-C
xóm Đồng Lực	DC	xã Tân An	H. Tân Kỳ	19° 04' 31"	105° 10' 33"					E-48-19-C
xóm Hưng Nguyên	DC	xã Tân An	H. Tân Kỳ	19° 04' 43"	105° 11' 18"					E-48-19-C
suối Khe Sanh	TV	xã Tân An	H. Tân Kỳ			19° 06' 38"	105° 10' 55"	19° 06' 31"	105° 12' 39"	E-48-19-C
suối Khe Vành	TV	xã Tân An	H. Tân Kỳ			19° 04' 59"	105° 10' 13"	19° 02' 50"	105° 11' 30"	E-48-19-C
xóm Nam Đàn	DC	xã Tân An	H. Tân Kỳ	19° 04' 45"	105° 12' 21"					E-48-19-C
xóm Nghi Lộc	DC	xã Tân An	H. Tân Kỳ	19° 05' 28"	105° 11' 34"					E-48-19-C
xóm Quyết Thắng	DC	xã Tân An	H. Tân Kỳ	19° 05' 07"	105° 08' 57"					E-48-19-C
xóm Quỳnh Lưu	DC	xã Tân An	H. Tân Kỳ	19° 05' 35"	105° 12' 17"					E-48-19-C
xóm Tân Sơn	DC	xã Tân An	H. Tân Kỳ	19° 04' 58"	105° 11' 30"					E-48-19-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
xóm Tân Thành	DC	xã Tân An	H. Tân Kỳ	19° 04' 38"	105° 11' 32"					E-48-19-C
xóm Thanh An	DC	xã Tân An	H. Tân Kỳ	19° 05' 14"	105° 09' 45"					E-48-19-C
xóm Thanh Chương	DC	xã Tân An	H. Tân Kỳ	19° 07' 24"	105° 09' 55"					E-48-19-C
xóm Thanh Phúc	DC	xã Tân An	H. Tân Kỳ	19° 05' 06"	105° 10' 29"					E-48-19-C
xóm Yên Thành	DC	xã Tân An	H. Tân Kỳ	19° 06' 20"	105° 10' 42"					E-48-19-C
Núi Bục	SV	xã Tân Hợp	H. Tân Kỳ	19° 07' 42"	105° 08' 30"					E-48-19-C
Núi Chang	SV	xã Tân Hợp	H. Tân Kỳ	19° 12' 00"	105° 07' 44"					E-48-19-C
Suối Chiềng	TV	xã Tân Hợp	H. Tân Kỳ			19° 11' 22"	105° 12' 31"	19° 08' 26"	105° 08' 08"	E-48-19-C
xóm Đồng Hạ	DC	xã Tân Hợp	H. Tân Kỳ	19° 08' 41"	105° 09' 18"					E-48-19-C
Núi Hiểu	SV	xã Tân Hợp	H. Tân Kỳ	19° 10' 09"	105° 07' 46"					E-48-19-C
Suối Hòa	TV	xã Tân Hợp	H. Tân Kỳ			19° 11' 20"	105° 11' 07"	19° 09' 57"	105° 10' 50"	E-48-19-C
xóm Hồng Sơn	DC	xã Tân Hợp	H. Tân Kỳ	19° 09' 48"	105° 10' 20"					E-48-19-C
Núi Khủa	SV	xã Tân Hợp	H. Tân Kỳ	19° 10' 44"	105° 07' 04"					E-48-19-C
xóm Nghĩa Thành	DC	xã Tân Hợp	H. Tân Kỳ	19° 11' 38"	105° 08' 31"					E-48-19-C
Suối Ngục	TV	xã Tân Hợp	H. Tân Kỳ			19° 11' 16"	105° 08' 07"	19° 11' 20"	105° 11' 07"	E-48-19-C
xóm Tân Hương	DC	xã Tân Hợp	H. Tân Kỳ	19° 12' 18"	105° 12' 56"					E-48-19-C
xóm Tân Lập	DC	xã Tân Hợp	H. Tân Kỳ	19° 10' 53"	105° 11' 48"					E-48-19-C
xóm Tân Thành	DC	xã Tân Hợp	H. Tân Kỳ	19° 11' 31"	105° 10' 25"					E-48-19-C
xóm Trung Độ	DC	xã Tân Hợp	H. Tân Kỳ	19° 12' 21"	105° 09' 30"					E-48-19-C
xóm Yên Hòa	DC	xã Tân Hợp	H. Tân Kỳ	19° 11' 07"	105° 10' 55"					E-48-19-C
xóm 1	DC	xã Tân Hương	H. Tân Kỳ	19° 01' 38"	105° 10' 49"					E-48-19-C
xóm 2	DC	xã Tân Hương	H. Tân Kỳ	19° 02' 04"	105° 11' 23"					E-48-19-C
xóm 3	DC	xã Tân Hương	H. Tân Kỳ	19° 00' 51"	105° 11' 15"					E-48-19-C
xóm 4	DC	xã Tân Hương	H. Tân Kỳ	19° 00' 41"	105° 12' 07"					E-48-19-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
xóm 5	DC	xã Tân Hương	H. Tân Kỳ	19° 01' 03"	105° 11' 33"					E-48-19-C
xóm 6	DC	xã Tân Hương	H. Tân Kỳ	19° 01' 40"	105° 12' 10"					E-48-19-C
xóm 7	DC	xã Tân Hương	H. Tân Kỳ	19° 01' 57"	105° 12' 54"					E-48-19-C
xóm 8	DC	xã Tân Hương	H. Tân Kỳ	19° 02' 43"	105° 12' 43"					E-48-19-C
xóm 9	DC	xã Tân Hương	H. Tân Kỳ	19° 02' 40"	105° 12' 11"					E-48-19-C
xóm 10	DC	xã Tân Hương	H. Tân Kỳ	19° 03' 33"	105° 12' 29"					E-48-19-C
xóm 11	DC	xã Tân Hương	H. Tân Kỳ	19° 03' 46"	105° 12' 12"					E-48-19-C
xóm 12	DC	xã Tân Hương	H. Tân Kỳ	19° 03' 48"	105° 12' 00"					E-48-19-C
xóm 13	DC	xã Tân Hương	H. Tân Kỳ	19° 03' 59"	105° 12' 13"					E-48-19-C
xóm 14	DC	xã Tân Hương	H. Tân Kỳ	19° 02' 20"	105° 13' 06"					E-48-19-C
xóm 15	DC	xã Tân Hương	H. Tân Kỳ	19° 00' 54"	105° 12' 38"					E-48-19-C
xóm 16	DC	xã Tân Hương	H. Tân Kỳ	19° 03' 12"	105° 12' 04"					E-48-19-C
Sông Con	TV	xã Tân Hương	H. Tân Kỳ			19° 15' 32"	105° 25' 09"	19° 02' 14"	104° 58' 20"	E-48-19-D-d, E-48-18-D
Khe Dền	TV	xã Tân Hương	H. Tân Kỳ			19° 01' 22"	105° 10' 35"	19° 01' 32"	105° 10' 05"	E-48-19-C
đường Hồ Chí Minh	KX	xã Tân Hương	H. Tân Kỳ			19° 26' 38"	105° 26' 56"	18° 35' 45"	105° 26' 04"	E-48-19-C
đường tỉnh 545	KX	xã Tân Long	H. Tân Kỳ			19° 19' 30"	105° 25' 06"	19° 03' 01"	105° 16' 20"	E-48-19-D-c
Sông Con	TV	xã Tân Long	H. Tân Kỳ			19° 15' 32"	105° 25' 09"	19° 02' 14"	104° 58' 20"	E-48-19-D-d, E-48-18-D
xóm Tân Hồ	DC	xã Tân Long	H. Tân Kỳ	19° 06' 16"	105° 16' 33"					E-48-19-D-c
xóm Tân Lập	DC	xã Tân Long	H. Tân Kỳ	19° 06' 55"	105° 16' 51"					E-48-19-D-c
xóm Tân Long	DC	xã Tân Long	H. Tân Kỳ	19° 07' 11"	105° 17' 02"					E-48-19-D-c
xóm Tân Minh	DC	xã Tân Long	H. Tân Kỳ	19° 07' 32"	105° 15' 22"					E-48-19-D-c
xóm Tân Phúc	DC	xã Tân Long	H. Tân Kỳ	19° 07' 12"	105° 14' 13"					E-48-19-D-c
xóm Tân Thắng	DC	xã Tân Long	H. Tân Kỳ	19° 06' 34"	105° 16' 37"					E-48-19-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
xóm Tân Thành	DC	xã Tân Long	H. Tân Kỳ	19° 05' 43"	105° 16' 23"					E-48-19-D-c
Núi Thắm	SV	xã Tân Long	H. Tân Kỳ	19° 07' 41"	105° 16' 46"					E-48-19-D-c
đường tỉnh 545	KX	xã Tân Phú	H. Tân Kỳ			19° 19' 30"	105° 25' 06"	19° 03' 01"	105° 16' 20"	E-48-19-D-a
Núi Doan	SV	xã Tân Phú	H. Tân Kỳ	19° 12' 41"	105° 19' 25"					E-48-19-D-a
hồ Đức Thịnh	TV	xã Tân Phú	H. Tân Kỳ	19° 12' 15"	105° 20' 51"					E-48-19-D-a
xóm Đức Thịnh	DC	xã Tân Phú	H. Tân Kỳ	19° 12' 37"	105° 20' 56"					E-48-19-D-a
xóm Hạ Sưu	DC	xã Tân Phú	H. Tân Kỳ	19° 11' 29"	105° 20' 38"					E-48-19-D-a
Suối Lồi	TV	xã Tân Phú	H. Tân Kỳ			19° 11' 17"	105° 15' 00"	19° 10' 26"	105° 16' 50"	E-48-19-D-a
Suối Mai	TV	xã Tân Phú	H. Tân Kỳ			19° 09' 24"	105° 19' 22"	19° 11' 53"	105° 21' 04"	E-48-19-D-a
xóm Tân Đồng	DC	xã Tân Phú	H. Tân Kỳ	19° 10' 36"	105° 19' 57"					E-48-19-D-a
xóm Tân Lương	DC	xã Tân Phú	H. Tân Kỳ	19° 11' 45"	105° 20' 01"					E-48-19-D-a
xóm Tân Lý	DC	xã Tân Phú	H. Tân Kỳ	19° 08' 45"	105° 15' 06"					E-48-19-D-a
xóm Tân Phong	DC	xã Tân Phú	H. Tân Kỳ	19° 09' 55"	105° 16' 30"					E-48-19-D-a
xóm Tân Phú	DC	xã Tân Phú	H. Tân Kỳ	19° 09' 42"	105° 17' 51"					E-48-19-D-a
xóm Tân Thái	DC	xã Tân Phú	H. Tân Kỳ	19° 09' 56"	105° 17' 56"					E-48-19-D-a
xóm Tân Xuân	DC	xã Tân Phú	H. Tân Kỳ	19° 08' 51"	105° 16' 06"					E-48-19-D-a
xóm Tân Yên	DC	xã Tân Phú	H. Tân Kỳ	19° 09' 19"	105° 17' 11"					E-48-19-D-a
xóm Thống Nhất	DC	xã Tân Phú	H. Tân Kỳ	19° 10' 46"	105° 18' 55"					E-48-19-D-a
xóm Vật Tư	DC	xã Tân Phú	H. Tân Kỳ	19° 09' 33"	105° 17' 20"					E-48-19-D-a
Núi Voi	SV	xã Tân Phú	H. Tân Kỳ	18° 41' 09"	105° 28' 53"					E-48-31-D
núi Con Trâu	SV	xã Tân Xuân	H. Tân Kỳ	19° 11' 41"	105° 16' 03"					E-48-19-D-a
Núi Doan	SV	xã Tân Xuân	H. Tân Kỳ	19° 12' 41"	105° 19' 25"					E-48-19-D-a
Khe Hao	TV	xã Tân Xuân	H. Tân Kỳ			19° 14' 07"	105° 15' 41"	19° 10' 50"	105° 17' 07"	E-48-19-D-a
xóm Hoàng Trang	DC	xã Tân Xuân	H. Tân Kỳ	19° 11' 06"	105° 17' 07"					E-48-19-D-a
xóm Hoàng Xuân	DC	xã Tân Xuân	H. Tân Kỳ	19° 10' 37"	105° 15' 54"					E-48-19-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
núi Kẻ Bút	SV	xã Tân Xuân	H. Tân Kỳ	19° 11' 03"	105° 16' 10"					E-48-19-D-a
Đồi Khướng	SV	xã Tân Xuân	H. Tân Kỳ	19° 11' 49"	105° 17' 18"					E-48-19-D-a
Đồi Lẻ	SV	xã Tân Xuân	H. Tân Kỳ	19° 13' 02"	105° 18' 13"					E-48-19-D-a
Suối Lồi	TV	xã Tân Xuân	H. Tân Kỳ			19° 11' 17"	105° 15' 00"	19° 10' 26"	105° 16' 50"	E-48-19-D-a
xóm Thanh Trà	DC	xã Tân Xuân	H. Tân Kỳ	19° 11' 15"	105° 18' 13"					E-48-19-D-a
xóm Trung Lương	DC	xã Tân Xuân	H. Tân Kỳ	19° 11' 36"	105° 19' 13"					E-48-19-D-a
xóm Vĩnh Đồng	DC	xã Tân Xuân	H. Tân Kỳ	19° 11' 03"	105° 17' 38"					E-48-19-D-a
xóm Xuân Dương	DC	xã Tân Xuân	H. Tân Kỳ	19° 10' 18"	105° 17' 22"					E-48-19-D-a
xóm Xuân Yên	DC	xã Tân Xuân	H. Tân Kỳ	19° 10' 41"	105° 16' 17"					E-48-19-D-a
núi Bù À	SV	xã Tiên Kỳ	H. Tân Kỳ	19° 04' 02"	105° 06' 09"					E-48-19-C
xóm Bù Chải	DC	xã Tiên Kỳ	H. Tân Kỳ	19° 04' 59"	105° 04' 19"					E-48-19-C
đập Đồng Ếch	TV	xã Tiên Kỳ	H. Tân Kỳ	19° 05' 03"	105° 02' 50"					E-48-19-C
núi Hang Trâu	SV	xã Tiên Kỳ	H. Tân Kỳ	19° 07' 56"	105° 03' 06"					E-48-19-C
đập Kẻ Diện	TV	xã Tiên Kỳ	H. Tân Kỳ	19° 06' 04"	105° 05' 16"					E-48-19-C
xóm Kẻ Diện	DC	xã Tiên Kỳ	H. Tân Kỳ	19° 05' 46"	105° 05' 16"					E-48-19-C
xóm Kẻ Giếng	DC	xã Tiên Kỳ	H. Tân Kỳ	19° 05' 21"	105° 04' 02"					E-48-19-C
xóm Kẻ Ổn	DC	xã Tiên Kỳ	H. Tân Kỳ	19° 05' 36"	105° 04' 45"					E-48-19-C
xóm Kẻ Phảy	DC	xã Tiên Kỳ	H. Tân Kỳ	19° 04' 51"	105° 03' 38"					E-48-19-C
suối Khe Lòa	TV	xã Tiên Kỳ	H. Tân Kỳ			19° 06' 15"	105° 06' 01"	19° 03' 05"	105° 03' 02"	E-48-19-C
xóm Kỳ Thịnh	DC	xã Tiên Kỳ	H. Tân Kỳ	19° 04' 01"	105° 03' 42"					E-48-19-C
xóm Mo Học	DC	xã Tiên Kỳ	H. Tân Kỳ	19° 04' 42"	105° 03' 10"					E-48-19-C
xóm Nam Cường	DC	xã Tiên Kỳ	H. Tân Kỳ	19° 04' 28"	105° 04' 51"					E-48-19-C
xóm Nam Kỳ	DC	xã Tiên Kỳ	H. Tân Kỳ	19° 05' 09"	105° 05' 34"					E-48-19-C
núi Pa Lồ	SV	xã Tiên Kỳ	H. Tân Kỳ	19° 05' 51"	105° 02' 43"					E-48-19-C
xóm Tân Đồng	DC	xã Tiên Kỳ	H. Tân Kỳ	19° 05' 35"	105° 04' 03"					E-48-19-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
xóm Thái Minh	DC	xã Tiên Kỳ	H. Tân Kỳ	19° 05' 25"	105° 03' 30"					E-48-19-C
đập Thiên Hữu	TV	xã Tiên Kỳ	H. Tân Kỳ	19° 04' 50"	105° 06' 16"					E-48-19-C
đập Thung Mét	TV	xã Tiên Kỳ	H. Tân Kỳ	19° 04' 55"	105° 05' 10"					E-48-19-C
khối 1	DC	TT. Thanh Chương	H. Thanh Chương	18° 47' 29"	105° 20' 10"					E-48-31-B-c
khối 2	DC	TT. Thanh Chương	H. Thanh Chương	18° 47' 11"	105° 20' 21"					E-48-31-B-c
khối 3	DC	TT. Thanh Chương	H. Thanh Chương	18° 46' 51"	105° 19' 43"					E-48-31-B-c
khối 4	DC	TT. Thanh Chương	H. Thanh Chương	18° 46' 56"	105° 19' 52"					E-48-31-B-c
khối 5	DC	TT. Thanh Chương	H. Thanh Chương	18° 46' 53"	105° 20' 24"					E-48-31-B-c
khối 6	DC	TT. Thanh Chương	H. Thanh Chương	18° 47' 03"	105° 19' 44"					E-48-31-B-c
khối 7	DC	TT. Thanh Chương	H. Thanh Chương	18° 47' 04"	105° 20' 04"					E-48-31-B-c
khối 8	DC	TT. Thanh Chương	H. Thanh Chương	18° 46' 56"	105° 20' 13"					E-48-31-B-c
khối 9	DC	TT. Thanh Chương	H. Thanh Chương	18° 46' 24"	105° 19' 56"					E-48-31-B-c
khối 10	DC	TT. Thanh Chương	H. Thanh Chương	18° 47' 21"	105° 19' 53"					E-48-31-B-c
khối 11	DC	TT. Thanh Chương	H. Thanh Chương	18° 47' 55"	105° 20' 22"					E-48-31-B-c
khối 12	DC	TT. Thanh Chương	H. Thanh Chương	18° 46' 33"	105° 20' 04"					E-48-31-B-c
khối 13	DC	TT. Thanh Chương	H. Thanh Chương	18° 46' 03"	105° 20' 33"					E-48-31-B-c
khối 14	DC	TT. Thanh Chương	H. Thanh Chương	18° 46' 48"	105° 21' 00"					E-48-31-B-c
khối 15	DC	TT. Thanh Chương	H. Thanh Chương	18° 46' 59"	105° 21' 21"					E-48-31-B-c
Sông Lam	TV	TT. Thanh Chương	H. Thanh Chương			19° 26' 44"	104° 35' 28"	18° 45' 52"	105° 45' 45"	E-48-31-B-c
xóm 1	DC	xã Cát Văn	H. Thanh Chương	18° 53' 07"	105° 15' 16"					E-48-31-B-a
xóm 2	DC	xã Cát Văn	H. Thanh Chương	18° 53' 04"	105° 15' 49"					E-48-31-B-a

(Xem tiếp Công báo số 265 + 266)

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ: Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: 080.44946 – 080.44417
Fax: 080.44517
Email: congbao@chinhphu.vn
Website: http://congbao.chinhphu.vn
In tại: Xí nghiệp Bản đồ 1 - Bộ Quốc phòng

Giá: 10.000 đồng